

VIỆT-NAM TIỂU-HỌC TÙNG THƯ

LUÂN-LÝ ✓
GIÁO-KHOA THƯ

Phụ thêm

Chính-trị — Phong-tục — Đơn-từ, thư-khê

LỚP SƠ-ĐẲNG

Sách của Nha Học-chính Đông-pháp đã giao cho ông
TRẦN-TRỌNG-KIM, ông NGUYỄN-VĂN-NGỌC, ông ĐẶNG-ĐÌNH-PHÚC
và ông ĐỖ-THẦN soạn.

In lần thứ ba



NHA HỌC-CHÍNH ĐÔNG-PHÁP

XUẤT-BẢN

1927

COLLECTION DES LIVRES CLASSIQUES
à l'usage des Ecoles Élémentaires indigènes

MANUEL DE MORALE

et

Notions élémentaires administratives et de droit indigène

COURS ÉLÉMENTAIRE

La rédaction de ce manuel a été confiée par
la Direction de l'Instruction Publique
à MM. TRẦN-TRỌNG-KIM, NGUYỄN-VĂN-NGỌC,
ĐẶNG-ĐÌNH-PHÚC et ĐỖ-THẦN

Troisième édition



PUBLIÉ PAR
LA DIRECTION DE L'INSTRUCTION PUBLIQUE EN INDOCHINE
1927

Tous droits réservés

Reproduction interdite

VIỆT-NAM TIÊU-HỌC TÙNG THƯ

LUÂN-LÝ GIÁO-KHOA THƯ

phụ thêm

Chính-trị — Phong-tục — Đơn-từ, thư-khê.

LỚP SƠ-ĐẲNG

Sách của Nha Học-chính Đông-pháp đã giao cho ông
TRẦN-TRỌNG-KIM, ông NGUYỄN-VĂN-NGỌC, ông ĐẶNG-ĐÌNH-PHÚC
và ông ĐỖ-THẦN soạn.

In lần thứ ba



NHA HỌC-CHÍNH ĐÔNG-PHÁP

XUẤT-BẢN

1927

Nhà-nước giữ bản quyền.

Cấm không ai được in lại.

PHẦN THỨ NHẤT

Luân-lý.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

BỒN-PHẬN ĐỐI VỚI GIA-TỘC

1. — Gia-tộc.

Gia tức là nhà, thì có ông bà, cha mẹ và anh em, chị em. Tộc tức là họ, thì bên nội có chú, bác, cô, thím, anh em, chị em con chú, con bác; bên ngoại có cậu, mợ, dì và anh em, chị em con cô, con cậu và đôi con dì.

Vậy gia-tộc là chỉ gồm cả những người cùng chung một máu mủ.

Người một gia-tộc ở với nhau, phải thương yêu nhau, bênh vực nhau và giúp đỡ nhau. Những cách ăn ở với nhau như thế, tức là bổn-phận của mọi người ở trong gia-tộc.



Một nhà sum họp.

Tiểu dẫn. — Sự liên-lạc trong gia-tộc.

Huyền hồi Kinh rằng : « Hòm nọ thầy giảng bài, ví những người trong gia-tộc như những viên gạch xây tường, là ý nghĩa làm sao ? Như tôi mà lại ví với viên gạch, thì là lẽ gì ? »

Kính trả lời rằng : « Anh không hiểu thầy nói thế là nói thí dụ à ? Ý thầy muốn nói rằng : Gạch để rời từng hòn, thì không được việc gì, thế mà lấy vôi xây với nhau thành tường, làm thành nhà, thì che-chở cho người ta được khỏi nắng mưa gió bão. Người ta cũng vậy, lẻ-loi một mình, thì không làm gì được, hội-hợp với nhau thành gia-tộc, thì có thể-lực mạnh. »

Giải nghĩa. — *Bên nội* = họ bên cha. — *Bên ngoại* = họ bên mẹ.

Câu hỏi. — Gia là gì ? — Tộc là gì ? — Người trong một gia-tộc có những ai ? — Những người trong gia-tộc phải ăn-ở với nhau thế nào ? — Huyền hỏi Kính gì ? — Kính trả lời làm sao ?

CÁCH-NGÔN. — Máu chảy ruột móm.

2. — Bồn-phận làm con.

Kể từ khi con mới sinh ra cho đến khi khôn lớn, cha mẹ phải nuôi-nấng công-trình, kể biết là bao ! Mẹ thì nuôi con, bồng bế nâng-niu, phải chịu nhiều điều cực-khổ. Cha thì đi làm-lụng vất-vả để lo cho con được no ấm. Cha mẹ lại dạy bảo con và cho con đi học để mở-mang trí-tuệ. Vậy bồn-phận con là phải thờ cha mẹ cho trọn chữ hiếu.



Thằng Ba yếu.

Tiểu dẫn. — **Công cha mẹ.**

Thằng Ba yếu. Cha mẹ nó phải chăm nom thuốc-thang cho nó. Một hôm, cơn sốt (1) đã lui, nó trông thấy cha mẹ nó ra dáng lo sợ buồn rầu. Nó mới nghĩ bụng rằng : « Cha mẹ thương ta hết lòng như thế, vậy mà khi ta khỏe mạnh, có giúp đỡ cha mẹ được việc gì, thì đã kể công. Rõ thật là :

Cha mẹ nuôi con bằng trời, bằng bể,

Con nuôi cha mẹ, con kể từng ngày.

Cha mẹ nuôi con công-trình khó nhọc biết bao, đạo làm con há lại không mong (2) báo đền chút đỉnh. Vậy từ rày trở đi, ta phải ăn-ở cho trọn chữ hiếu để cho cha mẹ được thỏa lòng ».

Ba nghĩ như thế rồi thì thấy trong người khoan-khoái như đã làm được điều gì rất hay, rất phải vậy.

Câu hỏi. — Cha mẹ nuôi con thế nào ? — Con phải ở với cha mẹ làm sao ? — Thằng Ba nghĩ gì ? — Nó định bụng như thế nào ? — Nghĩa câu tục-ngữ nói trong bài là thế nào ?

CÁCH-NGÔN. — Vì nhân tử chí ư hiếu.

3. — Yêu mến cha mẹ.

Cha mẹ sinh ra con tất là yêu mến con. Vậy kẻ làm con phải yêu mến cha mẹ. Yêu mến cha mẹ, tức là hiếu với cha mẹ.

Hiếu là một điều rất quan-trọng trong luân-lý của ta. Vậy đạo làm con phải biết lấy chữ hiếu làm đầu.

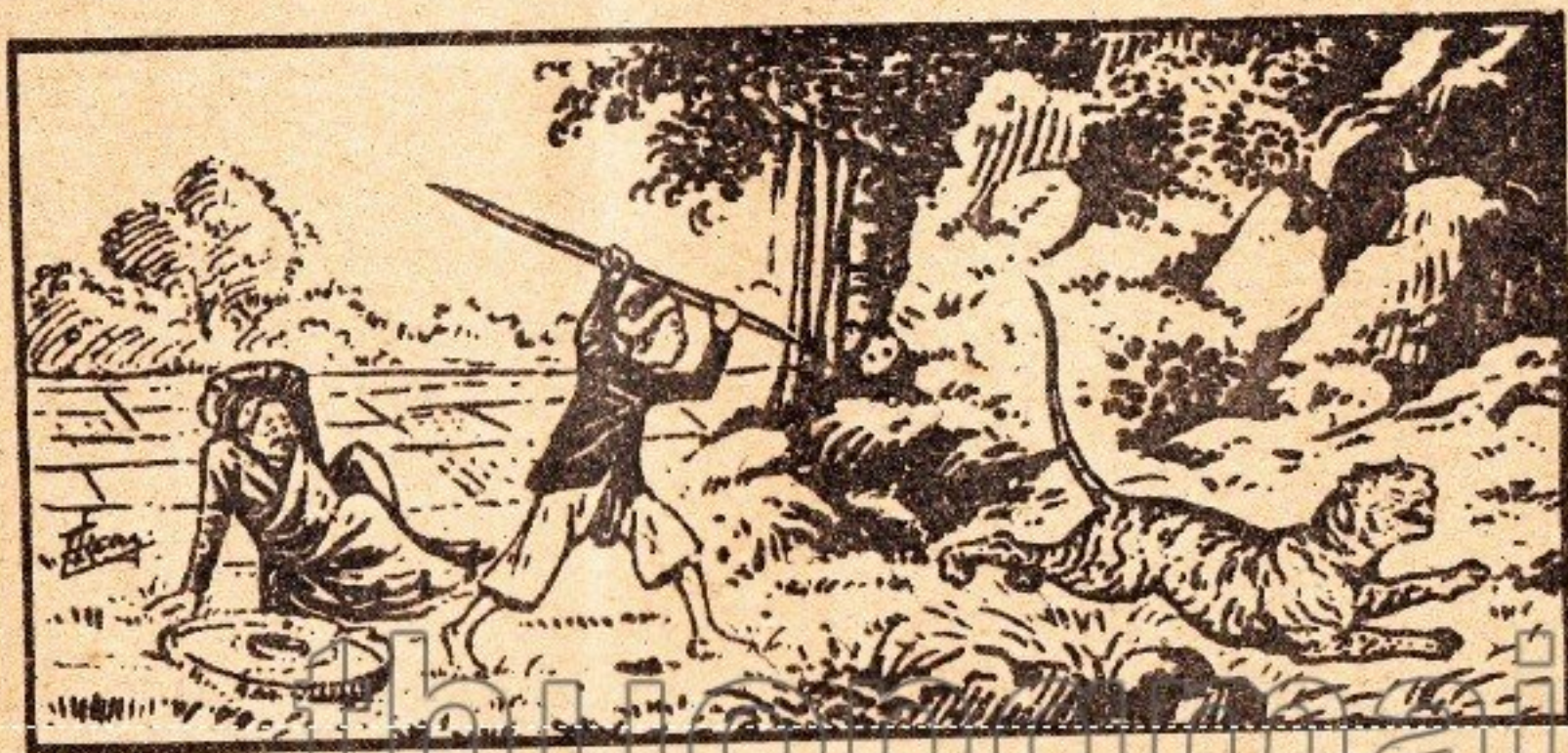
Tiểu dẫn. — **Nguyễn-Áng.**

Ông Nguyễn-Áng, người ở Nghệ-an, thờ mẹ rất có hiếu.

Một hôm, hai mẹ con đang gặt lúa ở dưới chân núi, bỗng có con cọp ở trong bụi cây nhảy ra vồ mẹ. Ông liền cầm đòn

(1) cơn nóng lạnh — (2) trông.

xóc xồng vào đánh cạp. Cạp kia tuy khỏe, nhưng ông liều chết, đánh hăng dữ lắm, nên cạp phải bỏ chạy. Mẹ ông bị nhiều vết thương, ông cống về thuốc-thang nuôi-nấng suốt một năm trời mới khỏi.



Nguyễn-Áng đánh hổ.

Thế mới hay không có gì mạnh hơn cái lòng hiếu của người con được.

Câu hỏi. — Trong luân-lý ta lấy gì làm trọng hơn cả ? — Tại làm sao con phải yêu cha mẹ ? — Ông Nguyễn-Áng, một hôm đang đi gặt với mẹ, có con cạp đến làm gì ? — Ông liều chết cứu mẹ thế nào ? — Các anh cho ông là người thế nào ?

CÁCH-NGÔN. — Hiếu ư thân, sở đương thức.

4. — Phải tôn kính và vâng lời cha mẹ.

Tôn kính cha mẹ là phải giữ lễ-phép với cha mẹ. Cách ăn nói, lúc đứng ngồi, phải giữ-gìn ý-tử, không làm điều gì mất lòng và trái ý người.

Vâng lời cha mẹ là khi cha mẹ bảo điều gì thì phải nghe, không được cưỡng lại. Cha mẹ là người đã trải việc đời, dạy bảo ta điều gì, là mong cho ta hay. Vậy ta phải vâng lời cha mẹ. Người con biết tôn-kính và vâng lời cha mẹ, là người con có hiếu.

Tiêu dẫn. — Chuyện vua Trần Anh-Tôn.

Đời xưa, vua Trần Anh-Tôn, nhân ngày tết đoàn-ngọ, uống rượu say, bỏ việc triều-chính. Thái-thượng-hoàng đến thăm, thấy vậy, tức giận, bỏ về. Khi vua Anh-Tôn tỉnh rượu, biết mình có lỗi, vội-vàng làm biểu đem dâng Thái-thượng-hoàng, rồi lạy phục xuống sân mà tạ tội. Thái-thượng-hoàng quả mắng rằng : « Con



Trần Anh-Tôn tạ tội.

rượu-chè như thế, thật là trái đạo làm vua. Từ rày phải chừa rượu đi.» Từ đó, Anh-Tôn vâng lời vua cha dạy, không dám uống rượu nữa.

Ấy, bậc đế-vương còn giữ đạo hiếu như vậy, huống chi ta lại không biết tôn-kính và vâng lời cha mẹ hay sao ?

Giải nghĩa. — Thái-thượng-hoàng = ông vua đã nhường ngôi cho con rồi.

Câu hỏi. — Tôn kính cha mẹ là thế nào ? — Vâng lời cha mẹ là thế nào ? — Vua Anh-Tôn một hôm say rượu thế nào ? — Thái-thượng-hoàng thấy vậy, làm gì ? — Lúc tỉnh rượu, vua Anh-Tôn làm gì ?

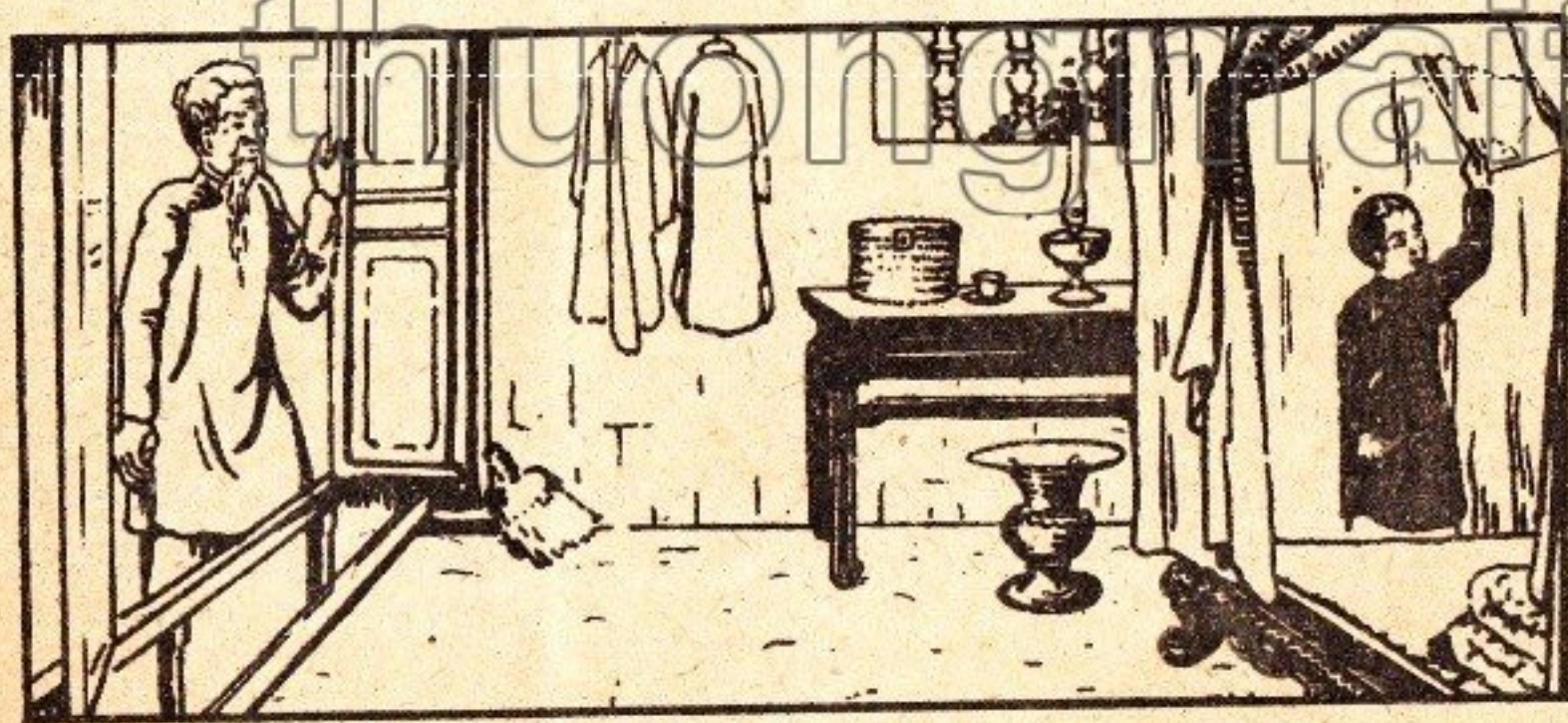
CÁCH-NGÔN. — Bất đắc hổ thân, bất khả dĩ vi nhân ;
bất thuận hổ thân, bất khả dĩ vi tử.

5. — Biết ơn cha mẹ.

Phàm người nào đã biết kính yêu cha mẹ, tất là biết ơn cha mẹ. Cha mẹ mình sinh ra mình, nuôi-nấng mình, khó nhọc biết bao nhiêu, lại lo cho mình nên người tử-tế, thì công đức ấy kể sao cho xiết được. Vậy kẻ làm con phải dốc lòng báo ơn cha mẹ. Lúc nhỏ, thì sự biết ơn chỉ cốt ở cách vâng lời và lòng yêu mến. Nhưng khi lớn lên, cha mẹ già-cả, thì phải hết lòng phụng-dưỡng: sớm thăm, tối hỏi, cơm ngon, canh ngọt, quạt nồng, ấp lạnh. Chỉ có những quân vô học, đê-hạ như loài vật, thì mới quên ơn cha mẹ.

Tiểu dẫn. — **Chuyện người Hoàng-Hương.**

Xưa có người Hoàng-Hương ở với cha mẹ thật là hiếu thảo. Lúc mới lên chín đã biết quạt nồng ấp lạnh cho cha mẹ.



Quạt nồng ấp lạnh.

Khi lớn, tuy làm nên quan to, cũng vẫn một niềm hầu-hạ cha mẹ rất là cung kính, chớ không sai bảo đầy-tớ mấy khi. Bỗng lộc được bao nhiêu, chỉ cốt đem về để phụng-dưỡng mẹ cha. Gặp khi mẹ ốm, chính ông đi sắc thuốc và săn-sóc luôn bên giường, suốt đêm không ngủ. Ông ăn-ở với cha mẹ hiếu hạnh như thế, mà đến lúc cha mẹ mất, vẫn còn nhắc nhớ luôn, hình như chưa đủ báo-đền được cái ơn nghĩa của cha mẹ.

Giải nghĩa. — Quạt nồng ấp lạnh = nồng là nóng. Quạt nồng ấp lạnh nghĩa là khi nóng thì quạt cho mát, khi lạnh thì nằm trước cho ấm chỗ.

Câu hỏi. — Công-trình cha mẹ nuôi con thế nào? — Con phải tỏ lòng biết ơn cha mẹ thế nào? — Hoàng-Hương lúc mới lên chín đã biết thờ phụng cha mẹ làm sao? — Lúc lớn, săn-sóc đền cha mẹ thế nào?

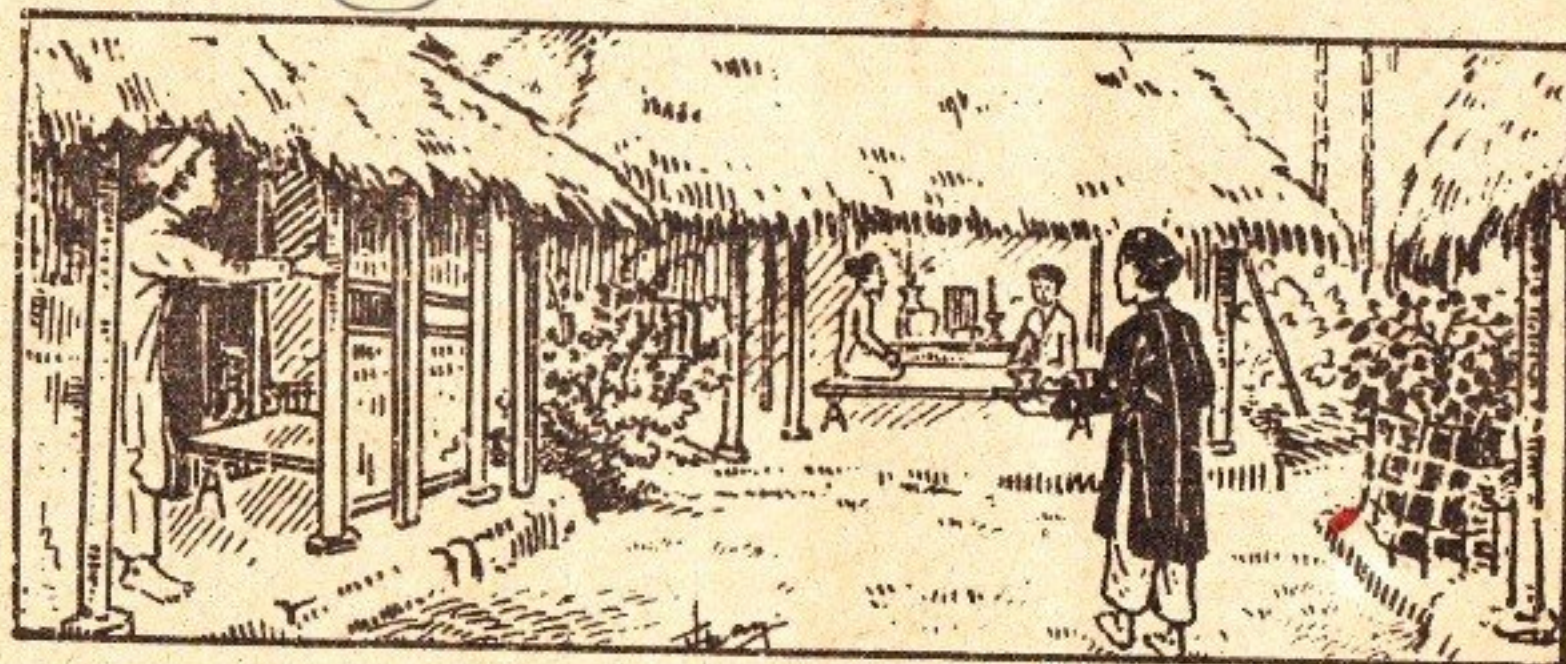
CÁCH-NGÔN. — Sự phụng mẫu năng kiệt kỳ lực.

6. — Phụng-dưỡng cha mẹ khi già yếu.

Khi cha mẹ già yếu, tất phải nương cậy vào con, vậy kẻ làm con phải nuôi-nấng và đỡ-dần người cho trọn đạo. Cha mẹ càng ngày càng già yếu, thì ta lại càng phải trông nom, săn-sóc bội phần. Không cứ giàu, khó, sang, hèn, bao giờ ta cũng phải lấy sự thành kính mà thờ-phụng cha mẹ.

Tiểu dẫn. — **Mao-Nhung nuôi cha mẹ.**

Người Mao-Nhung đời xưa, nhà nghèo, phải đi làm thuê làm mướn, để lấy tiền nuôi cha mẹ. Một hôm, có người bạn đến thăm, thấy anh ta đi làm thịt gà, thì ngỡ rằng làm để thết mình.



Mao-Nhung bưng cơm lên cho cha mẹ.

Nhưng đến lúc cơm dọn ra, thì chỉ thấy cà với rau luộc mà thôi. Người bạn không hiểu anh ta làm gà để làm gì, trông ra thì thấy mâm cơm bưng lên cho cha mẹ ăn, có cơm trắng với thịt gà. Bấy giờ người bạn mới rõ Mao-Nhung là con chí-hiếu, biết chịu sự kham-khở, để miếng ngon, miếng lành mà nuôi cha mẹ.

Giải nghĩa. — *Phụng-dưỡng* = kính thờ, nuôi-nấng. — *Bội phân* = gắp hơn lên mấy lần. — *Chí hiếu* = rất có hiếu.

Câu hỏi. — Khi cha mẹ già yếu, con cái phải thờ-phụng thế nào? — Một hôm, người bạn đến nhà Mao-Nhung, thấy anh ta làm gì? — Trước nghĩ bụng làm sao? — Sau thấy thế nào mới hiểu Mao-Nhung là người chí-hiếu?

CÁCH-NGÔN. — Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ.

7. — Cháu đối với ông bà (mẹ)

Người con đã có hiếu với cha mẹ tất là kính mến ông bà (mẹ), bởi vì ông bà sinh ra cha mẹ, cũng như cha mẹ mình sinh ra mình vậy. Có lẽ nào mình kính mến cha mẹ, mà lại không kính mến ông bà. Vả lại ông bà bao giờ cũng thương yêu cháu. Vậy thì các cháu há lại không nên kính yêu ông bà cho hết bần-phận hay sao?

Tiểu dẫn. — **Lý-Mật nuôi bà.**

Lý-Mật mồ-côi cha từ thuở nhỏ. Mẹ bỏ đi lấy chồng. Bà nuôi cho ăn học thành được người có danh vọng thời bấy giờ. Vua triệu ra làm quan, nhưng ông từ chối không nhận, vì ở nhà còn bà già đã ngoài chín-mươi tuổi và đau yếu luôn, mà chỉ trông cậy vào một mình ông. Lý-Mật thờ bà rất là hiếu thảo. Gặp khi bà đau, thì trông nom thuốc-thang, thức luôn mấy đêm không ngủ. Có người thấy thế, khuyên ông nên giữ-gìn thân-thể. Ông nói rằng: « Cha tôi mất sớm, bà tôi nuôi tôi từ lúc còn nhỏ dại, không có bà tôi, thì ngày nay không có tôi, mà bà tôi không có tôi thì không ai giúp đỡ nuôi-nấng. Vậy tôi phải hết lòng với bà tôi ».



Lý-Mật nuôi bà.

Quả nhiên Lý-Mật nuôi bà đến lúc bà mất, hết tang, rồi mới chịu ra làm quan.

Giải nghĩa. — *Người có danh vọng* = người có tiếng đức-hạnh ai cũng kính phục.

Câu hỏi. — Tại làm sao ta phải kính mến ông bà? — Ai nuôi ông Lý-Mật lúc thuở nhỏ? — Lúc trưởng thành ông phụng-dưỡng bà ông thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Cháu phải kính mến ông bà cũng như cha mẹ.

8. — Thờ phụng tổ-tiên.

Người ta, ai cũng có tổ-tiên. Tổ-tiên là cái gốc gia-tộc nhà mình, vì trước khi có cha mẹ, có ông bà, thì phải có tổ-tiên.

Tổ-tiên trước đã phải làm-lụng khó-nhọc mới gây dựng nên cái cơ-nghiệp nhà mình. Vậy nên con cháu, ai cũng phải nhớ đến cái công-đức ấy mà cố sức ăn-ở cho phải đạo, để khỏi phụ lòng các đấng liên-nhân.

Ở nước ta, nhà nào cũng có bàn thờ ông bà ông vải, những ngày tuần-tiết và ngày giỗ chạp, con cháu tụ hội đông-đúc, hương hoa cúng vái, rất là thành kính. Mỗi năm lại mấy kỳ đi tảo mộ, nghĩa là đi sửa-sung mồ-mả của tổ-tiên. Thật là một cái tục rất hay để tỏ lòng kính nhớ tổ-tiên vậy.

Tiểu dẫn. — **Lòng nhớ tổ tiên.**

Đời vua Minh-Mạng, có một người ở Bắc-kỳ đỗ cử-nhân, được bổ vào làm hành-lầu trong kinh. Nhưng vì nhà nghèo và không quen biết ai, cho nên mãi không được thăng bổ chức khác. Người ấy làm hành-tầu đến mười lăm, mười sáu năm trời, lương bổng không đủ ăn, mà muốn về cũng không được. Tình cảnh tuy khổ-sở như thế, mà đến những ngày giỗ ông giỗ cha, cũng cố dành được ít tiền, mua hương hoa bày lên cúng lễ.

Một hôm, gặp ngày giỗ cha, người ấy đặt đồ cúng xong, ngồi ngâm thơ mà khóc. Chợt khi vua vi-hành đi qua đến cửa, nghe thấy than khóc, mới vào hỏi:

« Sao mà thầy than khóc như thế ? »

Người ấy nói rằng : « Hôm nay là ngày giỗ cha tôi. Tôi học hành đã đỗ lên được, mà bao nhiêu lâu nay, không làm nên gì cho vẻ-vang đến ông cha, thậm chí đến ngày giỗ cha, cũng không có gì mà cúng, cho nên tôi nghĩ mà tủi thân, ngâm mấy câu thơ cho giải phiền.



Nhớ ngày giỗ cha.

— Vua nói : Tôi là người làm việc ở trong Nội, có được thân với các cụ thượng, vậy thầy có muốn gì, tôi có thể giúp cho thầy được.

— Người kia nói : Tôi chỉ muốn Triều-đình cho tôi trở về quê hương để kiếm nghề làm ăn mà phụng-thờ tổ-tiên. »

Vài hôm sau, người ấy quả nhiên nhận được giấy trong Bộ cho về quê quán. Về đến nhà, lại liền tiếp được sắc nhà vua bổ cho đi làm quan to.

Ấy cũng vì người ấy có lòng hiếu nghĩa mà cảm động được lòng vua và được hiển vinh.

Giải nghĩa. — *Tiên nhân* = người sinh ra đời trước, tức là tổ tiên mình. — *Tuần tiết* = ngày tết, ngày lễ trong năm. — *Liễn-tàu* = người đỡ cờ-nhân vào trong kinh (Huê) để tập sự ở các bộ. — *Vi-hành* = đi lên, nói vua ra ngoài chơi, không cho ai biết.

Câu hỏi. — Gia-tộc bởi đâu mà ra ? — Tại làm sao mà ta phải nhớ công đức tổ-tiên ? — Ở nước ta thờ cúng tổ-tiên thế nào ? — Người hành-tẩu ở Huê th nào ? — Đền ngày giỗ cha, người ấy làm gì ? — Tại sao mà người ấy được làm quan

CÁCH-NGÔN. — **Bất vong kỳ bản.**

9. — Tình anh em chị em trong nhà.

Anh em chị em là cùng cha mẹ sinh ra, đều là khí huyết của mẹ mình cả.

Anh em chị em ở với nhau một nhà, từ lúc nhỏ dại cho đến lúc khôn lớn, khi buồn-bực, lúc vui-vẻ, trò-chuyện chơi-bời, không lúc nào là lúc không có nhau. Bởi vậy không có ai thân-ái bằng anh em và chị em một nhà.

Vậy nên anh em chị em phải thương yêu nhau, ở trong nhà thì nhường-nhịn nhau, có ăn cùng ăn, có chơi cùng chơi, đừng có ganh tị nhau mà sinh ra mất sự hòa-mục và lại làm phiền lòng cha mẹ.

Tiêu dẫn. — **Triệu-Hiếu cứu em.**

Cuối đời Vương-Mãng, thiên-hạ loạn lạc, người đói khát ăn



Bỏ mình cứu em.

thịt lẫn nhau. Ở nước Bái, em người Triệu-Hiếu là Lễ bị giặc đói bắt, sắp đem ăn thịt. Hiếu tự trời mình đến chỗ giặc ở mà xin

rằng: « Em tôi là Lẽ không có ăn đã lâu, gầy gò lắm, không béo đầy như tôi; xin bắt tôi ăn thịt và tha cho em tôi ».

Quân giặc nghe nói, lấy làm cảm-động, đều tha cả cho hai anh em mà bảo rằng: « Phải về đem gạo thóc đến đây. » Hiếu về, nhưng không tìm được gạo thóc, lại trở lại nói với giặc rằng: « Tôi không kiếm được gạo thóc, xin đến đề các ông ăn thịt ».

Quân giặc lấy làm lạ, tha cho về, không giết.

Hiếu đến xin thay chết cho em, không phải là mong được tha. Nhưng chỉ vì có nghĩa với em mà làm cho quân giặc đổi cũng phải động lòng thương.

Giải nghĩa. — Hòa-mục = thuận hòa mà trên kính dưới nhường.

Câu hỏi. — Anh em chị em ở với nhau phải thế nào? — Lẽ bị giặc bắt thế nào? — Hiếu làm gì để cứu em? — Quân giặc nói làm sao? — Sau Hiếu nói với giặc thế nào? — Tại sao mà giặc tha Hiếu?

CÁCH-NGÔN. — Huynh tắc hữn, đệ tắc cung.

10. — Quyền anh trưởng.

Trong nhà, dưới cha mẹ, thì có anh trưởng, là người trọng hơn cả. Anh có quyền dạy bảo các em. Anh là người giữ hương-hỏa thờ phụng tổ-tiên, giữ nề-nếp của ông cha để lại. Các em biết trọng anh, tức là trọng ông cha vậy.

Tiểu dẫn. — Phải biết trọng anh.

Ở làng Yên-lão, có nhà họ Phạm, cha mẹ mất sớm, anh trưởng tên là Tuấn, trông nom ⁽¹⁾ dạy bảo lũ em dại. Trong mấy đứa em có tên Minh tính hay chơi bời, không chịu học tập, chỉ bè bạn với những đồ vô loại. Thường anh bắt về đánh mắng luôn, nó lấy làm oán-hận.

(1) coi-sóc.

Một hôm đến nhà cô mà kê-lễ khóc-lóc. Cô an-ủi rồi bảo rằng: « Sao cháu không biết nghĩ làm vậy! Chẳng may cha mẹ mất sớm đi, mà được anh cháu trông nom dạy bảo cho như thế, là



Cô khuyên cháu.

nhà có phúc lắm đấy. Cháu phải biết rằng: cái quyền anh cháu bây giờ là thay cha mẹ mà dạy bảo các cháu, thì các cháu phải hết lòng tôn kính, vâng lời mới phải đạo, chớ sao lại oán-hận như thế».

Minh hiểu rõ nghĩa ấy, từ đó anh bảo gì cũng nghe, không dám lêu-lồng chơi-bời nữa.

Câu hỏi. — Dưới cha mẹ thì trong nhà ai là người trọng hơn cả? — Anh trưởng có quyền gì? — Minh ăn ở như thế nào? — Anh trưởng làm gì? — Minh đến nhà cô làm gì? — Cô bảo làm sao? — Minh sửa đổi tính nết thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Quyền huynh thế phụ.

11. — Bồn-phận anh trưởng phải trông nom ⁽¹⁾ em.

Người anh đã có quyền thay cha mẹ mà bắt các em phải kính thuận mình, thì bồn-phận người anh là phải trông nom ⁽¹⁾, dạy bảo các em và gây-dựng cho các em. Nếu mình chỉ biết ích-kỷ, không coi-sóc các em, để các em phải dốt-nát, khô-sở, thì là không làm hết bồn-phận mình, mà có tội với cha mẹ.

(1) coi-sóc.

Tiêu dẫn. — Người anh tốt.

Cha mẹ anh Nguyễn mất sớm, anh phải trông nom một đàn (đoàn) em dại. Anh hãy còn ít tuổi, nhưng học làm thợ mộc đã thành nghề. Anh không quản công lao khổ nhọc, sớm tối chăm



Anh cả làm để nuôi các em.

lo làm việc để lấy tiền nuôi các em. Đầu trông canh năm, anh đã dậy, làm cho đến đêm khuya mới đi ngủ. Lúc nào được rảnh việc, thì lại trông nom dạy bảo các em. Một mình anh làm để nuôi cả nhà, cho nên dầu vất-vả, khó-nhọc, mà vẫn không đủ ăn. Tuy vậy anh vẫn lo cho các em được no ấm, làng nước ai thấy thế cũng lấy làm quý mến anh là người hiếu đễ.

Câu hỏi — Bồn-phận người anh phải ăn-ở với các em thế nào? — Người anh không ở với các em cho hết lòng thì có tội với ai? — Anh Nguyễn ở với các em bé thế nào? — Người ta khen anh làm sao?

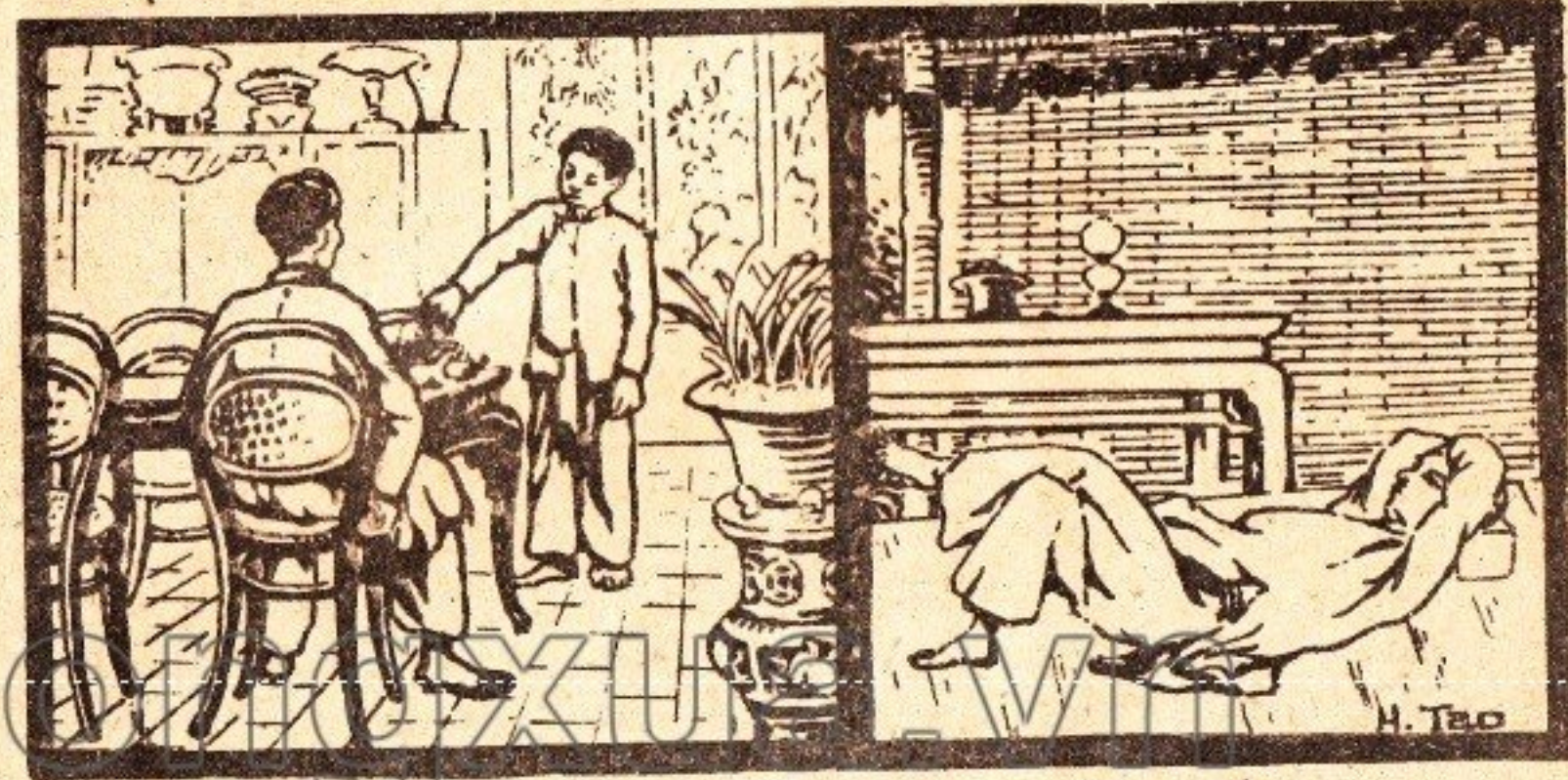
CÁCH-NGÔN. — Sẩy cha còn anh.

12. — Anh phải làm gương cho em.

Con một nhà, thì anh là bậc trên cả. Vậy bồn-phận anh là phải làm gương tốt cho các em bắt-chước. Cách ngôn-ngữ, sự cử-chỉ, cái gì cũng phải cho đứng-đắn, cho hợp với luân-lý, chớ có cờ-bạc rựu-chè, chơi-bời ngang-tàng, chớ có tham-lam cay-nghiệt, hung-ác, nóng-nảy, để cho đàn (đoàn) em dại trông thấy mà noi theo làm bậy. Hoặc trong các em có đứa nào hư, thì anh phải tìm cách mà dạy dỗ.

Tiêu dẫn. — Trần-An và Trần-Ích

Trần-An và Trần-Ích là hai anh em. Anh thì chăm-chỉ làm ăn, chẳng bao lâu trở nên giàu có. Em thì tính khí hoang-toàng (buông-tuồng), lúc đầu cũng đi làm công cho một nhà buôn, nhưng về sau vì lười-biếng, chơi-bời mà mất việc làm, phải đi kiếm ăn



Trần-An.

Trần-Ích.

lần hồi. Có khi một đồng, một chữ không có, phải ăn gửi năm nhờ. Những lúc cực-khờ như thế, mới nghĩ rằng: « Anh ta thì giàu có mà ta vất-vả như thế này là tại làm sao? Có phải là tại anh ta thì chịu khó làm ăn, mà ta thì chơi-bời lêu-lồng không? Vậy ta nên trông gương anh ta mà tu-tĩnh lại, thì mới mong có ngày khá được.

Ích nghĩ thế, rồi tự đó cố bắt-chước anh mà sửa mình, quả nhiên chẳng bao lâu cũng được giàu có như anh.

Giải nghĩa. — Ngang-tàng = ngược ngạo. — Tu-tĩnh = biết lỗi mà sửa mình.

Câu hỏi. — Anh phải làm gương cho em thế nào? — An và Ích tính khí khác nhau thế nào? — Ích khổ-sở làm sao? — Sau nghĩ thế nào mà biết tu-tĩnh?

CÁCH-NGÔN. — Thượng hành hạ hiệu.

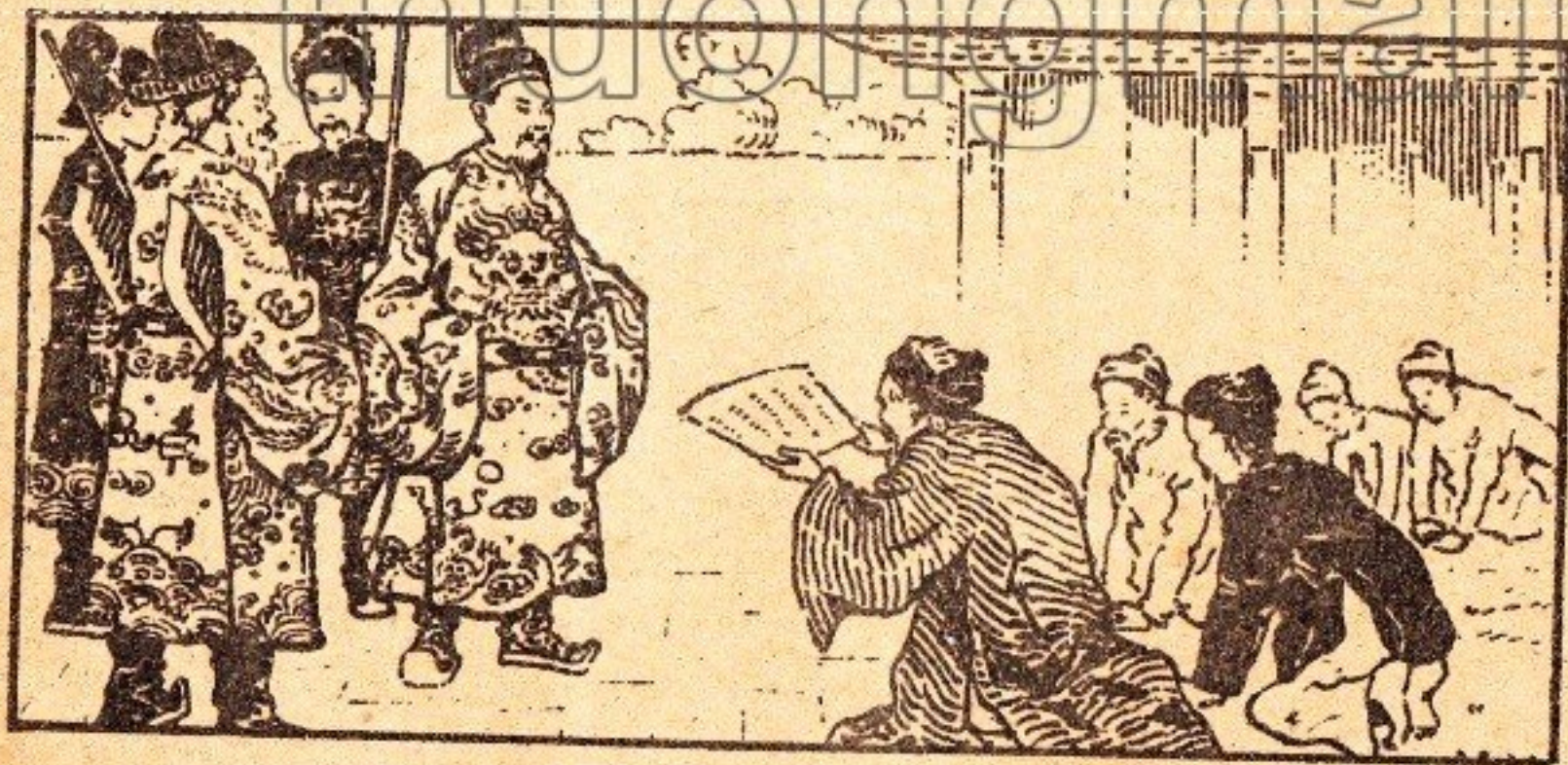
13. — Bỏn-phận người trong họ ăn-ở với nhau.

Trong một họ, dầu có chi nọ chi kia, nhưng cùng một ông tổ, cùng khí-huyết với nhau, khác nào như một cây to có nhiều cành⁽¹⁾, mà vẫn nguyên một gốc. Bởi vậy, những người trong một họ, nên phải thân yêu nhau, giúp đỡ lẫn nhau và cần nhất là phải nhường nhịn nhau để cho được sum-họp vui-vẻ.

Xưa nay các vua chúa vẫn lấy sự hòa-thuận trong nhà làm trọng. Vậy nên vua Tự-Đức có dụ rằng : phạm nhà nào anh em họ hàng ở với nhau được hòa mục, thì hằng năm quan sở-tại phải làm sớ tâu lên để nhà vua ban thưởng.

Tiểu dẫn. — Chín đời ở với nhau.

Nhà ông Trương-Công-Nghệ đời xưa, họ-hàng chín đời còn ở lẫn với nhau rất là hòa thuận. Vua nghe thấy vậy, lấy làm lạ.



Trương-Công-Nghệ dâng trăm chữ « nhẩn ».

một hôm ngự giá đến chơi nhà, hỏi rằng : « Cớ sao anh em họ hàng nhà ngươi cư-xử với nhau được hòa-thuận như thế ? » Ông

(1) nhánh.

Trương-Công-Nghệ viết một trăm chữ « nhẩn » dâng lên vua coi. Vua khen là phải, và thưởng cho mấy tấm lụa.

Thế mới biết chữ nhẩn là quý. Người trong một họ có nhường nhịn lẫn nhau, thì mới được đoàn-tụ vui-vẻ.

Câu hỏi. — Người trong một họ, ví như cái gì ? — Người trong một họ phải ăn ở với nhau làm sao ? — Kể lại chuyện ông Trương-Công-Nghệ.

CÁCH-NGÔN. — Họ chín đời còn hơn người dưng.

14. — Nghĩa gia-tộc.

Người trong một gia-tộc phải cố giữ cái danh-giá nhà mình cho trong sạch ; phải cố làm cho nhà mình được vẻ-vang ; phải giữ lấy thói-lễ, lấy nền-nếp của ông cha để lại ; phải tránh những điều gì trái đạo, có thể làm nhục đến cả nhà, cả họ. Những người có lòng vì gia-tộc là những người hiếu đễ, đáng kính, đáng mến.

Tiểu dẫn. — Chuyện anh Nam.

Anh Nam làm mạo một cái giấy, định để lừa người ta lấy



Nghĩ đến cha không làm xằng.

mấy ngàn bạc. Anh đọc đi, đọc lại, rồi cầm bút toan ký, chợt trông thấy cái đồng-hồ ở giữa bàn. Đồng-hồ ấy là của cha mới

mất để lại cho anh. Anh trông thấy cái đồng-hồ ấy lại nhớ đến cha vốn xưa là người lương-thiện. Anh mới nghĩ bụng rằng: Ta làm điều gian-dối như thế này, lỡ mà *phát-giác* ra, chẳng những một mình ta phải tội mà lại còn để nhục đến ông cha. Chắc là cha ta ở dưới *suối vàng* cũng không yên. . . »

Anh nghĩ thế, rồi đặt bút xuống bàn, cầm tờ giấy xé đi. Ấy cũng bởi lòng vì nghĩa gia-tộc mà anh Nam biết giữ mình không làm điều phi-nghĩa.

Giải nghĩa. — *Phát-giác* = lộ việc giả-dối ra mà người ta biết. — *Suối vàng* = tiếng dùng để chỉ cõi âm-phủ.

Câu hỏi. — Nghĩa gia-tộc là gì? — Anh Nam định làm gì? — Khi trông thấy cái đồng-hồ của cha để lại, thì anh nghĩ thế nào? — Nghĩ thế rồi anh làm gì?

CÁCH-NGÔN. — Con cháu làm đại thì hại đến danh giá ông cha.

15. TÔI-TỚ.

Tôi-tớ cũng là người như mình, chỉ vì đói khổ, mới phải đem thân đến hầu hạ mình. Chúng nó đã giúp mình được công kia việc nọ, cùng với mình chia sự vui sướng hay khổ-sở, thì mình cũng phải coi chúng nó như người thân-thích và cư-xử cho nhân-tử khoan-hậu mới được.

Tiểu dẫn. — **Nghĩa-bộc cứu chủ.**

Mai-Sinh là con Mai-Công tránh nạn muốn sang ở nhà *nhạc-thân* là Hầu-Loan, bấy giờ đang làm tri-huyện ở nơi xa. Có tên đầy-tớ là Hi-Đồng theo hầu. Khi đến nơi, vào hàng nghỉ, thấy nói Hầu-Loan là người ăn xổi ở thì, trọng phần danh lợi hơn tình bè-bạn. Hi-Đồng nghe nói, bèn thưa với Mai-Sinh rằng: « Họ Hầu là phường lảng-nhãng, chưa rõ lòng nham-hiềm ra thế nào. Tôi hãy xin thay công-tử vào trước, đề dò tình-hình ra làm sao. Bấy họ có lòng chim dạ cá, thì tôi xin đương nạn thay công-tử ». Nói xong thầy trò đổi lẫn áo cho nhau.

Quả nhiên lúc Hi-Đồng, giả làm Mai-Sinh vào, kể nỗi nhà oan-khốc cho Hầu-Loan nghe chưa dứt, thì Hầu-Loan trở mặt, quở



Mai-Sinh đưa áo cho Hi-Đồng.

mắng, rồi truyền bắt lại để nộp quan lấy thưởng. Hi-Đồng thấy vậy, trong lòng sẵn có gói thuốc độc, lấy ra nuốt ngay, quyết đường quỳn sinh để cho Hầu-Loan tưởng là Mai-Sinh chết thật mà không truy tầm nữa.

Giải nghĩa. — *Nghĩa-bộc* = đặng tỏ có nghĩa. — *Nhạc-thân* = cha mẹ vợ. — *Oan-khốc* = đau-dớn, khổ-sở mà oan uổng.

Câu hỏi. — *Tôi-tớ* là gì? — Tại làm sao phải cư-xử với *tôi-tớ* như người trong nhà, trong họ? — Hi-Đồng ở hết nghĩa với chủ thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Có của lấy của che thân, không của lấy thân che của.

16. — BỒN-PHẬN ĐỐI VỚI TÔI-TỚ.

Bồn-phận người chủ là phải lấy lòng khoan-nhân đại-độ mà bao dung những kẻ *tôi-tớ*. Sai bảo điều gì phải có chừng mực, và nhất là chớ nên chửi rủa, đánh đập mà mang tội.

Chủ lại phải có lòng thương yêu, cứu-mang kẻ *tôi-tớ*. Miếng ăn, miếng uống, phải trông nom cho đủ; mùa đông tháng giá⁽¹⁾, phải chăn⁽²⁾ chiếu cho từ-tế. Lỡ khi có đứa nào đau yếu, hoặc nhà

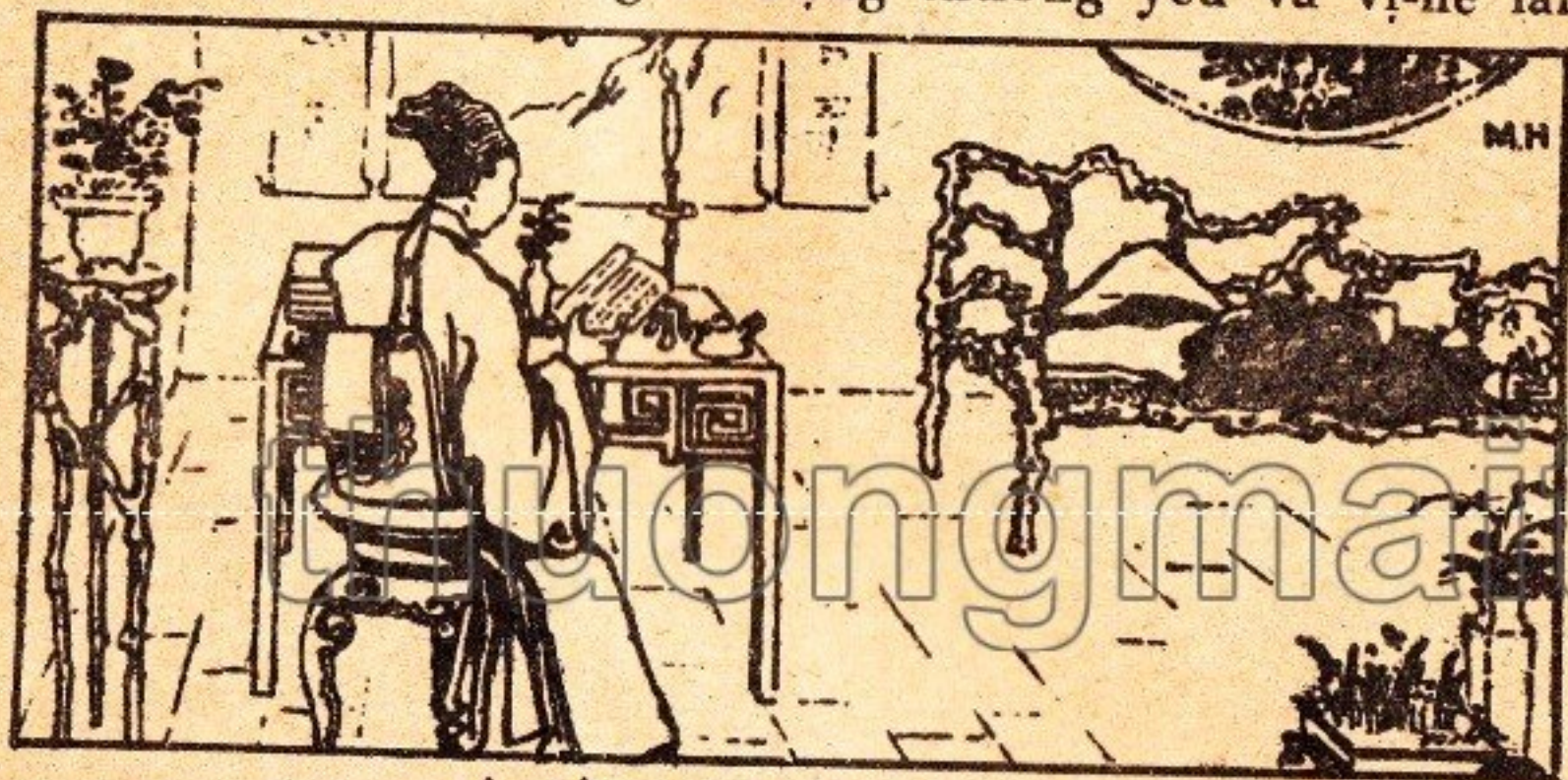
(1) lạnh — (2) mền.

nó gặp tai-nạn gì thì mình phải sẵn lòng giúp đỡ. Đừng có theo dõi những người bội-bạc :

Con lành con ở cùng bà,
Vang mình sốt mảy, con ra ngoài đường.

Tiểu dẫn. — Ông Ôn-Công với người lão-bộc.

Nhà ông Tư-Mã Ôn-Công có một người lão-bộc ở với ông đã lâu năm. Tuy ông làm đến bậc tề-tướng, mà ông cư-xử với tên lão-bộc rất là tử-tế. Ông có bụng thương yêu và vị-nề lắm.



Ông Ôn-Công với người lão-bộc.

Thường cứ tối đến, đầu trống canh một, đã cho đi ngủ, còn ông cứ ngồi xem sách đến mãi nửa đêm. Hoặc ông có cần đến cái gì, thì ông đứng lên làm lấy, chớ không gọi đến người lão-bộc. Lúc đi ngủ, ông tắt đèn, quạt màn lấy. Sang đầu trống canh năm, ông đã dậy xem sách, lại tự đi thắp đèn, lấy nước, còn tên lão-bộc thì cứ đề ngủ yên cho đến sáng ngày.

Giải nghĩa. — Đại-độ = rộng lượng bao bọc được người ta. — Lão-bộc = đầy-tở già.

Câu hỏi. — Chủ phải cư-xử với đầy-tở thế nào ? — Tại làm sao phải có lòng khoan-nhân đại-độ với đầy-tở ? — Ông Tư-Mã Ôn-Công xử với người lão-bộc thế nào ?

CÁCH-NGÔN. — Có dong kẻ dưới mới là lượng trên.

CHƯƠNG THỨ HAI

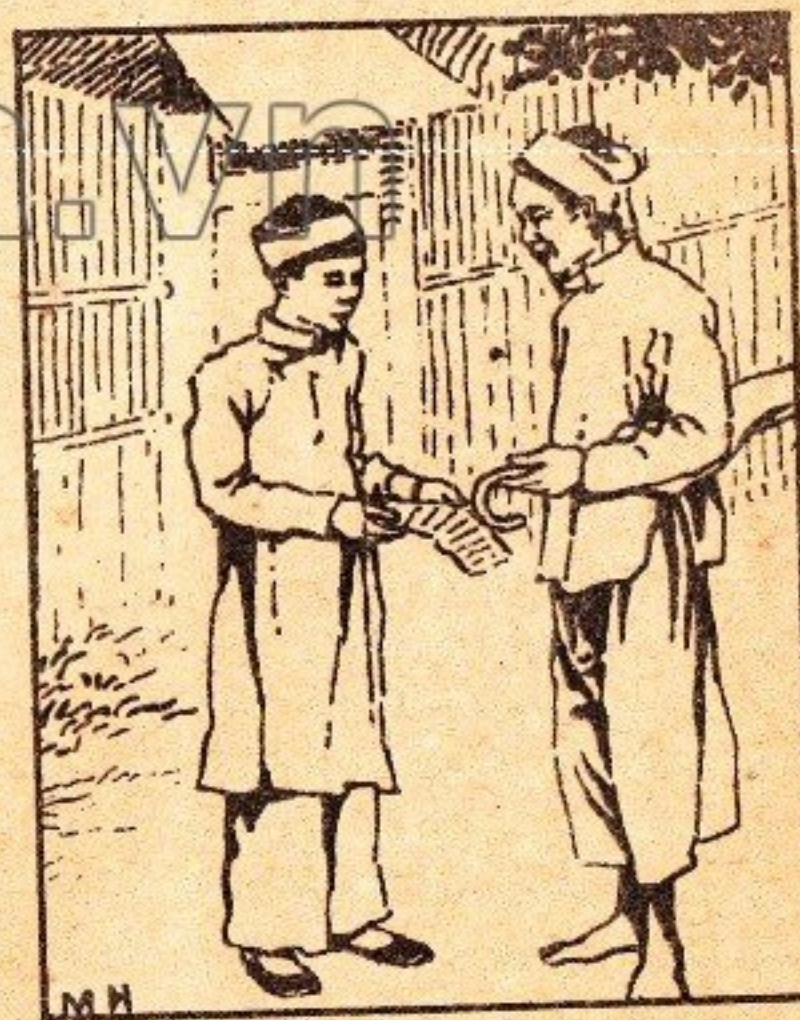
BỒN-PHẬN ĐỐI VỚI HỌC-ĐƯỜNG

17. — Bồn-phận phải đi học.

Sự học rất có ích lợi. Có học thì mới biết đọc, biết viết, biết tính-toán, biết suy-nghĩ phải trái. Có học thì tri-tuệ mới mở mang, phẩm-giá mới cao lên được. Những người không có học, thì dầu làm nên chức phận gì, có nhiều của đến đâu, cũng vẫn là người thô-lỗ chưa ra người có tư-cách hoàn-toàn.

Tiểu dẫn. — Cần phải đi học.

Ông Bình có con là Ngọ làm mỏ ở Hòn-gay, mới gửi thư về. Ông cầm cái thư, chạy sang nhà anh Xuân nói rằng : « Tôi mới nhận được cái thư của cháu, nhờ cậu xem giúp ». Anh Xuân bóc cái thư, đọc cho ông Bình nghe. Ông nghe xong, cảm ơn anh Xuân, rồi trở về, vừa đi vừa nghĩ bụng rằng : « May mà lại có anh Xuân biết chữ, xem thư hộ ta, chớ không thì biết làm thế nào. Mình có mắt mà thật chẳng khác gì người mù. Nhưng đó là tại mình, chứ tại ai ? Khi được đi học, thì chẳng chịu học, chỉ ham-mê chơi-bời, bây giờ già rồi, thì còn học gì nữa ».



Mượn người xem thư.

Giải nghĩa. — Trí-tuệ = tinh-thần của người ta. — Phẩm-giá = thứ bậc giá trị. Người có phẩm-giá là người có giá cao, đáng trọng, đáng quý. — Thô-lỗ = xấu-xa quê-mù. — Hoàn-toàn = trọn vẹn, đủ, không thiếu gì.

Câu hỏi. — Tại làm sao ta phải đi học? — Sự học có ích lợi cho ta thế nào? — Người không có học thì thế nào? — Ông Bình phải nhờ ai xem thư? — Ông hỏi-hận thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Nhân bắt học bắt tri-lý.

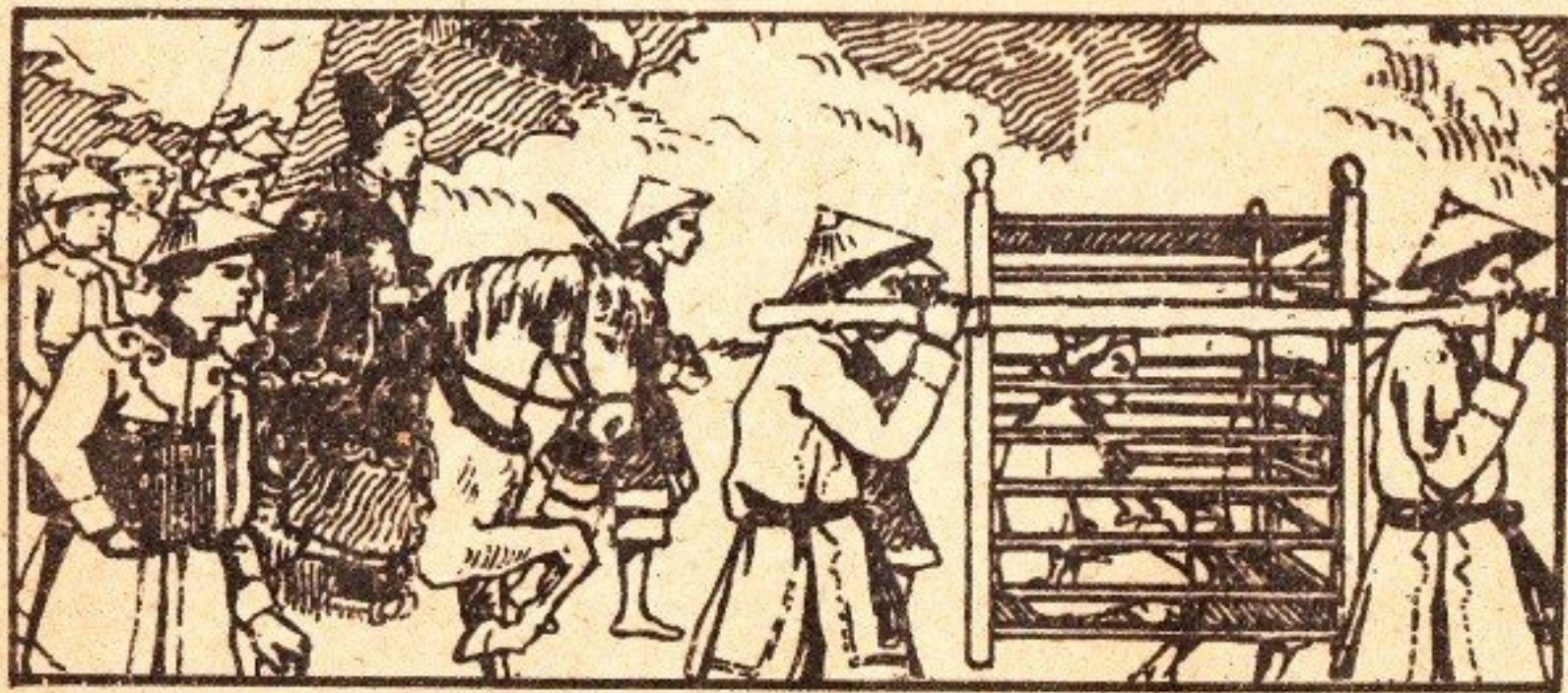
18. — Sự học-vấn và sự giáo-dục.

Sự học là quý, ai cũng cần phải học. Nhưng đi học mà chỉ vụ lấy biết đọc, biết viết, biết làm văn làm bài, chứ không luyện tập tâm tính thì vẫn là chưa đủ. Có học-vấn, lại phải có giáo-dục nữa mới được.

Giáo-dục là nói chung cả mọi cách đề mở-mang tri-tuệ, luyện tập tính-ình, giữ-gìn thân-thể, khiến cho có đủ tư-cách làm một người hoàn-toàn trong xã-hội.

Tiểu dẫn. — Có học phải có hạnh.

Xưa ông Phạm-Đình-Trọng với ông Nguyễn-Hữu-Cầu, hai người cùng học với nhau một trường. Người nào cũng có khiếu



Phạm-Đình-Trọng bắt được Nguyễn-Hữu-Cầu.

thông-minh, và học giỏi, nhưng tính hạnh thì không giống nhau. Phạm-Đình-Trọng thì có lễ phép, biết kính trên nhường dưới, đủ điều hiếu thảo, thực là một người có nết-na, ai thấy cũng khen.

Nguyễn-Hữu-Cầu thì lại vô lễ, vô phép, ở nhà không nghe lời cha mẹ, không hòa-thuận với anh em, ra trường thì lừa thầy dối bạn, thực là một người gian-giảo ngổ-nghịch. Thầy học thường chê Cầu rằng: « Thằng này có học mà không có hạnh, ngày sau chắc là một đứa gian-nghịch. »

Quả nhiên, về sau Nguyễn-Hữu-Cầu đi làm giặc đánh phá ở đất Hải-dương, mà ông Phạm-Đình-Trọng thì thi đỗ làm quan có danh-vọng tại Triều, phụng mệnh vua đi đánh bắt được Nguyễn-Hữu-Cầu.

Thế mới hay có học-vấn mà không có giáo-dục, thì dù tài giỏi đến đâu cũng không ra gì. Vậy người ta không những cần phải có học-vấn mà lại phải có giáo-dục nữa.

Giải nghĩa. — Học-vấn = nói chung cả các sự học. — Hạnh = nết-na.

Câu hỏi. — Học-vấn là thế nào? — Giáo-dục là thế nào? — Phạm-Đình-Trọng và Nguyễn-Hữu-Cầu lúc đi học tính nết thế nào? — Rồi về sau hai người khác nhau thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Chữ tâm kia mỗi bằng ba chữ tài.

19. — Đi học phải chuyên-cần.

Đi học phải chăm-chỉ, đừng để mất thời giờ. Lúc yếu đau, hay có việc cần cấp, hãy xin phép nghỉ.

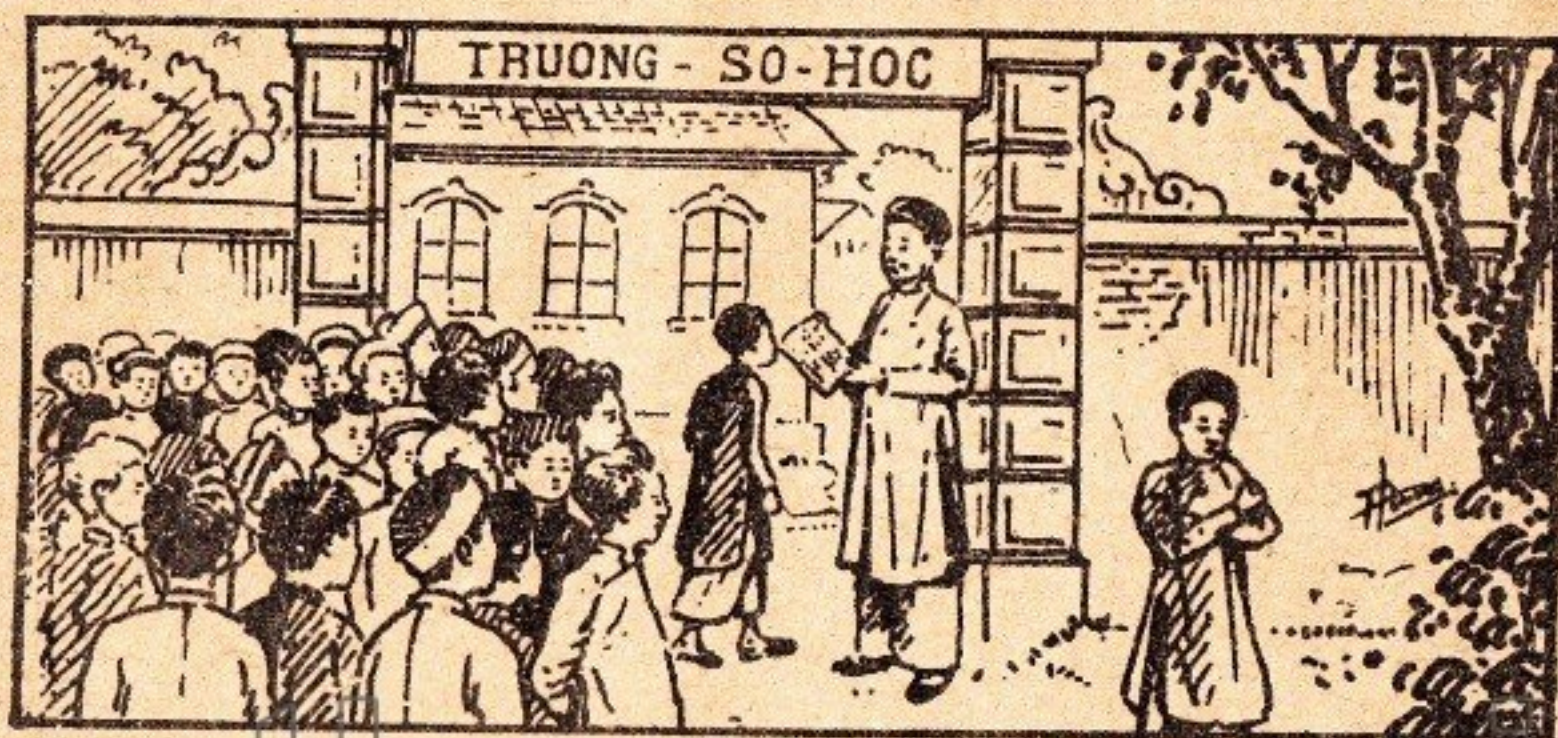
Đi học phải cho đúng giờ, đừng đi chậm-trễ mà làm ngăn trở sự giảng dạy của thầy và làm phiền anh em bạn trong lớp.

Tiểu dẫn. — Tạ và Đình.

Anh Đình và anh Tạ, hai anh cùng đi học một ngày. Anh Đình thì chăm-chỉ, không hay để mất thời giờ. Trừ ra lúc nào đau yếu, hay là trong nhà có việc cần cấp, thì mới xin phép nghỉ, còn thì bao giờ cũng đi học luôn. Anh Đình đi học buổi nào cũng đúng giờ, không làm ngăn trở sự giảng dạy của thầy và không làm phiền anh em bạn trong lớp. Bởi vậy anh Đình học mau

tấn-tới lắm; anh mới đi học có ba năm, mà đã đậu bằng Việt-Nam sơ-đẳng tiểu-học.

Anh Tạ thì không thế. Anh lười biếng⁽¹⁾, hơi vãng đầu, sò



Hồng th.

mũi đã lấy nê (kiếm cách) xin nghỉ, thành ra bãi vỡ nhà trường anh bỏ mất nhiều. Anh đi học, thường hay chậm-trễ. Bởi vậy anh vẫn còn *lẹt-đẹt* mãi ở lớp Sơ-đẳng.

Ta xem chuyện anh Đình và anh Tạ, thì biết rằng đi học phải nên chăm-chỉ và bao giờ cũng phải đi đúng giờ.

Giải nghĩa. — *Lẹt-đẹt* = cứ ở dưới không tiến lên được.

Câu hỏi. — Ta đi học phải thế nào? — Anh Đình chăm-chỉ thế nào? — Anh Tạ lười-biếng thế nào? — Sự học của hai anh kết quả khác nhau làm sao?

CÁCH-NGÔN. — Cần hữu công, hí vô ích.

20. — Bỏn-phận ở với thầy (lúc đang học).

Thầy là người thay cha mẹ mình để dạy bảo mình. Luàn-lý ta lấy quân, sư, phụ làm trọng hơn cả. Người học-trò tốt phải biết ơn thầy, phải tôn-kính thầy, phải yêu-mến thầy và phải vâng lời thầy.

(1) lười biếng.

Tiểu dẫn. — Chuyện ông Đào-Duy-Từ.

Xưa ông Đào-Duy-Từ thuở còn nhỏ đi học, gặp ông thầy tính nghiêm khắc hay quở phạt, học-trò ai cũng sợ-hãi lắm. Ông chăm-chỉ học-hành, hết lòng giữ lễ-phép. Một hôm ông phải quở trách dữ-dội (hung dữ) mà nét mặt không hề giận. Đến khi tan



Đào-Duy-Từ thuở nhỏ.

buổi học, có người anh em bạn hỏi ông rằng: « Hôm nay anh phải phạt mà anh không có ý buồn giận là tại làm sao? — Ông nói: Phận sự chúng ta đi học là phải chăm-chỉ để thầy được vui lòng, mà ta đã làm cho thầy phải tức giận là cái lỗi của ta. Thầy mắng phạt ta là muốn cho ta hay, vậy lẽ nào ta lại oán giận thầy ».

Lúc còn nhỏ, ông nết-na như thế, cho nên về sau ông thành một người tài giỏi trong nước, ai cũng kính phục.

Câu hỏi. — Ta phải trọng thầy như thế nào? — Tính ông thầy dạy ông Đào-Duy-Từ thế nào? — Một hôm ông Đào-Duy-Từ phải quở phạt thế nào? — Có người bạn hỏi, ông trả lời làm sao? — Sau ông làm nên gì?

CÁCH-NGÔN. — Nhất tự vi sư, bán tự vi sư.

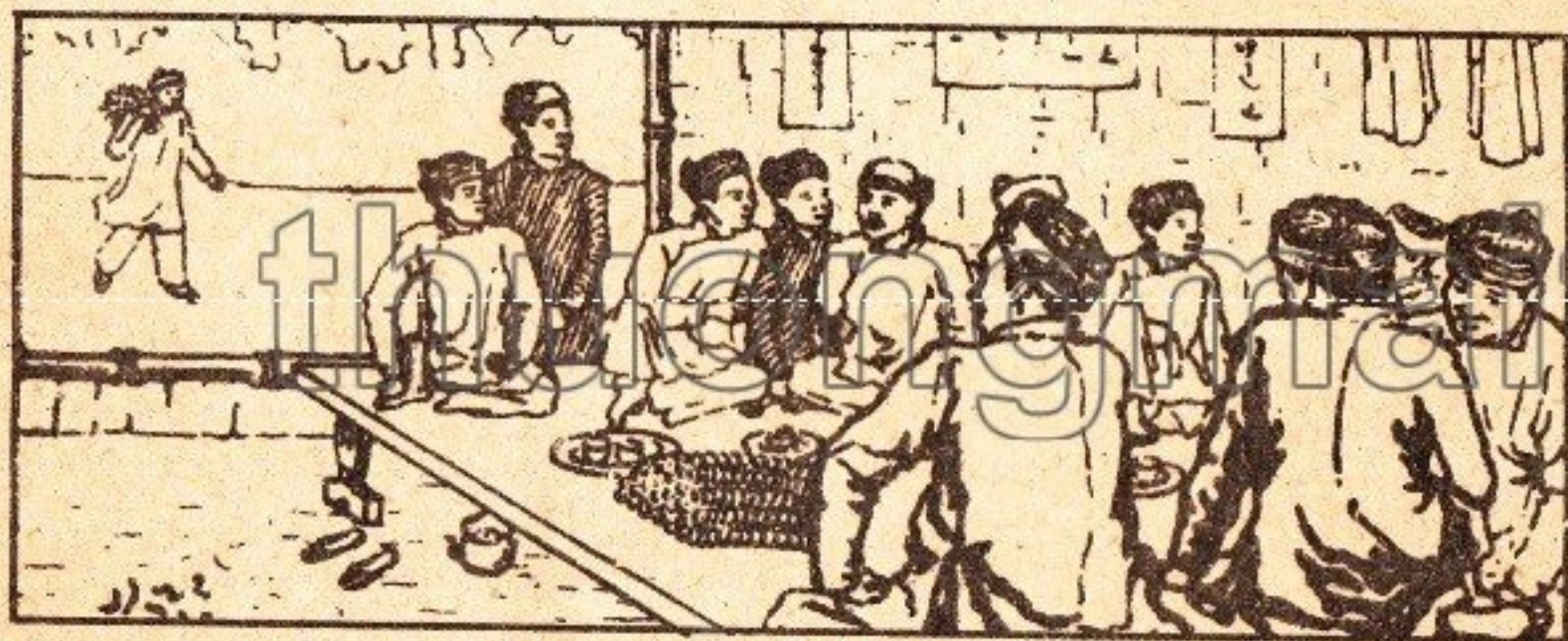
21. — Bồn-phận ở với thầy (lúc thôi học rồi).

Lúc thôi học rồi, cũng như lúc còn học, bao giờ ta cũng phải yêu kính thầy và biết ơn thầy. Ta phải năng lui tới thăm nom (viếng), lỡ khi thầy đau yếu hay gặp hoạn-nạn, ta phải sẵn-sóc giúp đỡ.

Ta đừng bắt-chước những quân vô-hạnh làm nên chút danh-phận gì, gặp thầy cũ, lơ đi như không biết, lấy sự phải chào hỏi thầy làm xấu-hỗ. Như thế là vong-ân bội-nghĩa rất đáng khinh bỉ.

Tiểu dẫn. — Giúp thầy trong lúc hoạn-nạn.

Xưa có ông Nguyễn-Đức-Đạt, người Nghệ-an, đậu thám-hoa, làm tuần-phủ (vụ) tỉnh Hưng-yên. Phải khi trong nước biến



Học-trò góp tiền để giúp thầy.

loạn, đề mất của kho hơn vạn quan tiền. Triều-đình bắt phải bồi thường cho đủ số, không thì trị tội. May nhờ vì trước ông có dạy được nhiều học-trò. Các môn-sinh nghe thấy thầy mắc nạn như thế, liền bảo nhau góp tiền lại, kẻ ít người nhiều, cho đủ số để giúp thầy. Ấy cũng nhờ bọn môn-sinh có nghĩa với thầy, mà ông khỏi phải tội.

Giải nghĩa. — Vong-ân bội-nghĩa = quên ơn bội-bạc. — Bồi thường = đền lại. — Môn-sinh = học-trò cùng học một trường.

Câu hỏi. — Lúc thôi học ta còn phải biết ơn thầy thế nào? — Các anh cho những học-trò quên ơn thầy là thế nào? — Xưa có ông quan gặp hoạn-nạn thế nào? — Học-trò làm thế nào để giúp thầy?

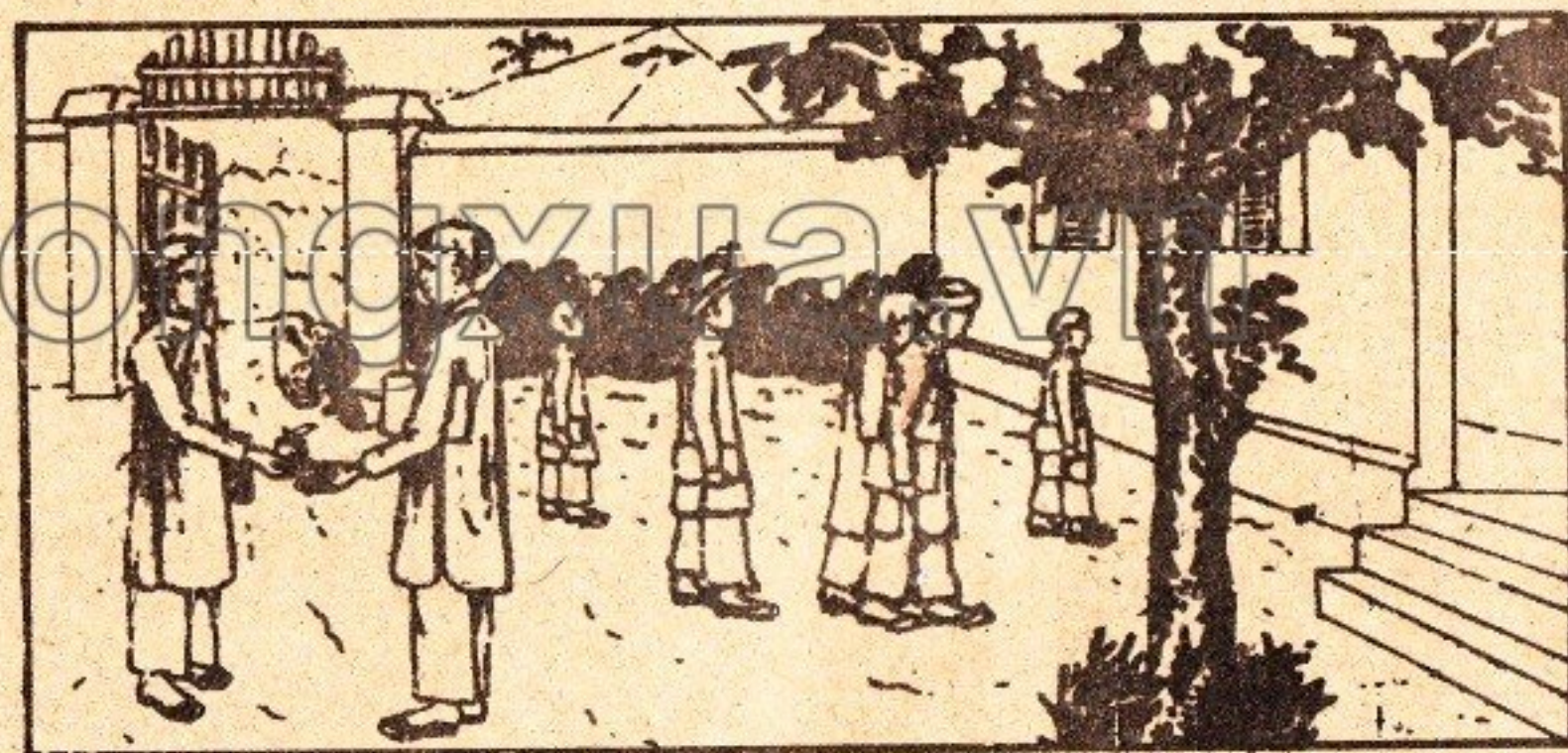
CÁCH-NGÔN. — Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

22. — Bồn-phận ở với bạn học (lúc đang học).

Anh em cùng học với nhau một trường, sớm trưa trông thấy nhau, phải thân-yêu nhau, coi nhau như anh em một nhà, ai thiếu cái gì thì cho nhau mượn, có điều gì khó-khẩn không hiểu, thì chỉ bảo lẫn nhau. Ai làm điều gì không phải, thì nên tìm cách khuyên răn nhau. Lỡ khi có ai yếu-đuối, bị đũa hung-ác hà hiếp, thì nên hết sức mà bênh-vực lẫn nhau.

Tiểu dẫn. — Tình thân-ái của anh em bạn.

Giáp, Ất cùng học với nhau một trường, thường vẫn đi lại với nhau rất là thân-thiết, chẳng khác gì như anh em một nhà.



Kẻ đưa na, người cho quật.

Một hôm Giáp vào vườn thấy có quả na⁽¹⁾ chín, liền nghĩ đến Ất, về xin cha mẹ hái đem cho bạn. Cùng hôm⁽²⁾ ấy, cậu Ất cho Giáp một cái quật. Ất nghĩ bụng rằng: « Giá anh Giáp được cái quật này thì thích lắm! » Nói rồi liền cầm cái quật đến trường đem cho Ất. Thành thử ngay một lúc hai anh gặp nhau, kẻ đưa cái nọ, người biếu cái kia, cùng tỏ một lòng yêu mến nhau.

(1) trái mọng-cầu — (2) bữa.

Anh em bạn học với nhau mà biết quý mến nhau như thế, thật đáng khen vậy.

Giải nghĩa. — *Hung-ác* = dữ tợn ác nghiệt.

Câu hỏi. — Anh em bạn học phải ăn-ở với nhau thế nào? — Phải giúp đỡ nhau làm sao? — Giáp, Ất ăn-ở với nhau thế nào? — Một hôm hai người đem cho nhau gì?

CÁCH-NGÔN. — Đạo bằng hữu tương-thân tương-ái.

23. — Bồn-phận ở với bạn học (lúc thôi học rồi).

Anh em bạn học cùng một trường, không những nên quen-luyện nhau khi còn đang học. Lúc đã thôi học, xa cách nhau rồi, cũng chớ nên quên cái tình bằng hữu khi xưa. Sau dù ta làm nghề gì, hay ta đi đâu, những bạn cùng đèn cùng sách với ta bây giờ, thường là những bạn chí thiết suốt đời của ta đó.

Tiểu dẫn. — **Chuyện Lưu-Bình Dương-Lễ.**

Lưu-Bình, Dương-Lễ ngày xưa là hai anh em bạn một sách



Lưu-Bình vĩnh qui.

một đèn. Dương-Lễ đỡ trước đi làm quan, còn Lưu-Bình về sau đói khó, đến mong nhờ bạn cũ. Dương-Lễ giả làm mặt giận, sai người đuổi đi, rồi gọi vợ lẽ (mọn) là nàng Châu-Long ra bảo rằng :

« Anh còn chút bạn hiền nghĩa cũ,
Danh-ốc Lưu-Bình,
Cùng bạn thư-sinh,
Song anh ấy chưa làm nên danh phận,
Đến chơi làm điều mặt giận,
Sai quân hầu sĩ-nhục nhục-nha,
Dọn lưng cơm với một quả cà,
Ăn chẳng được anh liền phần chí.
Cửa nhà sa thế,
Biết lấy gì đền sách học hành,
Nàng phải đi nuôi bạn thay anh,
Công-đức ấy xem bằng Non-Thái.... »

Lưu-Bình nhờ đó ăn học thi đậu. Còn Châu-Long trở về cùng với Dương-Lễ đoàn viên như cũ.

Anh em bạn học ở với nhau được như Lưu-Bình Dương-Lễ thật là hiếm có.

Giải nghĩa. — *Danh-ốc* = tên gọi. — *Thư-sinh* = người học-trò. — *Non-Thái* = núi Thái-sơn bên Tàu, là một quả núi rất cao.

Câu hỏi. — Khi anh em bạn học một trường đã xa cách nhau rồi, thì tình hữu-ái thế nào? — Lưu-Bình, Dương-Lễ lúc hàn-vi làm sao? — Sau Dương-Lễ làm gì để giúp Lưu-Bình?

CÁCH-NGÔN. — Bản tiện chỉ giao bất khả vong.

CHƯƠNG THỨ BA

BỒN-PHẬN ĐỐI VỚI BỒN-THÂN

24. — Thân-thể và linh-hồn.

Người ta thì ai cũng có mặt mũi, chân tay, mình-mẩy, tức là thân-thể. Thân-thể là cái phần hữu-hình. Ở trong thân-thể lại có cái phần vô-hình nó làm cho ta biết vui, biết buồn, biết yêu, biết ghét và hiểu được sự nọ vật kia. Cái phần vô-hình ấy gọi là linh-hồn. Thân-thể và linh-hồn hợp lại làm một mới thành người.

Bồn-phận mình đối với mình là phải giữ-gìn thân-thể cho được khỏe mạnh tốt tươi, và phải luyện-tập tính-tình cho tao-nhã, mở-mang trí-tuệ cho thông minh. Hễ mình giữ được « cái hồn lành ở trong cái xác khỏe » như cò-nhân đã dạy, thì chắc là mình có thể nên được người hoàn-toàn vậy.

Tiểu dẫn. — **Biết trọng linh-hồn, phải quý thân-thể.**

Thăng Toàn học giỏi, nhưng phải một cái tính ở bần, người nó ghẻ lở gớm ghê.



Ở bần sinh ghẻ.

Một bữa, chủ nó đến chơi, thấy nó ngồi gãi tay, mới bảo rằng: « Sao mày không chịu ăn-ở cho sạch-sẽ, để ghẻ lở như thế? »

Nó đáp rằng: « Tôi tưởng cái mình tôi ghẻ có làm gì! Tôi chỉ cốt học-hành để mở-mang trí-tuệ mà thôi. »

Chủ nó bảo: « Mày nói thế, thì làm! Nếu mày muốn tập rèn trí-tuệ, thì mày phải giữ-gìn thân-thể trước. Phòng thân-thể mà ốm yếu gầy mòn, thì có mong học-hành tấn-tới được không? Con người ta có linh-hồn, lại còn có thân-thể. Biết trọng linh-hồn, thì phải quý thân-thể mới được. »

Toàn thấy chủ nói, nghe ra ngay, và tự hôm đó ăn-ở sạch-sẽ chẳng bao lâu mà khỏi ghẻ.

Giải nghĩa. — *Thân-thể* = hình-hài của người ta. — *Linh-hồn* = tinh-thần, trí-tuệ và tính-tình của người ta.

Câu hỏi. — Thân-thể là gì? — Linh-hồn là gì? — Thăng Toàn có vết xấu gì? — Chủ nó bảo nó làm sao?

CÁCH-NGÔN. — Thân-thể có khỏe mạnh thì linh-hồn mới minh-mẫn.

25. — Sự sạch-sẽ.

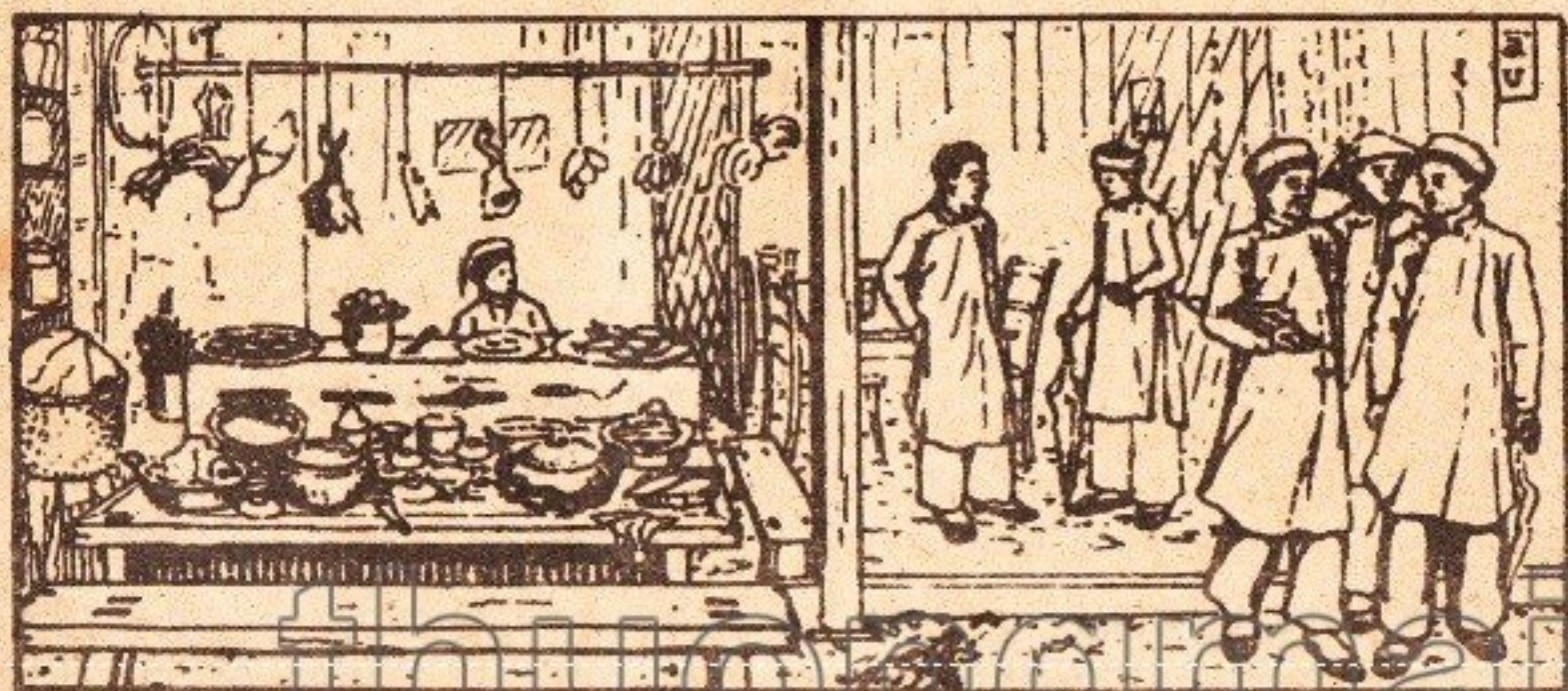
Người có sạch-sẽ, thì mới khỏe mạnh và ai cũng ưa, chớ bần-thiêu⁽¹⁾ thì ai cũng ghê. Ăn-ở sạch-sẽ là biết tự-trọng mình và biết trọng người khác. Và sự sạch-sẽ có khó gì. Chỉ cốt ở cái thói-quen mà thôi. Vậy nên ta ở đâu phải giữ-gìn cho sạch-sẽ đấy.

Tiểu dẫn. — **Sạch bát, ngon cơm.**

Ba mở hàng cơm, Tư cũng mở hàng cơm ở cùng một phố. Lúc trước, nhà Ba đất hàng, khách đến ăn đông, nhưng về sau, cứ mỗi ngày thấy một vắng dần. Còn nhà Tư thì thấy mỗi ngày một thịnh-vượng hơn lên, nhiều khách nhà Ba sang đây ăn.

(1) dơ-dáy.

Một hôm, có người khách đã mời bạn đến nhà Ba, sau lại rủ nhau sang nhà Tư. Ba lấy làm giận lắm, hỏi rằng: « Hàng tôi, đồ ăn nấu nướng ngon lành, mà giá bán có phần lại rẻ hơn bên kia, sao ông lại bỏ mà đi như thế? »



Hàng cơm bán-thiếu.

Hàng cơm sạch-sẽ.

Người khách đáp rằng: « Đồ ăn bác nấu ngon lành và bán rẻ đến đâu, mà chỗ bán hàng của bác bán (nhộp) như thế này, thì chúng tôi cũng xin kiếu. Nay bác thử xem bát đĩa ⁽¹⁾ cái những bàn ⁽²⁾, giường ghế đầy những bụi, dưới đất ngập những rác, trên tường, náo mạng nhện (váng nhện), náo quét (nước) trầu, náo tàn thuốc..... »

Ba nghe nói, bấy giờ mới hiểu, và từ hôm đó cố giữ cho cửa hàng sạch như lau, như chùi, trông rất vui con mắt. Quả nhiên không bao lâu, khách đến ăn lại đông như cũ.

Giải nghĩa. — *Tự trọng* = tự mình trọng thân mình.

Câu hỏi. — Ăn ở sạch-sẽ có lợi thế nào? — Ba với Tư mở cửa hàng gì? — Tại làm sao cửa hàng Ba lại vắng khách?

CÁCH-NGÔN. — Nhà sạch thì mát, bát sạch thì ngon.

(1) đĩa — (2) dĩa.

26. — Tiết-độ.

Ta phải có tiết-độ, nghĩa là ăn, ngủ, chơi-bơi, làm gì cũng phải có chừng mực. Có tiết-độ thì thân-thể mới được khỏe mạnh, tinh-thần mới được minh-mẫn. Không có tiết-độ, thì hại cho mình và lại hại cho kẻ khác. Nếu mình cứ ăn chơi cho thỏa thích đến quên cả việc lớn là việc sửa mình, thì chẳng những mất phẩm-giá mình, mà lại còn làm gương xấu cho thiên-hạ. Những kẻ giàu-có, ăn chơi quá độ, là một cái hại cho xã-hội.

Tiểu dẫn. — **Phép dưỡng-sinh.**

Ông Cát-Hồng là một nhà đạo-sĩ có tiếng đời xưa. Ông đã nhiều tuổi, mà lúc nào cũng khỏe mạnh hồng-hào, không có bệnh-tật gì cả.

Một người học-trò thấy vậy, mới đến hỏi ông rằng: « Ông tu phép gì mà được khỏe mạnh luôn như thế? »

Ông đáp rằng: « Nào có phép gì lạ đâu? Chỉ biết dưỡng-sinh là được.

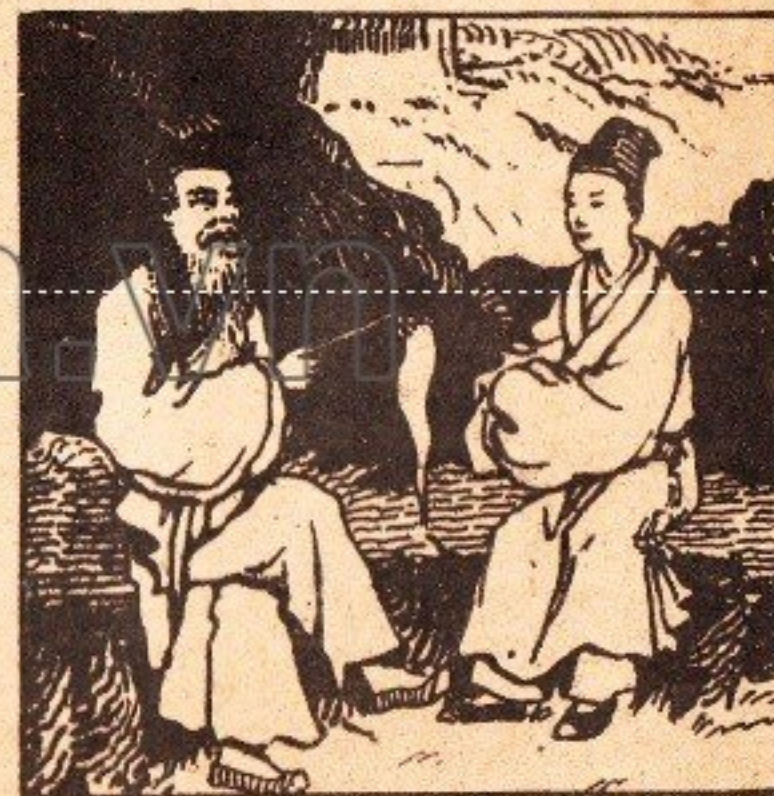
— Phép dưỡng-sinh như thế nào, xin ông dạy cho biết.

Ông nói: « Người biết dưỡng-sinh, ăn không no quá, uống không nhiều quá, đứng đừng ảm quá, hè đừng mát quá, ngủ sớm, dậy sớm, có giờ có giấc, làm-lụng có chừng, nghỉ-ngơi có độ, chơi-bơi vừa phải, đừng có điều gì thái quá. Ấy phép dưỡng-sinh chỉ có thế mà thôi.

Giải nghĩa. — *Minh mẫn* = sáng-láng, chóng hiểu, chóng biết. — *Đạo-sĩ* = người tu phép tiên. — *Dưỡng-sinh* = nuôi thân để giữ sức khỏe.

Câu hỏi. — Tiết-độ là gì? — Người không có tiết-độ thì thế nào? — Ông Cát-Hồng khỏe mạnh thế nào? — Người học-trò hỏi gì? — Ông trả lời làm sao?

CÁCH-NGÔN. — Ăn có chừng, chơi có độ.



Cát-Hồng nói chuyện.

27. — Sự ăn uống có điều-độ.

Muốn cho khỏe mạnh, thì không những phải sạch-sẽ mà thôi, lại còn phải ăn uống cho có điều-độ nữa, nghĩa là phải cho có chừng mực.

Ăn uống có điều-độ thì sự tiêu-hóa mới được điều-hòa và người mới được khỏe mạnh.

Ai cũng phải ăn uống, nhưng nếu tham ăn, tham uống, thì thành ra bệnh-tật, yếu đau. Vả chẳng tham ăn, tham uống là một sự xấu. Những người phàm ăn, phàm uống đều là những người thô-tục cả.

Có người cả đời chỉ lấy miếng ăn làm đầu, tưởng như cái mục-đích của người ta ở đời là chỉ để ăn uống mà thôi, chứ không còn gì cao-xa hơn nữa. Dem cái thân quý trọng làm tôi-tớ cái miệng, thì thật là dè-hạ lắm !

Tiểu dẫn. — Ăn uống có chừng mực.

Một hôm có người nói chuyện với một nhà hiền-triết, phàn-nàn rằng :



Nhà hiền-triết đãi tiệc.

« Tôi ăn cái gì bây giờ cũng không thấy ngon nữa, không biết là tại làm sao ! » Nhà hiền-triết trả lời rằng : « Tôi có một bài thuốc chữa khỏi ngay được bệnh cho ông. Từ rày ông ăn ít chứ, thì rồi ăn mới thấy ngon, mà người lại khỏe mạnh thêm lên ».

Một hôm, nhà hiền-triết ấy mời khách lại ăn. Có người hỏi : « Hôm nay ông mời những qui khách, mà sao đồ ăn lại xoàng (thường) như thế ? — Ông nói rằng : Nếu khách tôi mời là người có tiết-độ, thì ăn như thế này cũng đủ, nếu là người phàm ăn, thì tôi mời đến ăn, cũng đã là quá rồi ».

Giải nghĩa. — Tiêu-hóa = nói đồ ăn uống vào bụng, rồi biến ra chất khác. — Mục-đích = đích con mắt mình ngắm vào, nghĩa là chủ ý của mình định làm thế nào. — Hiền-triết = nhà học-thức rộng-rãi và có đức hạnh cao.

Câu hỏi. — Muốn được khỏe mạnh, thì phải ăn uống thế nào ? — Ăn uống không có điều-độ thì sinh ra thế nào ? — Có người phàn-nàn gì với nhà hiền-triết ? — Nhà hiền-triết đáp lại thế nào ? — Một hôm nhà hiền-triết mời khách lại ăn, có người bảo thế nào ? — Nhà hiền-triết đáp làm sao ? — Ý câu cuối cùng là thế nào ?

CÁCH-NGÔN. — Miếng ăn là miếng xấu.

28. — Nghiện rượu.

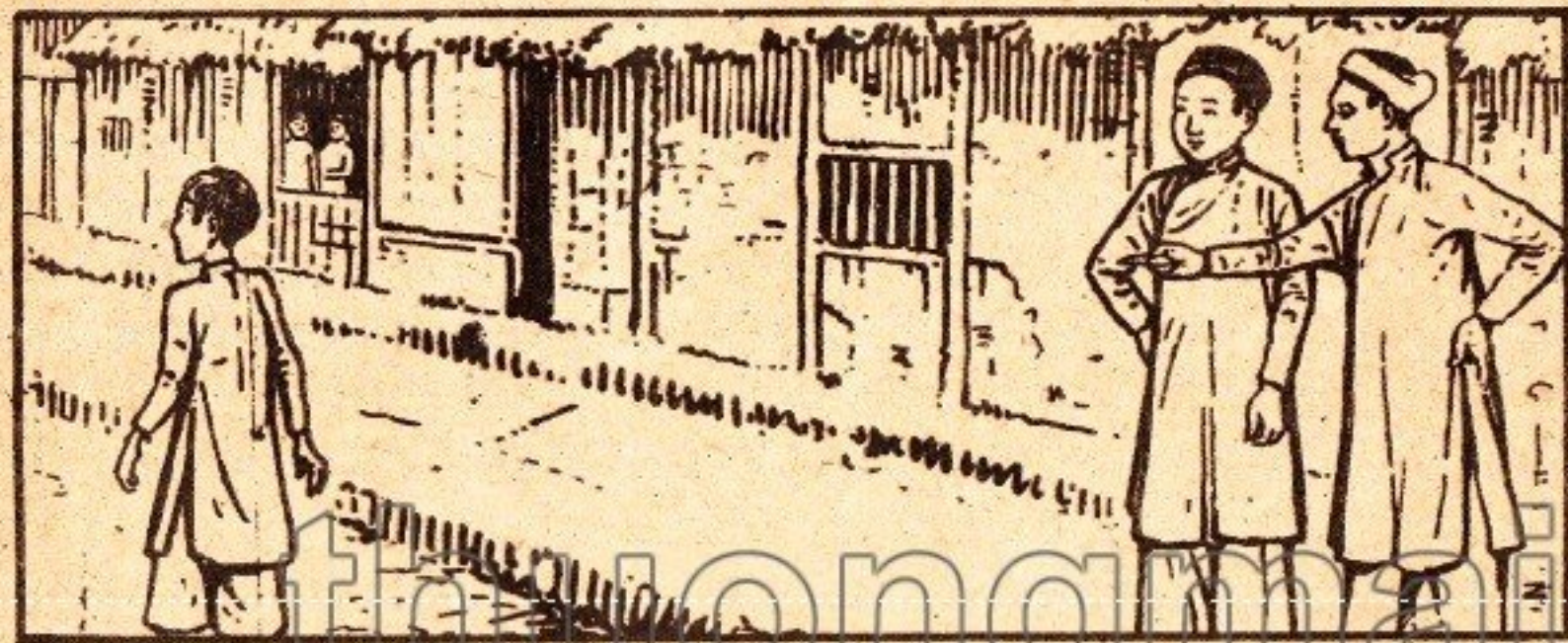
Người rượu-chè là người vô-dụng cho xã-hội. Thật thế, người ta bao giờ cũng cần đến cái thân-thể khỏe mạnh, cái trí-tuệ minh-mẫn để làm công kia việc nọ ; trước là để lập thân, sau là để báo-đền chò nhà cho nước, khiến cho khỏi xấu cái tiếng làm trai ở đời. Thế mà ai đã đa-mang vào rượu-chè, thì không những là trí-tuệ kém đi, mà đến thân-thể cũng hao-tồn, làm gì cũng không được. Những người rượu-chè thì cả đời chỉ đeo nặng cái thân vô-dụng và làm cái gương xấu cho loài người.

Rượu là một vị thuốc độc. Không những nó làm hại cho một người mắc nghiện mà thôi, nó làm hại lây đến cả con cái, nòi giống mình nữa. Những người nghiện rượu thì con cái hay ốm yếu, ngu-si. Bởi vậy, các nước bên Âu-châu, người ta tìm cách trừ bỏ các thứ rượu mạnh. Ta cũng nên bắt-chức người ta mà chữa bớt sự uống rượu, để giữ lấy nhân-phẩm của mình và cho khỏi hại đến nòi giống nhà mình.

Tiểu dẫn. — Hại về rượu.

Phương và Hòa đứng nói chuyện với nhau. Chợt Phương trông thấy thằng Bao đi qua, chỉ mà nói rằng :

« Kia thằng Bao đi kia. Trông nó thật là đáng thương. Ngu dại và ốm-yếu như nó, chắc sau chẳng làm gì được ra trò, mà không khéo rồi lại chết non như cha nó ngày trước thôi ».



Phương và Hòa nói chuyện thằng Bao.

Hòa nói rằng : « Tôi thấy người ta nói ông nó thưở trước giết người lấy của, cho nên cái oan-hồn nó cứ theo báo mãi đấy. »

Phương nói : « Chuyện ấy huyền-hoặc, ta biết đâu mà tin, nhưng có một điều thật, là nhà nó chỉ hại về rượu. Cha nó ngày trước rượu-chè be-bét, đến nỗi một hôm uống say quá, ngã lăn ra mà chết. Đến nó bây giờ, trông gầy-gò⁽¹⁾ mà ngờ-ngần như người không có hồn, thế cũng là do cái khí-huyết suy nhược của cha nó truyền lại. Đó anh xem, cái bệnh rượu nó hại người ta như thế, có đáng kinh không ! »

Giải nghĩa. — Suy nhược = mòn yếu đi.

Câu hỏi. — Người nghiện rượu thì trí-tuệ và thân-thể làm sao ? — Bệnh rượu còn hại đến ai nữa ? — Phương trông thấy Bao, nói gì ? — Hòa nói gì ? — Phương đáp lại làm sao ?

CÁCH-NGÔN. — Sang đâu những kẻ say-sưa tôi ngày.

(1) ốm-o.

29. — Nghiện⁽¹⁾ thuốc-phiện⁽²⁾.

Thuốc-phiện⁽²⁾ rất là hại. Mắc nghiện⁽¹⁾ vào, thì người yếu, trí quẩn, sinh ra làm biếng, không làm được việc gì ra tuồng nữa. Tuy vậy mà có nhiều người nghiện, là vì ham mê, không biết giữ gìn ngay từ lúc đầu. Đến sau muốn thôi cũng không thôi được nữa. Người đã mắc nghiện thì có bao nhiêu rồi cũng hết, thường hay sinh ra làm xằng, làm bậy.

Tiểu dẫn. — Vì nghiện mà khò.

Anh Mười, cha mẹ xưa, nhà giàu-có, để lại cho của-cải cũng nhiều. Anh chẳng học-hành gì cả, chỉ lêu-lồng⁽³⁾ chơi-bời với những đồ du-đăng. Nay rượu-chè, mai thuốc-phiện, chẳng bao



Người nghiện thuốc phiện.

lâu hút mãi quen đi, thành ra mắc nghiện. Từ đó, nhà cửa có gì, cứ bán dần⁽⁴⁾ đi hết. Được mấy năm, gia tài khánh kiệt cả, anh phải đi ăn nhờ anh em họ-hàng, nhưng rồi sau chẳng a nhìn nhận anh nữa, vì lúc trước đã nhiều lần khuyên bảo anh không nghe.

(1) ghiền — (2) a-phiền — (3) hoang-dàng — (4) lần.

Vì anh nghiện mà người anh gầy-gò ốm yếu, mặt búng da chì, chẳng làm nên nghề nghiệp gì cả, thành ra người vô-dụng. Cùng quá, có khi phải đi ăn-xin, ăn-mày, trộm cắp, làm xằng (1). Thật là đề-nhờ-nhuốc cho ông cha. Tuy vậy, anh cũng vẫn không bỏ được cái xe (2), cái lọ (3). Ghê gớm thay! cái tật hút thuốc-phiện nó làm cho người nghiện tai hại, khổ-sở biết chừng nào!

Giải nghĩa. — *Du-đăng* = chơi-bời lêu-lồng, không có nghề nghiệp.

Câu hỏi. — Nghiện thuốc-phiện hại thế nào? — Tại làm sao mà người ta mắc nghiện? — Người nghiện thuốc-phiện thường bị khổ-sở làm sao? — Anh Mươi vì nghiện mà khổ thân thế nào?

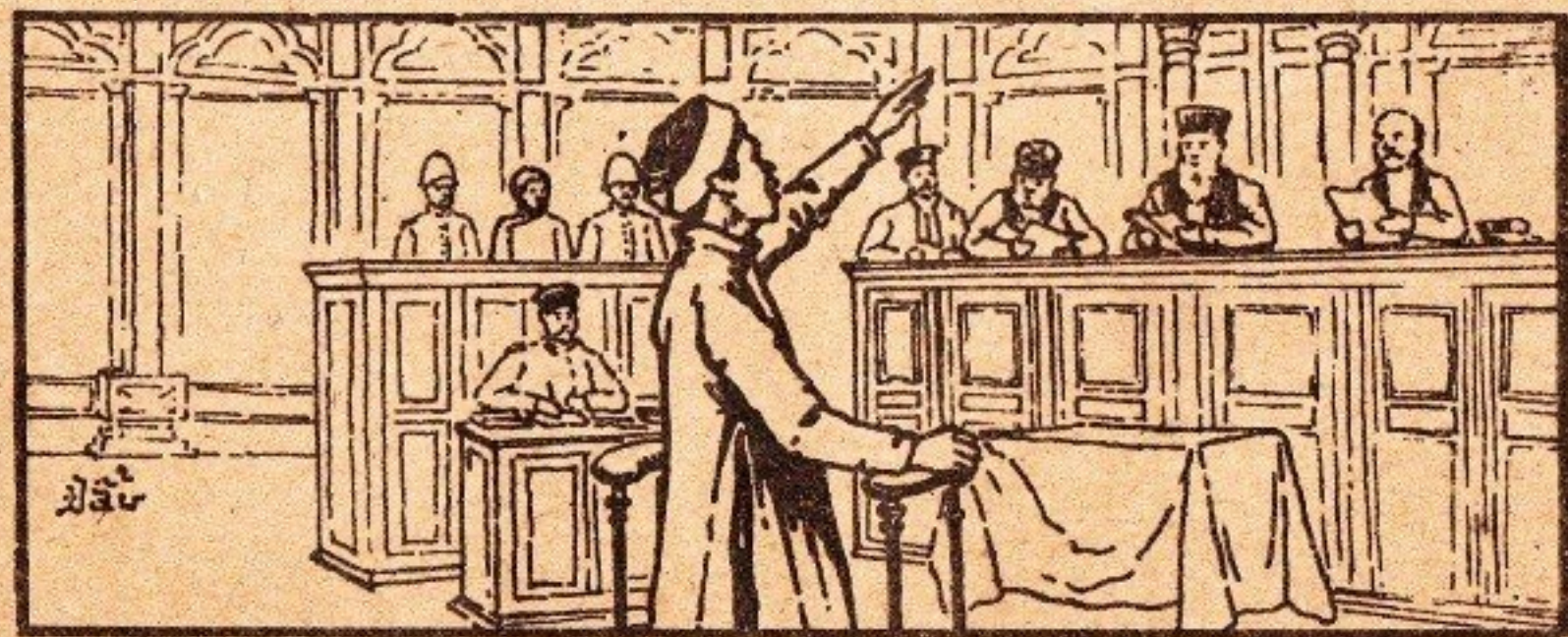
CÁCH-NGÔN. — Trai tráng-sĩ cũng xo vai, rứt cổ,
Gái thuyền-quyên cũng mặt búng, da chì.

30. — Cờ-bạc.

Cờ-bạc rất hại cho người ta. Ai đã ham mê cờ-bạc, thì không còn thiết làm-lụng gì nữa và không biết lấy đồng-tiền làm quý. Khi được thì ăn-liều-xa-xỉ, khi thua thì vay công mắc nợ. Thường có người chỉ vì cờ-bạc mà vong gia thất thổ đến nỗi phải đi ăn-mày ăn-xin, ăn-trộm ăn-cướp, làm nhiều điều xấu-xa, phi-pháp.

Tiểu dẫn. — **Khổ vì cờ-bạc.**

Anh Tuyền coi việc giữ tiền cho một nhà công-nghệ. Anh là



Vì ăn cắp phải tội.

(1) quây — (2) ông — (3) nổi.

một người máu-mê (ham-mê) cờ-bạc. Vợ con đã nhiều lần khuyên răn mà anh không nghe. Hễ có đồng nào là đánh thua hết, rồi thành ra mang công mắc nợ mỗi ngày một nhiều lên. Đến hạn không trả được, sẵn tiền của chủ, anh lấy đem tiêu không nghĩ gì đến sự nguy-hiểm về sau.

Được ít lâu, việc phát-giác ra, anh phải bắt. Lúc ngồi trong ngục tối, anh nghĩ đến thân phận mình và đến cái khổ nhục đề cho vợ con, thì tự lấy làm hối-hận lắm. Nhưng ăn-năn thì sự đã rồi, hối-hận cũng không làm gì được nữa.

Giải nghĩa. — *Vong gia thất thổ* = cửa nhà, ruộng-nương mất cả.

Câu hỏi. — Cờ-bạc hại cho người ta thế nào? — Anh Tuyền có nét xấu gì? — Lúc đánh bạc hết tiền thì anh làm gì? — Lúc ngồi tù, anh hối-hận thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Cờ-bạc là bác thẳng bản, cửa nhà bán hết, tra chân vào cùm.

31. — Vệ-sinh.

Vệ-sinh là cái thuật giữ-sức khỏe. Muốn cho khỏe mạnh, phải biết phép vệ-sinh. Biết bao nhiêu người chỉ vì ngu dại, nghe nhảm (1), tin xằng (2), mà sinh ra ốm đau, bệnh-tật. Con đau bụng, đi rửa (3), mẹ chẳng thuốc-thang chạy chữa, đi bói, đi cúng, lấy tàn hương, nước lã cho con uống, có khi chỉ làm tăng bệnh lên mà thôi.

Ta nên biết cách phòng bệnh trước, hơn là đợi khi có bệnh rồi mới chữa. Như vậy ta phải học vệ-sinh, giữ vệ-sinh. Nếu không giữ vệ-sinh mà để cho mình mắc bệnh hay làm cho người mắc bệnh, thì chẳng những mình làm hại mình, mà lại làm hại người khác nữa.

Tiểu dẫn. — **Đau thì phải uống thuốc.**

Bà Thu hỏi bà láng-diềng rằng: «Cháu yếu đã đỡ chưa? — Thưa bà chưa, cháu hôm nay lại sốt (4) già (nóng hơn). Tôi đã cũng lễ cho cháu, lấy tàn hương nước thải cho cháu uống, thế mà bệnh vẫn không lui (bớt).»

(1) quây — (2) bày — (3) đã — (4) nóng.

Ông Phác nghe thấy hai bà nói chuyện như thế, mới bảo rằng: « Các bà cứ tin nhầm⁽¹⁾, trẻ yếu mà cứ cho uống tàn hương nước thải, thì có khi nguy đó, ốm⁽²⁾ thì phải uống thuốc, chứ



Bà Thu nói chuyện với người láng-đề và ông Phác.

không phải cũng lẽ mà khỏi⁽³⁾ được. Hôm nay nhân có ông thầy thuốc về trồng đậu, sao bà không ra mà xin thuốc cho cháu?»

Bà Thu nghe ông Phác nói thế, liền đi mời ông thầy thuốc về xem bệnh cho con. Thầy thuốc đến xem bệnh xong, cho thuốc uống được mấy hôm thì đưa bé khỏi⁽³⁾.

Giải nghĩa. — *Nước-thải* = nước lã đã cúng rồi.

Câu hỏi. — Người đời xưa hiểu phép vệ-sinh thế nào? — Vệ-sinh là gì? — Bà Thu chữa thuốc cho con thế nào? — Ông Phác bảo làm sao? — Sau làm gì mà thằng bé khỏi?

CÁCH-NGÔN. — Thà vô sự mà ăn cơm hằm (hút), còn hơn đeo bệnh mà uống sâm, nhưng.

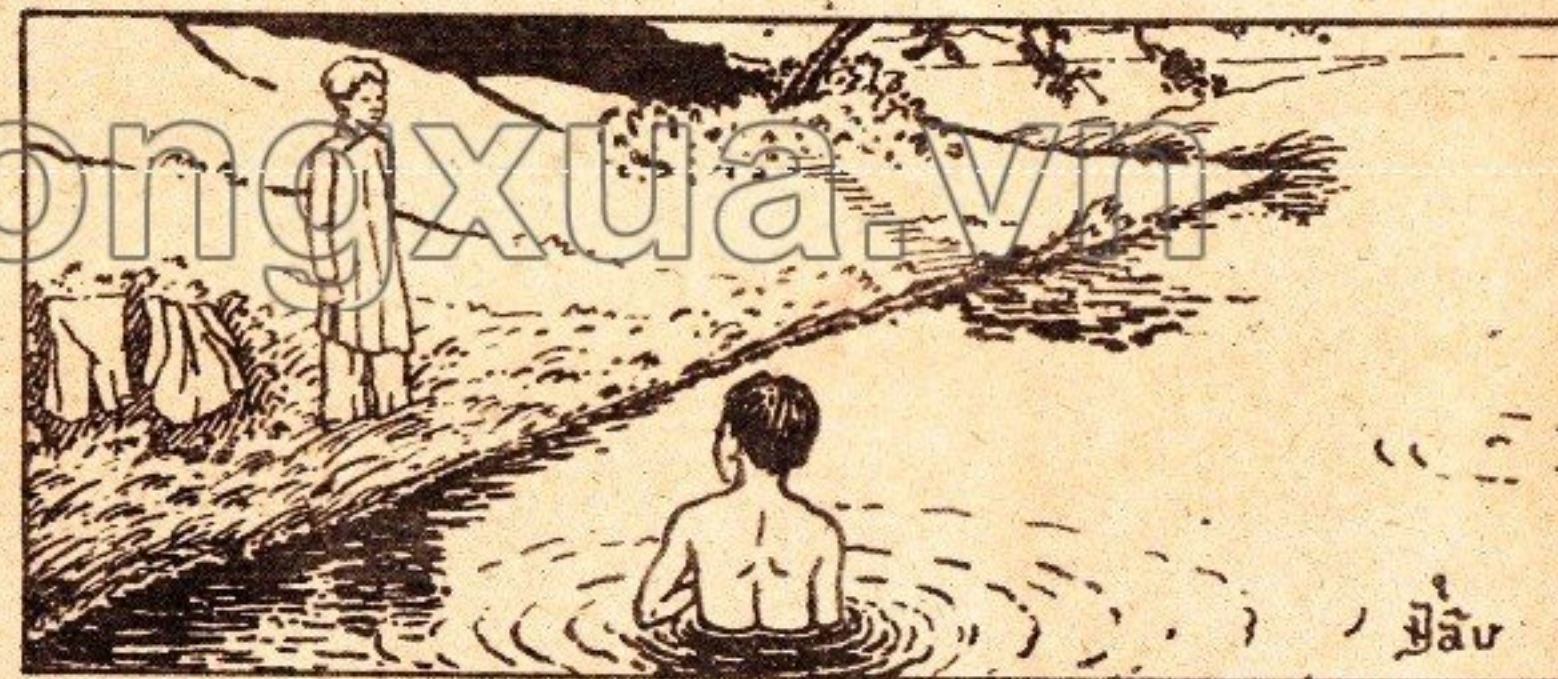
(1) quây — (2) đau — (3) mạnh.

32. — Sự sạch-sẽ.

Trong phép vệ-sinh, thì sự sạch-sẽ là quan-hệ hơn cả. Có sạch-sẽ mới giữ được sức khỏe và không mắc bệnh-tật. Không những phải giữ thân mình cho sạch, mà quần áo, nhà cửa, cái gì ở xung-quanh mình cũng phải giữ cho sạch. Có sạch, trong người mới được khoan-khoái (thảnh-thơi), mới có phần vui-vẻ, sung sướng. Có sạch mới là biết quý giá mình, mới ra con người có giáo dục. Người sạch-sẽ thì ai cũng quý chuộng.

Tiểu dẫn. — **Năng tắm rửa.**

Vấn và Lộc đi chơi ở bờ sông. Vấn thấy nước trong và mát mới cời áo ra tắm. Vấn hỏi Lộc rằng: « Sao anh không tắm cho mát?



Năng tắm rửa thì khỏe.

— Lộc nói: « Tắm vô ích, đi chơi có thích hơn không?

— Anh nói dở lắm. Tắm thì mát-mẻ và khỏe người, chớ sao lại vô ích?

— Chẳng cần gì phải tắm luôn như anh mới khỏe mạnh.

— Nếu anh thích ở bẩn⁽¹⁾, thì tùy ý anh, chớ như tôi, có tắm rửa luôn cho sạch-sẽ thì mới chịu được. »

Đây là anh Vấn hiểu cách vệ-sinh, cho nên mới năng tắm rửa như vậy.

(1) dơ.

Câu hỏi. — Trong phép vệ-sinh thì điều gì là quan-hệ hơn cả? — Sự sạch-sẽ có ích lợi những gì? — Vấn rừ Lộc tâm, Lộc bảo gì? — Vấn trả lời làm sao?

CÁCH-NGÔN. — Hằng lễ tâm gọi phải thì.

33. — Cần phải vận-dộng.

Có năng vận-dộng thì gân cốt mới được cứng-cát, da thịt mới được hồng-hào. Vậy ta chớ nên ngồi yên một xó, không chịu đi lại cắt nhắc ⁽¹⁾, mà sinh ra bệnh-tật. Ta phải vận-dộng để luyện-tập thân-thể ngay từ lúc còn trẻ mới được.

Ở trường học, những giờ ra chơi, ta phải chơi đùa vui-vẻ, vừa giải-trí, vừa khỏe thân. Có khỏe mạnh thì mới có sức mà học-hành, chớ đau yếu luôn, thì còn làm được việc gì nữa.

Tiểu dẫn. — Cách giữ mình cho khỏe mạnh.

Xưa có ông thầy thuốc bảo bệnh-nhân rằng: « Gân cốt có tập-luyện, trong bụng có vui-vẻ, và nhất là đừng có làm gì thái quá, thì không phải cần đến thuốc-men ».



Hoa-Đà nói chuyện.

Ông Hoa-Đà là một bậc danh-y đời Tam-quốc, cũng có câu rằng: « Nước giữa dòng mà không thối; là vì chảy luôn. Cái then cửa mà không gỉ, là vì đưa đi đẩy lại luôn. Con người ta muốn cho mạnh-mẽ, cũng phải năng vận-dộng, thì mới được khỏe mạnh. »

Giải nghĩa. — Bệnh-nhân = người ốm. — Thái quá = đây nói ăn uống, chơi-bời quá độ.

Câu hỏi. — Thân-thể khỏe mạnh, thường bởi đâu? — Ta phải tập-luyện thân-thể thế nào? — Tập-luyện thân-thể được lợi những gì? — Ông Hoa-Đà nói làm sao?

CÁCH-NGÔN. — Có vận-dộng mới được khỏe mạnh.

(1) cử-dộng.

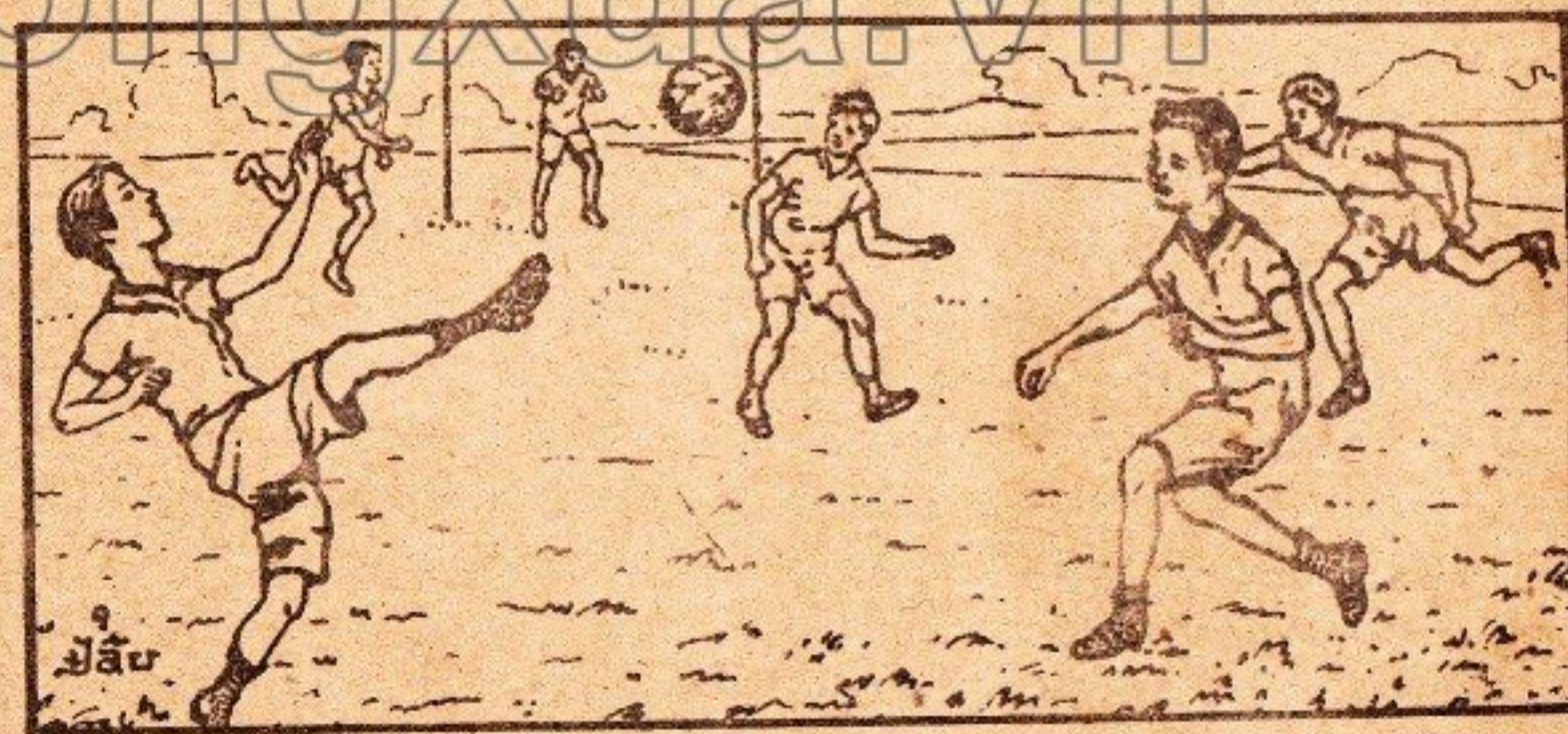
34. — Thể-thao và du-hí.

Tập thể-thao là vận-dộng cho các bộ-phận thân-thể được nở-nang ra. Có tập thể-thao thì gân-cốt mới được cứng-cát, tinh-thần mới được lanh-lợi, người mới được bạo dạn ⁽¹⁾ ra. Thường những người lẻo-khoẻ ⁽²⁾ yếu-đuối là chỉ vì không chịu tập thể-thao. Sự tập thể-thao cũng cần cho ta như sự học-hành.

Du-hí là các trò bày ra để chơi cho khỏe. Kể các trò du-hí thuở trước, thì có đấu võ, cưỡi ngựa, bắn cung, là những trò cốt tập để đi trận mạc ⁽³⁾. Trong thể-dục ngày nay, các trò du-hí thật là lắm thứ, nào đánh quần, đá bóng, đánh gươm, bơi thuyền, xe đạp, xe ô-tô, v. v. Mỗi thứ có một cái thú riêng, ai thích thứ nào thì chơi thứ ấy.

Tiểu dẫn. — Đá bóng.

Năm và Thịnh đứng ở bờ sông, cời áo sắp-sửa xuống tắm. Thịnh trông thấy Năm sức-vóc lực-lượng, bắp thịt nở-nang, mới



Đá bóng.

nói rằng: « Chà! độ này trông anh khỏe mạnh lắm! Anh làm thế nào mà được như vậy? Này, anh xem cánh tay tôi gầy-gò ⁽⁴⁾ như thế này! »

(1) dạn-dĩ — (2) lẻo-khoẻ — (3) đánh giặc — (4) ốm-o.

— Năm nói: Tôi được khỏe mạnh là vì tự năm ngoài đến giờ, tôi đi đá bóng luôn. Anh có muốn tập đá bóng không?

— Tôi cũng muốn tập, nhưng chỉ sợ người ta đá phải thôi.

— Anh giát như cây ⁽¹⁾! không trách được người cứ gầy-gò ốm yếu luôn. Tập thể-thao chẳng những vui mà lại khỏe người ra nữa.

— Đi đá bóng mà người ta đá phải mình thì làm thế nào?

— Đã chơi, thì phải biết cách giữ-gìn, dẫu cho người ta có đá phải nữa, đau một tí mà được khỏe mạnh, còn hơn không việc gì mà cả đời cứ yếu như sên.

Câu hỏi. — Thể-thao là gì? — Du-hí là gì? — Du-hí có những gì? — Thể-thao và du-hí có lợi cho người ta thế nào? — Tại làm sao Năm lại khỏe hơn Thịnh?

CÁCH-NGÓN. — Cái linh-hồn mình-mẫn ở trong cái thân-thể tráng-khiên.

CHƯƠNG THỨ TƯ

BỐN-PHÂN ĐỐI VỚI XÃ-HỘI

35. — Xã-hội.

Lúc còn bé, ở nhà, thì có cha mẹ, anh em, bà con, đến lúc đi học, thì có thầy, có bạn. Khi khôn lớn lên, thì phải giao-thiệp với mọi người trong xã-hội.

Trong thiên-hạ, không thấy người ta ở lẻ-loi một mình bao giờ. Người ta nếu cô-độc một mình, thì khốn-khở trăm đường. Sức đâu mà chống lại với thú dữ, công đâu mà trồng được thóc gạo để ăn, may được quần áo để mặc, dựng được cửa nhà để ở và làm được các thứ đồ dùng khác nữa? Và lại tính ⁽²⁾ người ta là muốn ở quần-tụ với nhau, để lúc vui, lúc buồn, có thể giải-bày cái tình riêng của mình với kẻ nọ người kia. Vì những lẽ ấy cho nên người ta cần phải có xã-hội; có xã-hội thì mới được yên-ôn, sung-sướng và mới có thể tiến-hóa lên được.

(1) nhát như thỏ — (2) tánh.

Tiểu dẫn. — Giấc mộng.

Hoàng-Văn-Ba là con một nhà giàu-có, tưởng mình có củ thì không cần gì đến ai, mà trông thấy những người làm ăn thì có ý xem thường, xem khinh. Một hôm, anh ta nằm chiêm-bao thấy:

« Người làm ruộng đến bảo rằng: từ mai trở đi tôi không làm gì nữa, anh cày lấy ruộng, gieo lấy mạ, làm lấy gạo mà ăn;

Người thợ dệt bảo rằng: anh dệt lấy vải, may lấy áo mà mặc;

Người thợ nề bảo rằng: anh đánh lấy vôi, xây lấy nhà mà ở».

Nói đoạn, mỗi người đi một ngã.

Anh ta bơ-vơ một mình, kêu trời kêu đất cũng chẳng ai đoái-hoài đến, mà xung-quanh mình thì thấy những hùm beo chực xông vào ăn thịt. Sợ hãi kinh hoàng, anh ta tỉnh dậy, thì lúc ấy mặt trời đã mọc, thợ-thuyền lấp-nập, người đi làm việc nọ, kẻ đi làm việc kia. Người dệt vải thì miệng hát, tay đưa thoi, người làm ruộng, chỗ này sắp đi cày, chỗ kia sắp đi cấy. Lúc ấy anh ta mới biết rằng mình chiêm-bao và mới hiểu rõ rằng ở đời này, giàu, nghèo, sang, hèn, phải nh lẫn nhau cả, không ai có thể ở lẻ-loi mà sinh-tồn được. Từ đấy anh tỉnh-ngộ ra và đem lòng yêu mến tất cả mọi người.



Giấc mộng.

Giải nghĩa. — *Cô-dộc* = một mình, không có ai là họ-hàng thân-thích. — *Kinh-hoảng* = khiếp sợ cuống-cuống. — *Sinh-tồn* = sống ở đời. — *Tỉnh-ngộ* = hiểu rõ sự lầm-lỗi.

Câu hỏi. — Lúc bé, ta ở với ai? — Lúc lớn, ta cần đến ai? — Xã-hội có ích cho người ta thế nào? — Hoàng-Vân-Ba cậy mình thế nào? — Một hôm, năm chiêm-bao thấy gì? — Anh ta tỉnh dậy, nghĩ thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Người ta cần phải có xã-hội.

36. — Đoàn-thể trong xã-hội.

Người trong một xã-hội phải liên-lạc với nhau, nghĩa là người nọ phải nhờ lẫn người kia, thì mới có thể sinh-tồn và tiến-hóa được. Người ta từ ở trong nhà với cha mẹ vợ con, cho ra đến ngoài đối với quốc-gia xã-hội, không thể nào đứng lẻ-loi được một mình. Người ở đời, không những là cần đến người đồng thời, mà lại còn có mối liên-lạc với ông cha đời trước, với con cháu đời sau nữa.

Tiểu dẫn. — Một cái áo.

Một hôm, Binh đi chơi với cha đến trước một cửa hàng thợ



Binh nói chuyện với cha.

may. Binh trông thấy những áo treo trong tủ-kính, khen đẹp, hỏi cha rằng: « Thưa cha, người ta làm thế nào mà được những quần áo đẹp như thế này? »

Cha nó cầm lấy áo nó mà nói rằng :

« Con hãy xem cái áo của con mặc đây, phải có người trồng bông, hoặc nuôi tằm, dệt cửi, nhuộm màu, có người cắt, may, mới thành được. Lại xem một cái kim để may áo, phải có người tìm ra mỏ sắt, khai quặng (quánh) lên, đem quặng về nấu thành gang, gang nấu thành thép, rồi mới làm được cái kim. Chỉ có một cái áo mà phải biết bao nhiêu người làm mới thành. Một cái áo còn phải thế, thì bao nhiêu đồ vật cần dùng cũng thế cả, không phải một người nhất-đán mà làm nên được. Vậy con phải biết rằng người ta ở trong xã-hội phải có đoàn-thể với nhau cả.

Giải nghĩa. — *Liên-lạc* = ràng buộc với nhau. — *Nhất-đán* = một ngày.

Câu hỏi. — Người trong một xã-hội, phải có đoàn-thể với nhau thế nào? — Một hôm, Binh và người cha đứng ở đâu? — Binh hỏi gì? — Người cha trả lời làm sao?

CÁCH-NGÔN. — Một cây làm chẳng nên non.

37. — Bòn-phận đối với xã-hội.

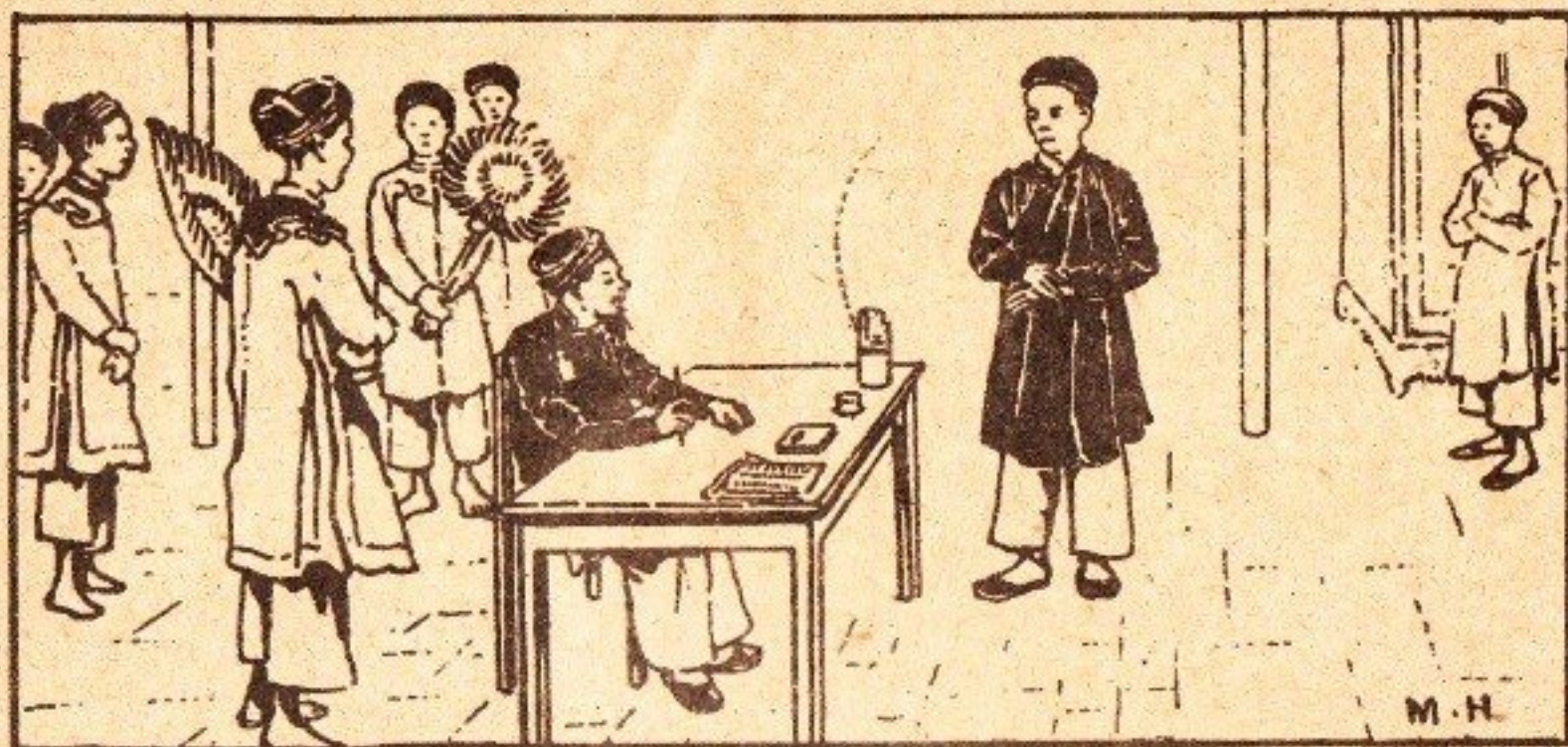
Ta đã cần phải có xã-hội và xã-hội đã giúp ta được nhiều công việc, thì ta cũng phải tìm cách mà trả nợ cho xã-hội. Ta phải lưu tâm mà làm những việc ích lợi. Bất cứ làm nghề gì, đi cày hay đi buôn, làm quan hay dạy học, ta cũng phải dốc lòng làm cho hết cái chức-trách của ta. Ta không nên thờ-ơ⁽¹⁾ chềnh-mãng⁽²⁾ mà mang tiếng là lười-nhác⁽³⁾, không nên điên-đảo giả-dối mà mang tiếng là bất-lương. Ta nên cố tìm cách canh-cải mọi nghề-nghiệp cho mỗi ngày một lương hảo hơn lên. Nghề của ta được tinh-xảo, thì có ích riêng cho ta, mà lại lợi chung cho cả xã-hội nữa.

Tiểu dẫn. — Tận tâm với xã-hội.

Xưa có một người làm quan tận-tâm với chức-vụ, cả năm không nghỉ ngày nào. Có người bảo: « Sao quan lớn không nghỉ một đôi ngày, tội gì mà nhọc thân như vậy? — Ông đáp lại rằng :

(1) bơ-hờ — (2) lảnh-lãng — (3) làm biếng.

Tôi cũng muốn nghỉ, nhưng chỉ sợ nghỉ ngày nào, thì thiệt cho



Ông quan chăm việc.

dân ngày ấy, vì công việc không thể để đọng lại được.»

Một ông quan tâm-tâm với việc nước như vậy, thật là hiện cái nghĩa-vụ của mình đối với xã-hội.

Giải nghĩa. — *Bất-lương* = không được thật-thà từ-tề. — *Canh-cải* = thay đổi, sửa sang.

Câu hỏi. — Ta đã chịu ơn của xã-hội, thì ta phải làm gì? — Đối với nghề nghiệp của ta, thì ta phải thế nào? — Một người bảo ông quan thế nào? — Ông quan đáp làm sao?

CÁCH-NGÔN. — Nước còn quyền cát nên doi,
Huồng chi ta chẳng tài bồi lấy nhau.

38. — Công-bình và nhân-ái.

Bồn-phận người ta đối với xã-hội, thường chia làm hai mối là : công-bình và nhân-ái. « Không hại người », tức là công-bình ; « làm hay cho người », tức là nhân-ái.

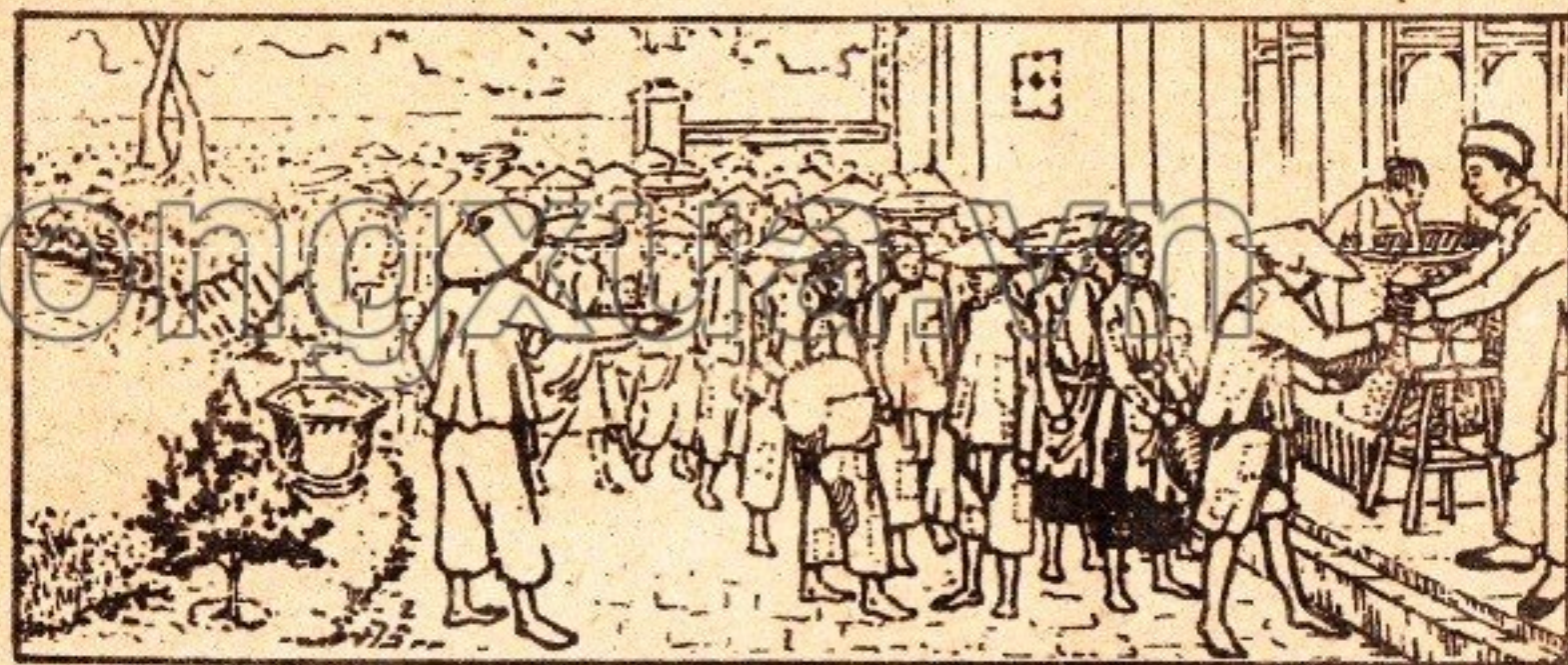
Câu « kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân » trong sách luận-ngữ, tức là công-bình. Còn nhân-ái thì ta có thể nói được rằng : « kỷ sở dục giả, khả thi ư nhân ».

Người ta mà không công-bình, chẳng những có tội đối với lương-lâm, mà luật-pháp lại còn trừng-trị nữa. Giết người thường phải thế mạng ; trộm cắp thì phải ngồi tù, xưa nay ở đâu cũng vậy.

Còn người mà không có lòng nhân-ái, thì tuy đối với luật-pháp không có tội lỗi gì, nhưng đối với lương-tâm, thì là không phải. Gặp người đói khó, mà mình không giúp người ta, cũng không ai bắt được mình, nhưng trong bụng không đành.

Tiểu dẫn. — **Thu, Hạ và Xuân.**

Thu, Hạ và Xuân, ba người tâm tính mỗi người một khác. Thu, nhà làm ruộng giàu-có, cả đời không làm điều gì hại ai, nhưng cũng không hề làm phúc, làm đức cho ai bao giờ.



Phát chẩn.

Hạ vốn là người có tính nhân-từ, ai nhờ-cậy việc gì, là sẵn lòng giúp ngay, và đối với anh em, thật là một người hào-phóng, không có tiếc của. Nhưng phải cái tính hay nóng-nảy, hễ ai làm điều gì phật ý mình, thì sinh-sự đánh đập người ta.

Còn anh Xuân thì hơn cả hai người kia, là vì anh đã công-bình lại có lòng nhân-ái. Anh buôn bán, nhà sung túc, chung thân không làm thiệt hại cho ai bao giờ, mà lại hay sẵn lòng giúp người. Một năm, trời làm đói kém, anh bỏ tiền ra mua gạo phát chẩn cho những người nghèo khổ. Cho nên thiên-hạ ai cũng ca tụng anh là người có lòng từ thiện.

Giải nghĩa. — *Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân* = cái gì mình không muốn, chớ làm cho người — *Kỷ sở dục giả, khả thi ư nhân* = cái gì mình muốn, nên làm cho người.

Câu hỏi. — Bồn-phận người ta đòi với xã-hội, chia làm mấy mối? — Thề nào là công-bình? — Thề nào là nhân-ái? — Thu tính nết thề nào? — Hạ tính nết thề nào? — Tại sao Xuân lại hơn Thu và Hạ?

CÁCH-NGÔN. — Dĩ đức báo đức, dĩ trực báo oán.

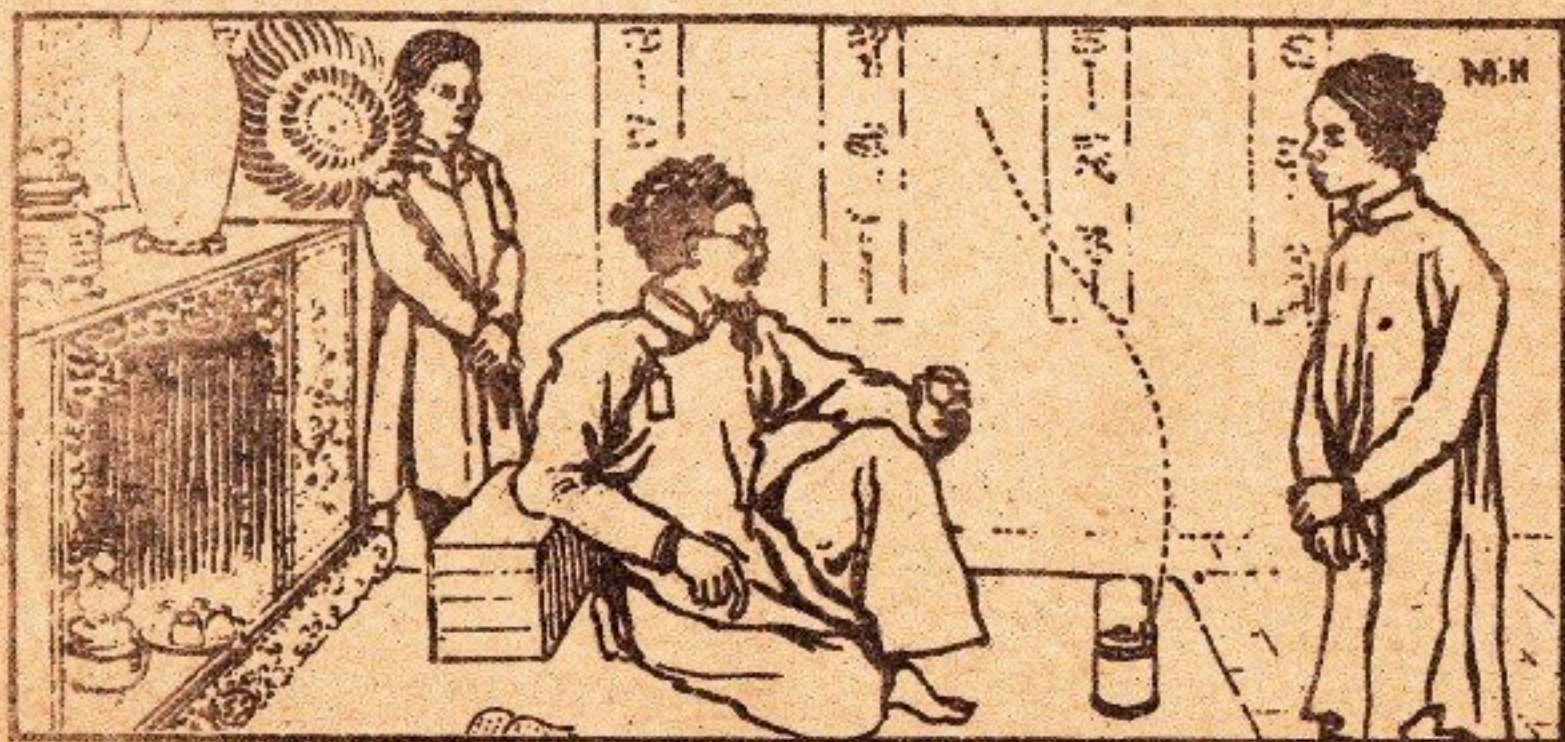
39. — Công-bình.

Không phạm đến tính-mệnh⁽¹⁾, của-cải, danh-giá, sự tự-do và sự tin-ngưỡng của người ta, tức là công-bình.

Đối với người, đã có bụng công-bình, thì ai cũng như ai. Bất cứ là người đồng-tông hay dị-chủng, cũng không có cái gì là phân biệt, mà cũng không làm cho chuyển được cái bụng ngay lành của mình. Vậy trước khi làm việc gì, ta phải xét xem việc ấy có hại đến ai không. Bất cứ việc gì, ta cũng phải lấy sự công-bình làm cốt.

Tiểu dẫn. — Ông quan công-bình.

Xưa có một người làm đầy-tớ nhà quan, nhân có việc kiện với một người trong họ, người ấy đến xin quan bênh-vực cho,



Ông quan công-bình.

(1) tánh-mạng.

quan không nghe. Người ấy cố kêu nài mãi: « Bầm quan lớn, quan lớn nói cho một lời, thì thế nào tôi cũng được kiện. » Quan bảo: « Không được, dịch-địa anh là người kia, thì anh có muốn ta nói lời ấy không? »

Giải nghĩa. — *Tín-ngưỡng* = có lòng tin về một tôn-giáo nào. — *Đồng-tông* = người cùng một nòi giống. — *Dị-chủng* = người khác giống. — *Dịch-địa* = đặt mình thay vào người khác, cũng nghĩa như giả-sử.

Câu hỏi. — Thề nào là công-bình? — Người công-bình ăn-ở thề nào? — Người đầy-tớ đến xin quan gì? — Quan trả lời làm sao?

CÁCH-NGÔN. — Pháp bất vị thân.

40. — Trọng cái tính-mệnh⁽¹⁾ của người ta.

Trọng cái tính-mệnh⁽¹⁾ của người ta, là đừng có làm điều gì phạm đến thân-thể và quyền tự-do của người ta. Người ta ở đời, không có gì trọng bằng cái tính-mệnh⁽¹⁾, hễ phạm đến, là một tội đại-ác.

Không những là giết người mới có tội, cạy quyền cạy thể mà hà-hiếp người ta, làm mất cái quyền tự-do của người ta, cũng là một điều trái với lẽ công-bình, người có lương-tâm không ai làm.

Tiểu dẫn. — Mạng người hơn vật quý.

Xưa, vua nước Nhật-bản có hai mươi cái bình rất quý. Một hôm, có viên thị-thần vô ý, làm vỡ⁽²⁾ mất một cái, vua tức giận, truyền đem chém. Một ông quan quý xuống tâu rằng: « Hạ-thần có phép chữa được cái bình ấy lại lành như cũ, nhưng xin Bệ-hạ cho hạ-thần xem mười chín cái bình kia. Vua mừng rỡ, đưa ông quan đến xem những cái bình ấy bày cả trong tủ. Ông quan lại gần, đẩy cái tủ đồ xuống, mười chín cái bình vỡ hết cả. Đoạn rồi

(1) tánh-mạng — (2) bể.

ông quan ấy tâu rằng : « Đề mười chín cái bình này lại, thì còn



Ông quan đẩy cái tủ

mất mười chín mạng người nữa, vậy nay Bê-hạ giết một mình tôi là đủ. Vua nghe nhiều ý, tha cho cả hai người, không làm tội.

Câu hỏi. — Trọng tính-mệnh người là thế nào? — Giết người thì làm sao? — Đánh người, phạm đến danh-giá người có tội không? — Vua Nhật-bản có đồ vật quý gì? — Người thị-thần phạm tội gì? — Một ông quan xin vua gì? — Ông ấy đẩy đồ cái tủ rồi tâu vua làm sao?

CÁCH-NGÔN. — Mạng người là quý.

41. — Trọng của người.

Của của ai, là người ấy có quyền chi dụng và có quyền để lại cho con cháu. Ta không nên phạm đến của của người ta.

Không phải chỉ những đứa ăn trộm ăn cắp mới là người bất-lương mà thôi. Diên-đảo giả-dối để đánh lừa người ta, đi vay vô nợ, bắt được của rơi mà không trả, cũng là bất-lương cả. Ta phải biết rằng cái gì đã là không phải của mình, thì ta đừng đem lòng tham mà chực lấy không, vì rằng lấy không của người ta, là một sự rất trái với đạo công-bằng.

Tiểu dẫn. — Không nên lấy của người ta.

Xưa có ông vua, một hôm đi săn, khát nước quá. Gần đấy có một cái vườn cam chín đỏ ối. Một ông quan muốn vào lấy cam



Vua đi qua vườn cam.

đề dâng vua. Nhưng vua không nghe, phán rằng : « Của người ta sao ta lại nỡ lấy không! Và ta có ăn một quả cam, thì bao nhiêu quan quân đi theo ta, tất cũng ăn, thì còn gì là vườn cam của người ta nữa? »

Vua phán như vậy, thật là công-bình, biết trọng của-cái của người ta như của mình vậy.

Giải nghĩa. — Bất-lương = làm điều trái với lẽ phải.

Câu hỏi. — Người ta có quyền chi dụng của-cái thế nào? — Ta phải trọng của-cái của người làm sao? — Trông thấy vườn cam, một ông quan tâu vua thế nào? — Vua phán làm sao?

CÁCH-NGÔN. — Trọng của người như của mình.

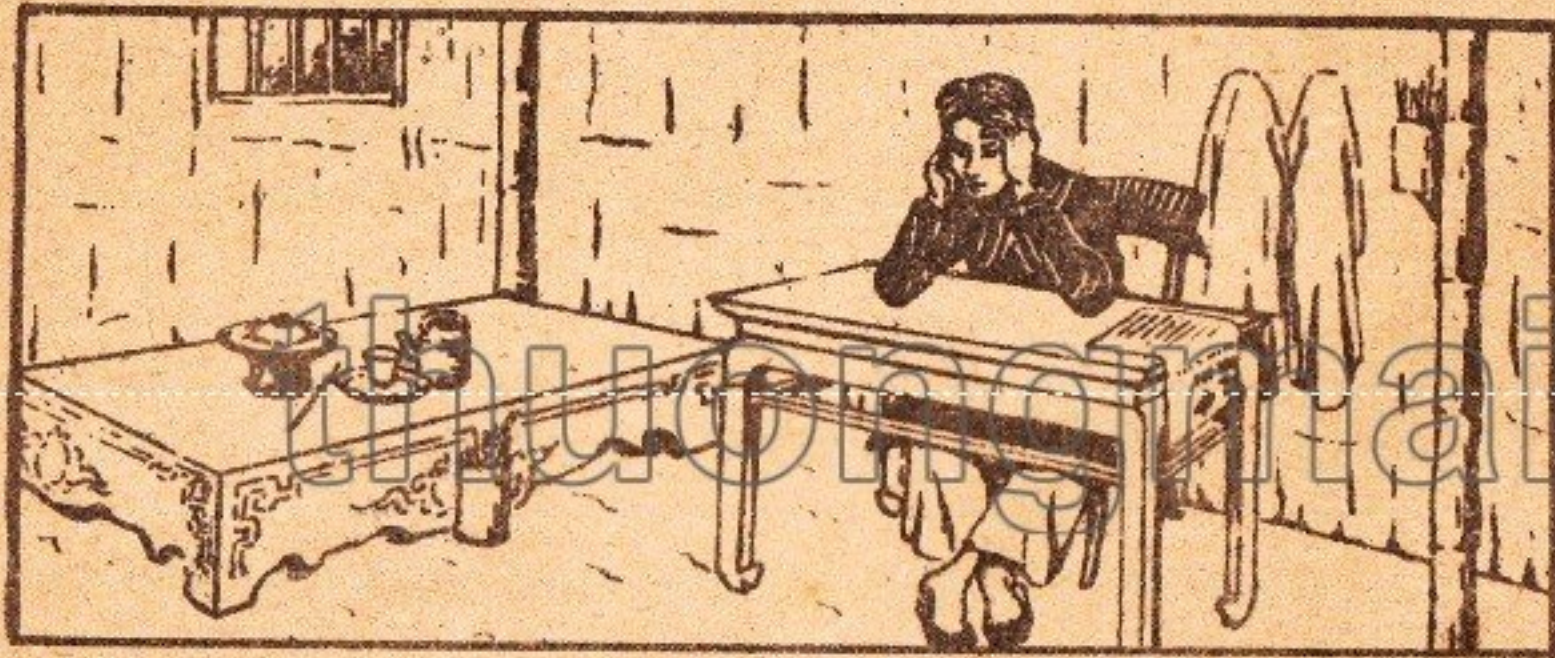
42. — Trọng danh-giá người.

Của-cái của người ta, không phải là chỉ nói riêng về tiền-bạc, ruộng-nương, nhà-cửa, đồ-đạc mà thôi, lại có một thứ của-cái quý hơn nữa là cái danh-giá ở đời. Danh-giá tức là danh thơm tiếng tốt của người biết tự trọng mình, biết quý cái tư-cách làm người, mà khinh-bĩ những điều hèn-mạt, dê-hạ. Của-cái mất đi thì còn

làm ra được, chớ cái danh-giá đã mất thì khó lòng mà lấy lại được. Thành-nhân dạy rằng: « Quân-tử thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác ». Nghĩa là người quân-tử làm thành tiếng hay cho người, chứ không làm thành tiếng xấu cho ai bao giờ. Vậy bôn-phận mình ở trong xã-hội là phải trọng cái danh-giá của người ta, đừng có nói xấu ai, nói vu cho ai điều gì.

Tiểu dẫn. — **Biết hối-hận.**

Anh Thọ ngồi một mình, nghĩ xa, nghĩ gần. Anh nghĩ rằng: « Hừ! ta lấy (1) tám vóc (2) thế mà trôi. Vạn đã phải bắt rồi, bây giờ chắc chẳng ai nghĩ ngờ gì cho ta nữa. » Anh nghĩ thế, rồi trong



Thọ biết hối.

bụng lấy làm hờn-hở. Nhưng một chốc, nghĩ đến tình cảnh anh Vạn, trong lương-tâm anh lấy làm hối-hận, tự trách mình rằng: « Chính ta lấy tám vóc ấy, mà lại đề cho người khác mắc tội oan. Như thế là vì ta mà nhà anh Vạn phải tai-nạn, mất cả danh-giá. Ta hèn-hạ thật! Đáng lẽ ta phải tự trói mình mà ra nhận lấy tội, thì mới phải. » Anh nghĩ thế, rồi trong dạ bấn-khoăn, ăn không ngon, ngủ không yên. Đến hôm sau, anh lên huyện thú tội để cho anh Vạn được tha.

Câu hỏi. — Danh-giá là gì? — Danh-giá sao lại quý hơn của-cải? — Anh Thọ nghĩ gì? — Lương-tâm anh trách anh làm sao? — Về sau anh đi thú tội thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Mua danh ba vạn, bán danh ba đồng.

(1) ăn cắp — (2) tở.

43. — Sự nói xấu.

Sự nói xấu là cái tật cứ đi bởi (1) móc chuyện xấu của người ta mà nói. Người nói xấu là có ý hoặc để thỏa lòng ghen-ghét, hoặc để khoe cái hay và che cái dở của mình. Người nói xấu là người hèn-hạ đáng khinh, vì chỉ nói những lúc vắng mặt người ta, để làm cho người ta mất danh-giá.

Vậy không những ta không nên nói xấu ai, mà cũng không nên nghe chuyện người ta nói xấu nhau.

Tiểu dẫn. — **Chớ nên nói xấu người ta.**

Bây đến chơi nhà Tám. Tám hỏi rằng: « Có chuyện gì lạ không? »

- Tôi mới viết một bài báo đề đưa anh xem có được không.
- Nói về chuyện gì thế?



Không nên nói xấu người ta.

— Lý-Khuyết-Hạ bây giờ sang-trọng lưng-lẫy, mà trước là người thế nào, anh có biết không?

— Không, người ấy trước thế nào?

— Trước hần (2) ta đã can án ăn-cấp, phải ngồi tù mấy tháng, mà bây giờ được thế đó!

— Vậy à? anh viết báo nói chuyện ấy đấy à?

— Phải, chắc là bài này in ra, thì ai cũng muốn xem.

(1) buri — (2) anh.

— Không nên đăng bài ấy, vì là một chuyện nói xấu người ta. Vả lại tuy người ấy trước làm xấu (1) phải tội, nhưng sau người ta đã biết tu-tĩnh lại, lập được thân, làm nên danh-giá, thế là một điều đáng khen. Nếu anh làm như thế này, thì có phải là đem chuyện xấu của người ta mà làm hại người ta không? Thôi, tôi không xem bài ấy nữa, mà anh cũng nên xé đi! »

Anh Bảy hiểu ý, nghe lời bạn nói, không đem bài ấy đăng báo (2) nữa.

Câu hỏi. — Thế nào gọi là nói xấu? — Thường tại làm sao mà người ta hay nói xấu nhau? — Tại làm sao người nói xấu lại đáng khinh-bĩ? — Anh Bảy định viết báo nói gì? — Anh Tám khuyên ngăn anh thế nào? — Sau anh Bảy làm gì?

CÁCH-NGÔN. — Quân-tử thành nhân chi mỹ.

44. — Sự nói vu.

Nói vu là đặt chuyện ra mà vu cho ai để hại người ta, hay làm cho người ta mất danh-giá. Những người nói vu là người hèn-mạt, bày đặt ra chuyện nọ kia để làm cho người ta mang tai mang tiếng, phải những điều oan-ức, khó lòng mà rửa sạch được.

Ta đi học, đã biết điều phải trái, thì ta chớ hề nói vu cho ai bao giờ. Ta nên cho những điều ấy là điều hèn-mạt, đáng khinh-bĩ.

Tiểu dẫn. — Chớ nói vu cho người ta.

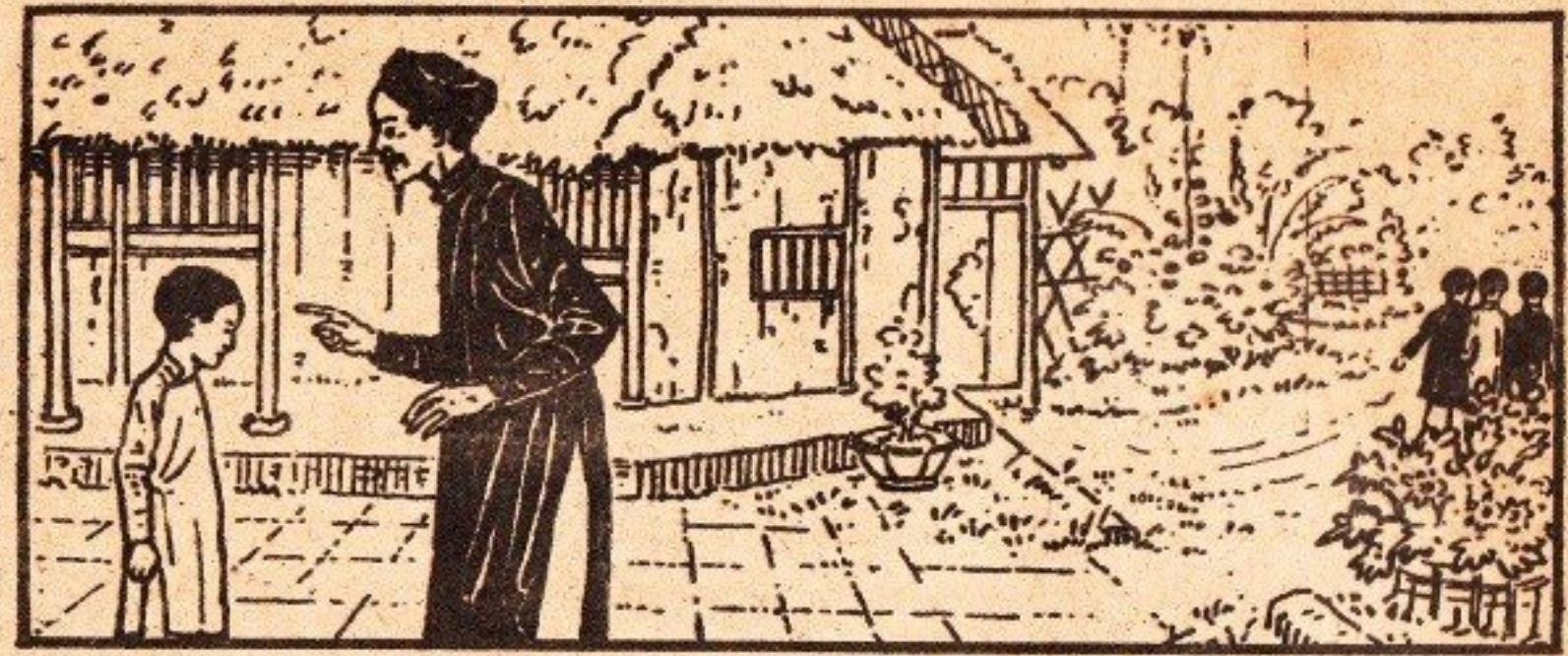
Chắt và mấy người bạn đi qua vườn hoa của ông Bá. Chắt trông thấy vết chân giẫm (3) gãy khóm huệ, nói rằng: « Ta đi mau lên, chẳng có người ta lại đổ cho mình giẫm gãy hoa của ông Bá ».

Chút là con ông Bá, xưa nay vẫn ghét bọn anh Chắt, nghe thấy nói thế, chạy ra bảo rằng: « Chúng bay giẫm hoa của cha tao, tao về tao mách cho mà xem! »

Nói đoạn, Chút vào mách cha rằng: « Thưa cha, thằng Chắt nó giẫm gãy cả hoa ở ngoài vườn.

(1) quày — (2) vô nhứt-trình — (3) đạp.

— Mày có trông thấy nó giẫm (1) không?



« Sao mày lại vu cho chúng nó? »

— Thưa có ạ. Chính (2) mắt con trông (3) thấy.

— Mày nói láo! Cái vết chân ấy là tao giẫm (1) vào lúc nãy đấy mà. Sao mày lại vu cho chúng nó thế? Mày đáng tội lắm. »

Giải nghĩa. — Oan-ức = không làm mà bị tiếng xấu hay bị tội.

Câu hỏi. — Sự nói vu khác sự nói xấu thế nào? — Tại làm sao mà không nên nói vu? — Chắt đi qua vườn ông Bá, trông thấy gì? — Chắt nói gì? — Chút nghe thấy, vào mách ông Bá làm sao? — Ông Bá mách Chút thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Danh ô nan thực.

45. — Lễ-phép.

Con người ta, bất cứ sang hay hèn, cũng phải giữ cho có lễ-phép. Lễ-phép là cái tư-cách của người có giáo-dục biết tự trọng và trọng người. Cho nên thánh hiền đời trước dạy người ta cốt lấy chữ « Lễ » làm đầu.

Các con bây giờ đi học, phải tập lễ-phép cho quen. Đừng có kiêu-căng, thô-tục, đừng có suồng-sã, lả-lơi. Phải biết tôn-kính người trên, ôn-hòa với kẻ dưới. Gặp ai quen thuộc, phải chào hỏi cho tử-tế. Hễ ai hỏi gì, phải trả lời cho từ-tốn.

(1) đạp — (2) chánh — (3) ngó.

Tiểu dẫn. — Giữ lễ.

Xưa có một vị công-tử, một hôm ⁽¹⁾ cùng đi chơi với ông thầy-học. Ra đường gặp một thằng bé bán kẹo chấp (chấp) tay



Phải giữ lễ với mọi người.

vái. Ông thầy học cúi đầu chào lại, công-tử thấy vậy, hỏi rằng: « Sao tiên-sinh lại chào một đứa hèn-hạ như vậy? »

— Thưa vâng, tôi chào nó để khỏi mang tiếng rằng tôi không lễ-phép bằng nó. »

Giải nghĩa. — Công-tử = con quan. — Tiên sinh = thầy.

Câu hỏi. — Thế nào là có lễ-phép? — Các anh phải giữ lễ-phép thế nào?

— Một hôm, một vị công-tử và thầy-học đi chơi gặp ai? — Thằng bé ấy làm gì? —

Ông thầy-học chào lại nó thế nào? — Công-tử hỏi gì? — Thầy-học đáp thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Tiên học lễ, hậu học văn.

46. — Lòng nhân-ái.

Các anh đã hiểu rõ những lễ công-bằng, nghĩa là phải trọng tính-mệnh ⁽²⁾, của-cải, danh-giá của người ta. Nhưng đó là chỉ giữ không làm điều ác mà thôi. Như thế vẫn chưa đủ bổn-phận làm người. Phải có lòng nhân-ái nữa mới được.

Nhân-ái là lòng từ-thiện, thương người đói khát, giúp người hoạn-nạn. Có lòng nhân-ái, thì mới làm những việc như bố-thí, cứu giúp kẻ nghèo khổ, mới biết thân yêu mọi người và quên mình mà làm điều thiện.

(1) bữa kia — (2) tánh-mạng.

Tiểu dẫn. — Ông vua nhân-tử.

Vua Lý Thánh-Tôn, xưa là ông vua rất nhân-tử. Một hôm ⁽¹⁾ mùa đông, vua ngự giá đi chơi. Giữa đường thấy một ông lão nằm, rét ⁽²⁾ run cầm-cắp, người xám-ngắt đi. Vua liền bắt dừng



Vua Lý Thánh-Tôn cởi áo đắp cho người rét ⁽²⁾.

kiệu lại, cởi cái áo đang mặc, bảo đem đắp cho người ấy. Rồi lại bắt lấy rơm đốt cho ấm. Lúc ông lão tỉnh lại, vua cho gọi đến hỏi, thì ông lão nói già đã hơn bảy-mươi tuổi và không nhờ-và ai được. Vua liền phán cấp tiền cho người ấy.

Vua thường nói rằng: « Trẫm no mà biết dân còn có kẻ đói, ấm mà biết dân còn có kẻ rét ⁽²⁾, thì lòng trẫm vẫn không yên. »

Giải nghĩa. — Bố-thí = đem tiền, đem gạo cho người đói khổ.

Câu hỏi. — Nhân-ái là gì? — Người có lòng nhân-ái làm những điều gì?

— Vua Lý Thánh-Tôn là người nhân-tử thế nào? — Một hôm, vua gặp một ông lão đói rét, vua cho gì?

CÁCH-NGÔN. — Thương người như thể thương thân.

47. — Sự bố-thí.

Bố-thí là khi mình thấy ai nghèo đói, khổ-sở, mình cho cơm ăn, áo mặc, hoặc cho tiền bạc để giúp đỡ người ta.

(1) bữa kia — (2) lạnh.

Việc bố-thí cần phải tự-nhiên, không cầu-kỳ, không khoe-khoang, mà có phần thiết-thời cho mình thì mới quý. Không cứ cho ít hay cho nhiều, miễn là mình có lòng thành-thực, biết thương-xót kẻ nghèo khổ, thì mới là phải cái nghĩa bố-thí.

Tiểu dẫn. — Cho cơm được vàng.

Một bà lão ăn-mày, mắt lòa, chân chậm (yếu), chống gậy sò-seang (khấp-khềnh) đến nhà bà Thiện xin bát cơm. Bà Thiện dắt vào, đem cho bát cơm nguội mà nói rằng: « Bà ngồi đây ăn đi,



Bà Thiện mang cơm cho ăn mày.

rồi hãy đi nhà khác. Tôi đây cũng nghèo khổ, chẳng có gì, nhưng trời cho được mạnh chân khỏe tay, hễ thấy người khốn-khó hơn mình, thì bao giờ cũng vui lòng giúp đỡ.»

Bà Thiện nói xong, vừa ngoảnh đi, thì bà lão ăn-mày biến đâu mất. Trông lên trời, thấy một bà tiên đứng trên mây nói xuống rằng: « Ta phụng-mệnh phật bà sai xuống để thử lòng người. Nhà chị thật là từ-thiện, nên phật ban thưởng. Chị cứ vào trong bếp, xem nồi cơm thì biết.»

Bà Thiện vào, mở nồi cơm ra, thì trông thấy đầy một nồi vàng.

Thế mới hay người có lòng từ-thiện, thì Trời, Phật cũng chứng minh cho.

Câu hỏi. — Thế nào gọi là bố-thí? — Sự bố-thí cần phải thế nào? — Bà Thiện làm phúc thế nào? — Bà lão ăn-mày là ai? — Phật cho bà Thiện gì?

CÁCH-NGÔN. — Dù xây chín đợt phù đồ,

Không bằng làm phúc cứu cho một người.

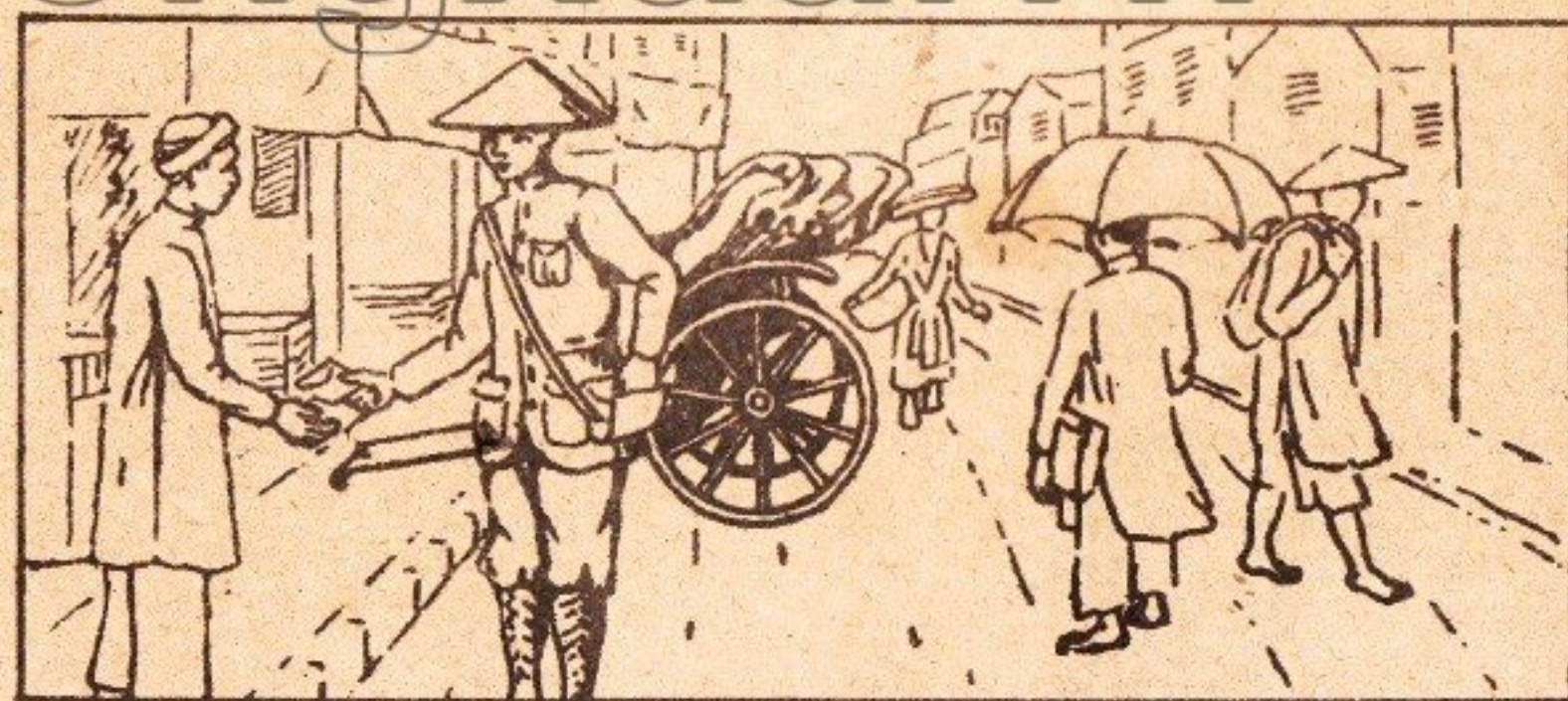
48. — Cách bố-thí phải thế nào?

Sự bố-thí cốt ở cái lòng lành của mình, muốn cứu giúp những kẻ đói khát khổ-sở. Lắm lúc chính sự cứu giúp của mình không được bao nhiêu, nhưng không cứ phải cho nhiều tiền nhiều của mới là bố-thí, một lời nói an-ủi làm cho người ta đỡ được một phần chua xót, cũng đã quý lắm rồi. Vì ta đem tiền bạc cho một người nghèo khổ, mà lại hắt-hủi, mắng-mở, làm cho người ta tủi nhục, thì còn gì là sự bố-thí nữa? Tục-ngữ tây có câu rằng: « Cách cho hơn của đem cho.»

Ta phải biết rằng khi ta cầm đồng tiền đồng bạc mà cho ai, người ta phải ngửa tay ra lấy, đã là cực-khổ lắm rồi. Bởi thế cho nên có nhiều người đành chịu chết còn hơn là đi ăn-mày ăn-xin. Vậy nên khi ta có cứu giúp ai, ta phải giữ ý-tử, đừng để cho người ta cực-khổ về điều đó.

Tiểu dẫn. — Giúp bạn.

Bình là người buôn bán giàu-có. Một hôm (1), được tin người bạn cũ là Dân mắc nợ, không trả được, sắp phải bắt. Anh muốn



Anh Dân nhận măng-đa.

giúp, nhưng biết bạn xưa nay là người *khí-khái*, nếu ra mặt giúp, thì sợ bạn không chịu nhận. Anh mới hỏi dò xem món nợ là bao nhiêu, rồi đi mua măng-đa, gửi đủ số tiền ấy cho bạn, mà không

(1) bữa kia.

cho bạn biết tên mình. Anh Dân, nhờ có món tiền ấy mà khỏi phải bắt, nhưng vẫn ân-hận không biết ai đã giúp mình. Còn anh Bình, thường vẫn đi lại chuyện-trò với anh Dân, mà không hề nói gì đến việc mình đã giúp anh sốt.

Giải nghĩa. — *Khí-khái* = tính không muốn lụy ai. — *Mãng-đa* = tiếng Pháp mandat, giấy lĩnh bạc ở nhà Dạy-thép.

Câu hỏi. — Sự bỏ thí cốt ở cái gì? — Câu phương-ngôn tây nói thế nào? — Nghĩa câu ấy là thế nào? — Anh Dân, vì không trả được nợ, sắp phải làm sao? — Bình làm gì để giúp bạn?

CÁCH-NGÔN. — Của ít lòng nhiều.

49. — Việc thiện.

Lòng nhân-ái của người ta không những là chỉ làm việc bố thí mà thôi, vì rằng cho tiền, cho gạo là giúp tạm người ta đỡ đói, đỡ khổ được một lúc, chứ không khỏi hẳn được sự nghèo khổ. Vậy nên người có lòng nhân-ái thường hay nghĩ đến việc thiện, như là thấy ai nghèo khổ thì đỡ-dần, tìm công tìm việc cho người ta làm, hoặc cứu giúp những cô-nhi quả-phụ cho người ta khỏi đói rét⁽¹⁾ vất-vả⁽²⁾, và có thể học-hành làm-lụng thành được người tử-tế.

Ở những nước văn-minh, có người đem tiền của mình ra làm nhà thương nhà bệnh, để chữa những người yếu đau tàn-tật, làm nhà để hay nhà nuôi người già yếu, đói khổ, v. v. Những việc như vậy là việc thiện cả.

Tiểu dẫn. — **Làm ơn không cầu báo.**

Anh Nhung đến Sài-gon tìm việc, trong lưng một đồng một chữ không có. May gặp được một người quen, tên là Giáp, nhà nghèo, làm nghề thợ mộc để nuôi thân. Anh đến nhờ người ấy

(1) lạnh — (2) cực-khổ.

tìm hộ⁽¹⁾ cho một nơi để trú thân, đợi đến khi tìm được việc làm. Giáp mời Nhung về nhà mình. Ở hơn một tháng mà vẫn chưa tìm được việc, rồi chẳng may lại bị ốm⁽²⁾. Giáp trông nom chạy chữa cho, không quản công lao, tốn kém. Đến khi anh Nhung có việc làm rồi, để dành được ít tiền, đem đến trả anh Giáp. Anh Giáp không nhận, nói rằng: « Tôi giúp anh, không có bụng mong anh trả lại. Miễn là về sau anh gặp người khác, thì anh lại giúp người ta như tôi đã giúp anh. »



Anh Nhung đến xin ở nhờ nhà anh Giáp.

Giải nghĩa. — *Cô-nhi* = con mồ-côi. — *Quả-phụ* = đàn bà hóa.

Câu hỏi. — Việc thiện khác việc bố-thí thế nào? — Ở các nước văn-minh, người có lòng thiện làm những việc gì? — Anh Giáp giúp anh Nhung thế nào? — Lúc anh Nhung tìm được việc, đem tiền đến trả thì anh Giáp nói thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Cứu nhất nhân đắc vạn phúc.

50. — Nghĩa đồng-bào.

Nghĩa đồng-bào khiến ta phải thương yêu mọi người như là thương yêu anh em ruột. Bao giờ ta cũng sẵn lòng giúp đỡ mọi người, để người ta làm trọn cái nghĩa-vụ ở đời. Ta phải dạy bảo những người ngu dốt, khuyên người làm điều lành, răn người làm điều ác. Ta nên che-chở cho những người bị điều oan-ức và bênh-vực những người hèn yếu. Ta phải ăn-ở thế nào cho đưa con mồ-côi có thể coi ta như cha, người đàn bà hóa (quá) coi ta như ân-nhân. Ta làm mắt cho kẻ mù, làm chân cho kẻ què, làm tai cho kẻ điếc.

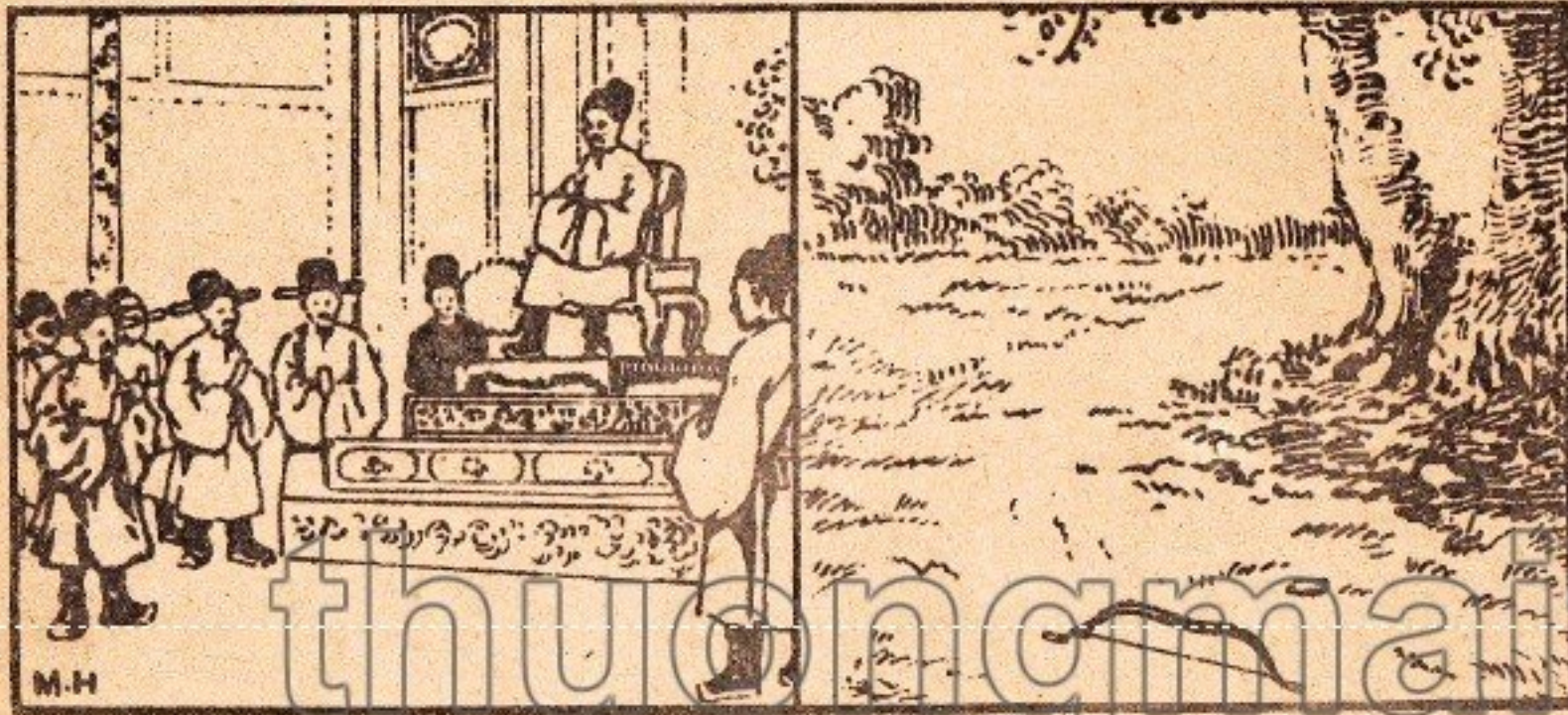
Lúc nào cũng sẵn lòng nhân-từ mà giúp đỡ mọi người trong lúc nguy-hiểm.

(1) giúp — (2) đau.

Tiểu dẫn. — Tuy rằng bốn bề, nhưng trong một nhà.

Vua nước Sở mất cái cung. Các quan tâu xin sai người đi tìm. Vua phán rằng: « Vua nước Sở mất cung, người nước Sở lại bắt được, chớ mất đi đâu mà phải tìm. »

Có người đem chuyện ấy nói với đức Khổng-tử. Ngài nói rằng: « Lời nói ấy cũng đã phải, nhưng vẫn hãy còn là hẹp. Sao



Vua Sở mất cung.

không nói rằng: « Cửa người này mất đi thì người khác bắt được ». Người ta đâu cũng là anh em cả, sao lại lấy địa-giới một nước mà phân nhau ra? »

Đức Phu-tử dạy người ta cốt lấy cái lòng nhân-ái bao-quát cả thiên-hạ. Cho nên những người học đạo ngài, có nhiều người chú tâm vào việc nhân. Như ông Trọng-Yêm là một nhà nho học đời trước, chung thân chỉ làm việc thiện. Một hôm (1), ông đi, gặp một đứa trẻ mồ-côi, ông đem về nuôi cho ăn học. Có người hỏi ông rằng: « Ông có biết cha mẹ đứa trẻ này không, mà ông lại nuôi nó như thế? — Ông đáp lại rằng: Không, tôi không biết nó là con nhà ai cả. Nhưng tôi thấy nó mồ-côi, thì tôi nuôi nó. »

Giải nghĩa. — Oan-ức = không làm điều đáng tội mà phải tội. — Ân-nhân = người làm ơn cho mình. — Địa-giới = chỗ nước nọ giáp nước kia.

(1) bữa kia.

Câu hỏi. — Nghĩa đồng-bào khiến ta phải làm thế nào? — Vua nước Sở đánh mất cái gì? — Các quan tâu làm sao? — Vua nói thế nào? — Đức Khổng-tử nói thế nào? — Ông Trọng-Yêm là người thế nào? — Ông gặp đứa trẻ mồ-côi ông làm gì? — Có người hỏi gì ông? — Ông đáp lại làm sao?

CÁCH-NGÔN. — Tứ hải giai huynh đệ.

51. — Nghĩa hữu-ái.

Ta đem cái lòng nhân-ái mà đối với cả nhân-loại thì là tình đồng-bào, mà đối với một vài người riêng của mình chọn lấy, là nghĩa hữu-ái. Khi hai người đã thân yêu nhau và quyến-luyến nhau, thì gọi là bằng-hữu. Đã là bằng-hữu thì phải tin cậy nhau, yêu mến nhau, lúc vinh-hiễn cũng như lúc nghèo khổ, không bao giờ bỏ nhau, bao giờ cũng phải lấy sự tin mà ở với nhau.

Tiểu dẫn. — Đào-viên kết nghĩa.

Đời Tam-quốc có ba người, là Lưu-Bị, Quan-Vũ và Trương-Phi, kết nghĩa anh em tại Đào-viên, làm lễ tế trời đất, thề với nhau rằng: « Sống chết bao giờ cũng phải có nhau. » Sau Lưu-Bị làm vua, Quan-Vũ và Trương-Phi làm tướng. Tuy vậy, ba người vẫn đối đãi với nhau thân-thiết như lúc hàn-vi vậy.

Về sau, Quan-Vũ bị nước Ngô giết, Lưu-Bị và Trương-Phi cố sức lo nghĩ sự báo thù, lúc nào cũng thương nhớ, khóc-lóc, đến chết cũng không quên.

Chuyện Đào-viên kết nghĩa, ngày nay ai chẳng biết. Anh em kết nghĩa mà được thủy chung như thế, thật đáng làm gương cho người đời sau vậy.



Đào-viên kết nghĩa.

Giải nghĩa. — *Hữu-ái* = tình anh em bạn thương yêu nhau. — *Đào-viên kết nghĩa* = kết nghĩa làm anh em ở chỗ vườn đào. — *Thủy chung* = trước sau như một.

Câu hỏi. — Nghĩa hữu-ái, tình đồng-bào khác nhau thế nào? — Tình bằng-hữu ăn-ở với nhau phải thế nào? — Lưu, Quan, Trương ngày xưa kết nghĩa với nhau thế nào? — Về sau ăn-ở với nhau làm sao?

CÁCH-NGÔN. — Bằng-hữu chỉ ư tín.

52. — Lòng thí-xả.

Lẽ công-bằng chỉ bắt mình không được phạm đến tính-mệnh⁽¹⁾ người ta, chớ lòng nhân-ái thì có thể khiến mình phải bỏ thân mà cứu người. Không nói gì những người vì tình thân-ái, hoặc vì tình cốt-nhục, như cha mẹ nuôi con, hay là anh em, chị em nuôi nhau, ta thường trông thấy nhiều kẻ chỉ vì chút lòng nhân-ái mà chịu xả-thân để cứu người: nào những kẻ đầy-tớ chịu cực chịu khổ mà theo thầy trong lúc gian-nan, những bậc trung-thần nghĩa-sĩ chịu bỏ mình mà cứu chúa; nào những kẻ nhảy liều xuống nước mà vớt người chết đuối, hoặc xông vào đám lửa mà cứu người bị cháy. Xem như thế thì lòng nhân-ái đáng quý biết là bao nhiêu!

Đến những việc hằng ngày ta vẫn làm, nếu không có chút lòng thí-xả, thì sao cho xứng đáng với nghĩa-vụ của mình, như ông thầy đi dạy học, không quản công lao khó nhọc; người làm thầy thuốc đi chữa những bệnh truyền-nhiễm, không sợ lây; người làm lính đi đánh giặc, liều sống chết ở chỗ chiến-trường để giữ lấy nước nhà, những người ấy đều vì lòng nhân-ái mà ra sức làm việc nghĩa-vụ.

Tiểu dẫn. — **Liều mình cứu chúa.**

Khi vua Lê Thái-Tổ khởi nghĩa đánh giặc Minh, phải một lần quân giặc vây đánh ngặt quá, ai nấy đều lo sợ, không biết tìm kế gì mà giải thoát được. Bấy giờ có ông Lê-Lai tâu với ngài xin cho đổi mũ áo để thay ngài xông ra chỗ trận-tiền. Quân Tàu

(1) tánh-mạng.

trông thấy, tưởng là vua Thái-Tổ thật, xô nhau lại đuổi bắt. Ông



Lê-Lai cứu chúa.

bị quân giặc giết chết. May nhờ có ông chịu bỏ mình như thế cho nên vua Thái-Tổ mới chạy thoát được.

Giải nghĩa. — *Xả-thân* = bỏ mình. — *Chiến-trường* = chỗ đánh nhau. — *Khởi nghĩa* = vì việc nghĩa mà dấy binh đánh giặc.

Câu hỏi. — Lòng nhân-ái có thể khiến ta được thế nào? — Những lúc nào là lúc người ta cần phải có lòng thí-xả? — Vua Lê Thái-Tổ bị vây như thế nào? — Ông Lê-Lai làm gì để cứu chúa?

CÁCH-NGÔN. — Cúc cung tận tụy, tử nhi hậu dĩ.

53. — Đối với các loài cầm-thú.

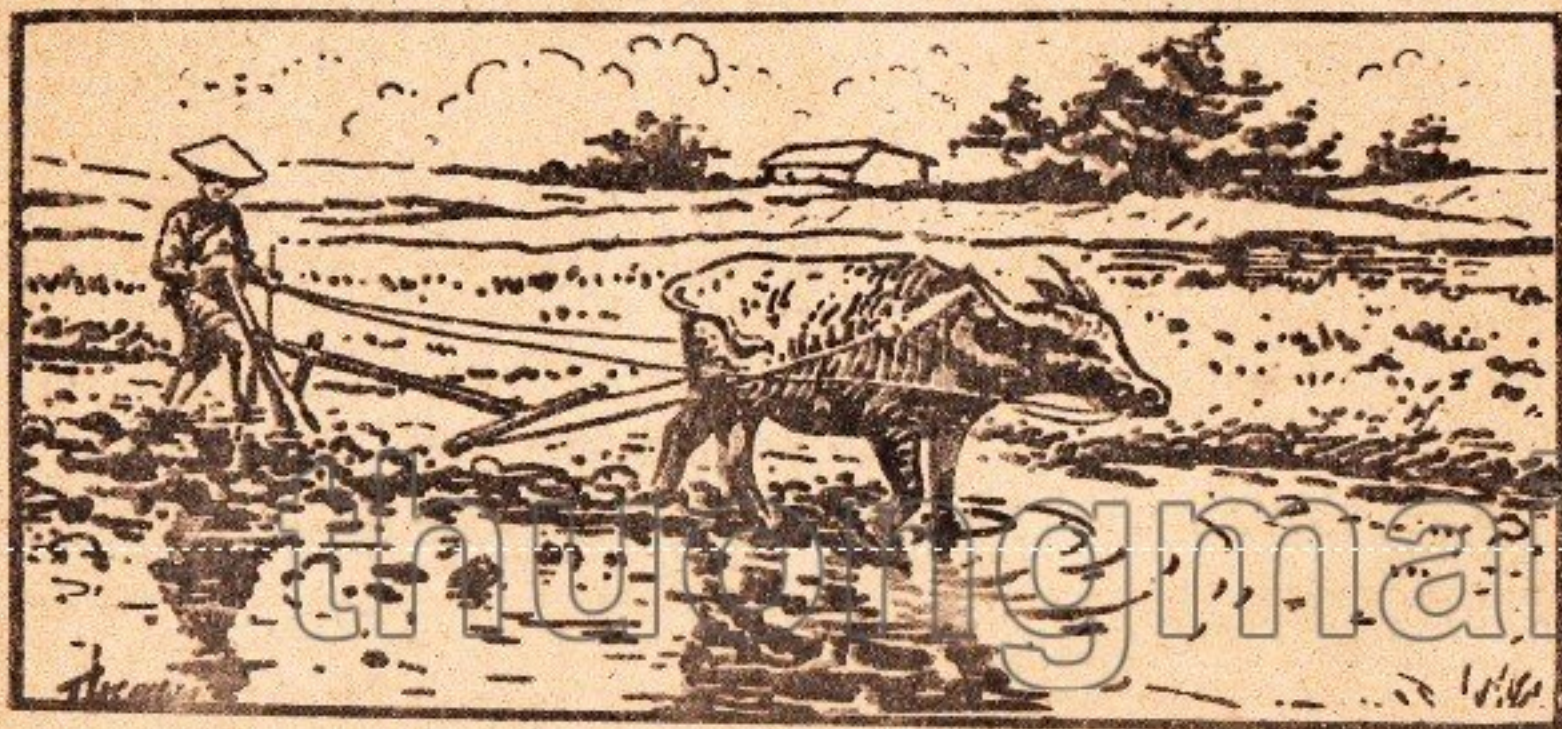
Chúng ta ở trong xã-hội, không những là người nọ nhờ người kia mà thôi, ta còn phải nhờ cả những giống súc-vật, như con trâu, con bò, con chó, con ngựa để giúp đỡ ta làm những việc nặng-nhọc. Con trâu, con bò giúp ta cày bừa ruộng đất, làm cho ta có thóc gạo mà ăn; con chó thì đêm hôm giữ nhà để cho ta được ăn ngon, ngủ yên; con ngựa thì để ta cưỡi đi đường xa cho khỏi mệt. Ấy là nói những giống rất cần cho việc làm ăn của ta. Còn như con lợn⁽¹⁾, con dê, con mèo, con gà, mỗi một con là lợi cho ta được một việc, con thì để ăn thịt, con thì trừ những giống làm thiệt hại

(1) heo.

cho ta. Như vậy thì con vật nào mà ta đã nuôi trong nhà là cũng có công với ta cả. Ta nên gìn-giữ, cho ăn, cho uống tử-tế, bắt làm-lụng cho có chừng mực, đừng đánh đập khờ-sở mà tội nghiệp.

Tiểu dẫn. — **Trâu cày ruộng.**

Vát! vát! brr!... kéo đi! Con trâu đầu cúi xuống, cõ giang ra, kéo cho lưỡi cày bầy đất lên.



Con trâu cày ruộng.

Bác Nguyễn đang đánh trâu cày, mình phơi nắng cháy đen, chân lội bùn quá đầu gối, mắt thì nắng chiếu vào nhấp-nháy luôn.

Vát! vát! đi! con trâu này!... Con trâu gắng sức cố giúp người cày đất lên, thì cày mạ cắm xuống, đến mùa sau người mới có thóc gạo mà ăn.

Con trâu cả ngày cứ phải cày như thế, không quản gì công-lao khó nhọc. Đến chiều tối, mỗi mệt, mũi thở phì-phì, lấy sừng đuôi lủ ruồi muỗi bám vào mình. Bấy giờ công việc xong, mới được về chuồng nghỉ.

Dịch theo sách của ông JEAN MARQUET

Câu hỏi. — Trâu bò giúp ta được việc gì? — Ngựa giúp ta được việc gì? — Đối với loài vật, ta phải thế nào?

CÁCH-NGÓN. — Chó giữ nhà, gà gáy sáng.

54. — Ta nên thương loài vật.

Những loài vật đã giúp việc cho ta mà ta phải thương-xót, cái nghĩa-vụ của ta. Nhưng đối với các loài cầm thú khác, ta cũng nên có lòng nhân-ái mới phải là đạo làm người. Cầm thú tuy giống không biết thiện ác và phải trái như người, nhưng nó cũng biết đau, biết khổ như mình. Vì ta cần dùng làm đồ ăn, cho nên mới phải làm thịt con gà, con chim, hoặc con dê, con lợn (1). Nhưng khi làm thịt, phải giết cho nó chết ngay, đừng làm nó đau-đớn khờ-sở. Ta thấy có người làm thịt con chim, để sống mà vật lông hay làm thịt lợn, thì trói buộc cả ngày, thật là dã-man lắm.

Vậy người có lòng nhân-ái thì không những là chỉ thương-xót đồng-loại mà thôi, lại còn thương-xót đến cả loài vật nữa.

Tiểu dẫn. — **Không nên bạc đãi loài vật.**

Một hôm (2), ông Điện-Từ-Phương đi chơi, trông thấy một



Điện-Từ-Phương hỏi mua ngựa.

con ngựa gầy-gò ốm-yếu thả rong ngoài đồng. Ông đứng lại, hỏi con ngựa ấy của ai. Có một người nói rằng: «Ngựa của ông Chánh không nuôi nữa vì nó già yếu, không làm được việc gì.»

(1) heo — (2) bữa kia.

Ông Điền-Tử-Phương nói rằng: « Sao lại bắt nạt thế! Lúc nó mạnh khỏe, thì bắt làm-lụng khó nhọc, đến lúc nó già yếu, thì lại bỏ, không nuôi. Loài vật cũng biết đau, biết khổ như ta, người có lương-tâm không nỡ làm như vậy. »

Nói đoạn, ông tìm đến nhà ông Chánh, hỏi mua con ngựa, đem về nuôi cho đến lúc nó chết.

Ông Điền-Tử-Phương hiểu rõ cái nghĩa người ta đối với loài vật, thật là một người có lòng nhân.

Giải nghĩa. — *Dã-man* = hung ác, bắt nạt như mọi rợ. — *Đồng-loại* = cùng một loài với mình.

Câu hỏi. — Đạo người ta đối với cầm thú phải thế nào? — Khi ta làm thịt con vật, có nên để cho nó đau-đớn không? — Tại làm sao? — Ông Điền-Tử-Phương thấy gì? — Ông hỏi một người trả lời làm sao? — Ông nói gì và làm gì?

CÁCH-NGÔN. — Nhân cấp cầm thú.

55. — Kính mến và biết ơn Nhà-nước.

Nhà-nước không những giữ cho dân được yên-cư lạc-nghiep, lại còn lo mở-mang cho dân được tiến hóa mọi đường. Ta nên biết ơn Nhà-nước.

Tiểu dẫn. — Nhà-nước làm lợi cho dân những gì?

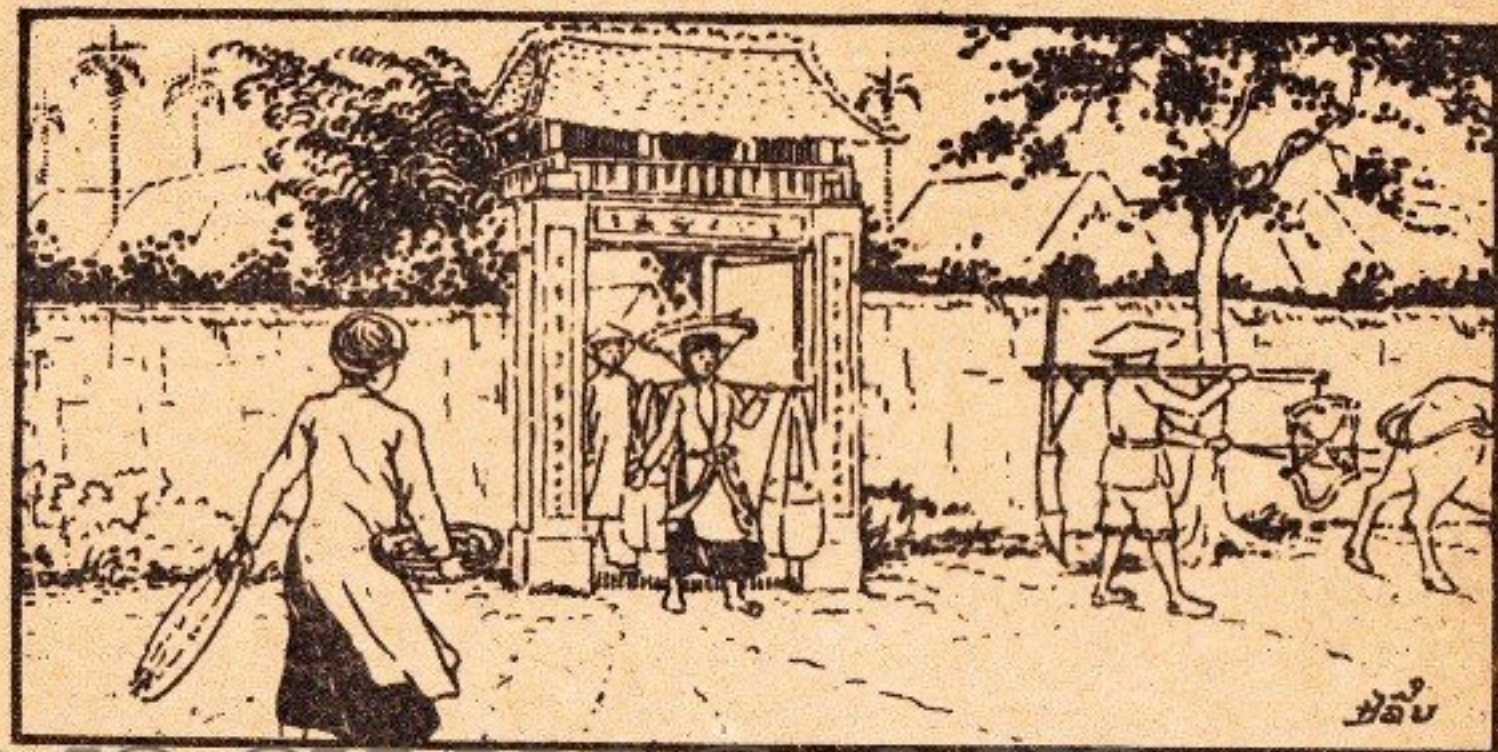
Sáng hôm nay ở huyện-ly có quan thầy-thuốc về trồng đậu. Đã có giấy sức trước cho các dân làng, nên các nhà đem con cháu đến đông lắm.

Nhờ có Nhà-nước Pháp đặt ra cuộc vệ-sinh, sai thầy-thuốc đi các nơi chữa cho kẻ ốm đau, cho nên bây giờ số người chết cũng giảm đi được nhiều.

Nhà-nước không những cử người đi trồng đậu các nơi, lại còn mở ra nhà để, nhà thương làm phúc, nhà nuôi người bệnh phong (phung), nhà chữa người bệnh thời-khí, nhà chữa bệnh chó dại. Lắm nơi lại còn phát thuốc *ki-ninh* để trừ bệnh sốt-rét⁽¹⁾, phái người đi chữa mắt, làm cho nhiều người khỏi mù lòa.

(1) nóng-lạnh.

Thật là đỡ được bao nhiêu sự đau-đớn khổ-sở cho người ta. Nhà-nước lại còn làm đường-sá, cầu cống, đặt đường xe hỏa để đi lại buôn bán cho được tiện lợi, sửa-sang pháp-luật, định cách thuế



Cổng làng.

thuế để cho khỏi sự nhùng-nhieu hà-lạm, cải-lương hương-chính để chỉnh-đốn lại các thôn xã. Nhà-nước lại lập ra các trường học, khiến cho đầu óc con trẻ được học tập để mở-mang trí-tuệ. Rồi lại làm sách vừa có ích vừa rẻ tiền, để cho ai cũng có thể mua được mà học.

Như các con ngày nay, chẳng mất mấy đồng tiền mà đưa nào cũng có sách học, thật là nên biết ơn Nhà-nước vậy.

Giải nghĩa. — *Huyện-ly* = chỗ huyện đóng. — *Ki-ninh* = do tiếng pháp quinine ra, là thứ thuốc chữa bệnh sốt-rét. — *Nhùng-nhieu hà-lạm* = làm những việc trái phép mà ăn-hiếp người ta.

Câu hỏi. — Về mặt bệnh tật, Nhà-nước làm những gì? — Về cách giao thông, Nhà-nước làm gì? — Về việc tài-chính và việc hình-pháp, về việc cải-lương hương-chính, Nhà-nước làm những gì? — Về việc học, Nhà-nước làm những gì?

CÁCH-NGÔN. — Nhờ có Nhà-nước ta mới được an-cư lạc-nghiep, vậy ta phải nhớ ơn Nhà-nước.

PHẦN THỨ HAI

Chính-trị ⁽¹⁾ — **Phong-tục** — **Đon-từ, thư-khế.**

CHÍNH-TRỊ ⁽¹⁾

CHƯƠNG THỨ NHẤT

BẮC-KỲ

1. — **Xã.** — **Công-diễn, công-thổ.**

Một xã là mấy họ tụ lại với nhau. Trong một xã thì có hương-hội và lý-trưởng chủ-trương mọi việc.

Mỗi xã tùy theo địa-phận lớn nhỏ, chia ra từng thôn, từng giáp: hoặc đặt tên riêng, hoặc tùy phương hướng mà gọi là thôn Bắc, thôn Nam, giáp Đông, giáp Tây, hoặc lấy số mà gọi như giáp Nhất, giáp Nhì, hoặc theo hướng trên, hướng dưới mà gọi, như giáp Thượng, giáp Trung, giáp Hạ.

Một xã cũng như một người, nghĩa là có của riêng, được phép mua bán và chi thu tiền bạc.

Của công của hàng xã thì có ba hạng là công-diễn, công-thổ; bồn-thôn-diễn; tự-diễn và hậu-diễn. Công-diễn công-thổ thì cứ ba năm một kỳ quân-phân cho các dân đình, chứ không bao giờ được phép bán. Chỉ có khi nào túng việc tiêu chung và có quan trên đã cho phép, thì mới được cầm trong một hạn ba năm là cùng.

Bồn-thôn-diễn là ruộng của làng xuất tiền ra tậu, thì làng có thẻ cho thuê để lấy tiền chi dụng, và khi nào có việc gì khẩn-cấp phải xin phép quan trên có cho, thì mới được bán.

Còn ruộng tự-diễn là ruộng để lấy hoa lợi mà tu bổ và đèn hương ở các đình chùa. Cũng có làng có hậu-diễn là ruộng của người ta cúng vào làng để làng làm giỗ cho người ta.

(1) chánh-trị.

Toát yếu. — Mấy họ tụ lại với nhau thành một xã, có hương-hội và lý-trưởng chủ-trương mọi việc. Mỗi xã chia ra từng thôn, từng giáp.



Lý-trưởng áp triện.

Xã có của chung, gọi là công-diễn, công-thổ, không được phép bán, phải quân-phân cho dân; có của riêng gọi là bồn-thôn-diễn để chi dụng việc làng, tự-diễn để tu bổ và đèn hương ở đình chùa, và hậu-diễn để làm giỗ tết cho người có ruộng cúng vào làng.

Giải nghĩa. — Công-diễn, công-thổ = ruộng hay đất chung của cả làng. — Quân-phân = chia cho đều.

Câu hỏi. — Xã là thế nào? — Một xã chia ra làm sao? — Của chung cả xã gọi là gì? — Của ấy phải dùng thế nào? — Bồn-thôn-diễn là gì? — Tự-diễn và hậu-diễn là gì?

2. — **Lý-dịch.** — **Chức-vụ của lý-dịch.**

Ở Bắc-kỳ thì các xã phân ra làm hai hạng: một hạng thì cách tổ-chức vẫn theo như cũ, một hạng thì đã theo cách cải-lương hương-chính ⁽¹⁾. Người đứng đầu cả làng gọi ⁽²⁾ là tiên-chỉ hay là thủ-chỉ, người thứ nhì là thứ-chỉ. Làm việc quan thì có lý-trưởng và một hay hai người phó-lý. Còn những xã cải-lương thì tổ-chức ra một cách riêng.

(1) chánh — (2) kêu.

Lý-trưởng là người làng cử ra để làm môi-giới cho chính⁽¹⁾ phủ với dân làng.

Lý-trưởng phải giữ triện⁽²⁾, giữ các công-văn, địa-bộ, các sổ thuế của làng. Tất cả các giấy-má sổ sách ấy phải ghi vào trong một quyển sổ. Sổ ấy, khi lý-trưởng cũ cùng lý-trưởng mới bàn-giao, thì hai bên phải ký tên vào. Nếu người lý-trưởng cũ mệnh-một, thì người lý-trưởng mới phải ký nhận cùng hai người làm chứng là người trong họ người lý-trưởng cũ, và hai người làm chứng lấy trong các viên hương-hội. Lý-trưởng phải coi riêng về việc thu thuế của Nhà-nước cùng việc nộp thuế ấy lên kho bạc. Lý-trưởng phải coi việc thi-hành các luật-lệ, các nghị-định của Nhà-nước, cùng việc làm các giấy-má của các quan trên sức làm và chứng-nhận các đơn-từ.

Lý-trưởng phải truy tầm các trọng tội và khinh tội. Lý-trưởng phải coi việc tuần-phòng trong xã, việc vệ-sinh và coi phó-lý làm việc. Lý-trưởng phải trông nom⁽³⁾ các đường bộ, đường thủy, phải coi các đường sắt, cầu cống, đường dây thép, dây nói; trừ ra khi làng cử một người coi riêng về việc ấy, thì lý-trưởng mới không phải làm. Lý-trưởng được lĩnh một số tiền bút-chỉ của làng cấp cho. Phàm khi có giấy-má gì, thì lý-trưởng phải nhận thực, mà không được đòi tiền-nong gì sớt. Làm việc được sáu năm thì được thưởng hàm tòng-cửu-phàm văn-giai, rồi lên đến chánh-bát-phàm là chỉ-hàm.

Việc tuần-phòng trong làng thì do phó-lý, trương-tuần hay xã-đoàn, và các tuần-tráng trông nom⁽³⁾.

Toát yếu. — Chánh phó lý là người của dân cử ra làm việc làng. Lý-trưởng phải giữ các công-văn, địa-bộ, triện cùng các sổ sách. Lý-trưởng phải thu thuế, nộp thuế, coi việc thi-hành luật-lệ và nghị-định của Nhà-nước, làm các giấy của quan trên sức làm và chứng-nhận đơn-từ.

(1) chánh — (2) dấu — (3) coi-sóc.

Lý-trưởng phải truy tầm các trọng tội và khinh tội, phải coi



Tuần-tráng coi lúa.

việc tuần-phòng, vệ-sinh, các đường-sá, dây thép, dây nói. Nhận thực giấy-má, thì lý-trưởng không được lấy tiền. Làm việc đủ sáu năm thì được thưởng hàm tòng-cửu-phàm văn-giai.

Phó-lý, trương-tuần hay xã-đoàn thì coi về việc tuần-phòng.

Giải nghĩa. — *Môi giới* = người đứng giữa làm việc cho hai bên. — *Bàn-giao* = người cũ giao công việc cho người mới nhận. — *Mệnh-một* = chết. — *Thi-hành* = chiều theo mà làm. — *Chỉ-hàm* = đến hàm ấy là thôi.

Câu hỏi. — Lý-trưởng và phó-lý là gì? — Lý-trưởng phải giữ những gì? — Khi bàn-giao thì lý-trưởng phải làm những gì? — Công việc lý-trưởng còn những gì nữa? — Lý-trưởng phải coi những việc gì? — Tiền bút-chỉ là gì? — Lý-trưởng cho chữ nhận-thực có được lấy tiền không? — Phó-lý, trương-tuần hay xã-đoàn thì làm gì?

3. — Hương-hội.

Ở Bắc-kỳ, những làng nào chưa cải-lương thì cách tổ-chức hương-hội làng họ có khác làng kia đôi chút, mà đại-đề thì cũng tương-tự như các làng trong Trung-kỳ.

Còn làng nào đã cải-lương rồi, thì cách tổ-chức hương-hội giống như nhau cả.

Mỗi làng có một hương-hội, tức là những tộc-biêu các họ bầu ra để quản-trị việc công. Hương-hội lại đặt ra một viên chánh hương-hội, một viên phó hương-hội, một viên thư-ký và một viên thủ-quỹ.

Hương-hội phải quản-trị các việc trong xã, phải lo việc công dân. Hương-hội phải lập các khoán-lệ trong xã, lập sổ chi thu của hàng xã; bỏ sưu thuế cùng các thuế khác, hoặc nộp vào Nhà-nước, hoặc thu cho sổ chi thu hàng xã; và định số thuế của hàng xã, thi-hành sự chi thu hàng xã; quản-trị tài-sản công dân; và thi-hành các khoán-lệ về việc tuần-phòng, nhất là ngăn cấm việc buôn bán lậu, việc đánh bạc cùng những sự họp tập trái phép.

Các khoản thừa kiện về việc hộ hay việc thương-mại thì do hương-hội đàn-hòa. Hương-hội có thể cử một ban có hai ba viên tộc-biêu để giao cho quyền bắt phạt các điều dân phạm vào khoán-lệ tuần-phòng của trong xã, mà phạt từ một hào (giác) ⁽¹⁾ trở lên cho đến một đồng là cùng. Số tiền phạt phải nộp vào công quỹ hàng xã.

Toát yếu. — Ở Bắc-kỳ, những làng đã cải-lương rồi, thì có



Hương-hội họp tại công-quán.

hương-hội là các tộc-biêu các họ bầu ra để làm việc cho hàng xã. Mỗi hương-hội thì có chánh, phó hương-hội, thư-ký và thủ-quỹ.

(1) các.

Hương-hội phải coi các việc cai-trị trong xã, định các khoán-lệ, định sổ chi thu hàng xã và đàn-hòa các khoản thừa kiện về việc hộ hay việc thương-mại.

Giải nghĩa. — Tộc-biêu = người đứng thay mặt cho một họ hay nhiều họ.

— Việc hộ = việc điền-sản và dân đinh. — Việc thương-mại = việc buôn bán.

Câu hỏi. — Hương-hội là gì? — Hương-hội có những chức-dịch nào?

— Hương-hội làm những công việc gì?

4. — Sổ chi thu.

Ở Bắc-kỳ, các xã cải-lương thì mỗi xã có một sổ chi thu, nghĩa là sổ dự-định những khoản chi tiêu, thu nạp, đồng niên từ mồng một tháng giêng đến ba-mươi-mốt tháng chạp tây. Sổ chi thu ấy do chánh hương-hội, thư-ký và lý-trưởng dự-định, rồi đem trình hương-hội xét định. Đoạn, lý-trưởng đem sổ lên trình quan phủ hay quan huyện để đề bẩm lên quan tỉnh. Quan tỉnh tư sang quan Công-sứ để duyệt-y. Khi quan Công-sứ duyệt-y rồi, thì sổ ấy mới thi-hành được. Sổ ấy phải làm hai bản ⁽¹⁾, một bản hương-hội giữ, một bản lưu tại tòa Sứ. Khi chưa hết năm mà muốn thay đổi gì trong sổ ấy, thì phải có quan Công-sứ chuẩn-y cho mới được.

Những khoản thu vào chia làm hai thứ: một thứ gọi là thường-thu như tiền hương-lệ, tiền cheo, tiền khao, tiền vọng, tiền bán ngôi-thứ, tiền lợi-tức, thuế trâu bò, thuế thổ-trạch, tiền phạt, tiền ngoại-phụ, v.v...; một thứ gọi là bất-thường-thu như tiền Nhà-nước trợ cấp cho.

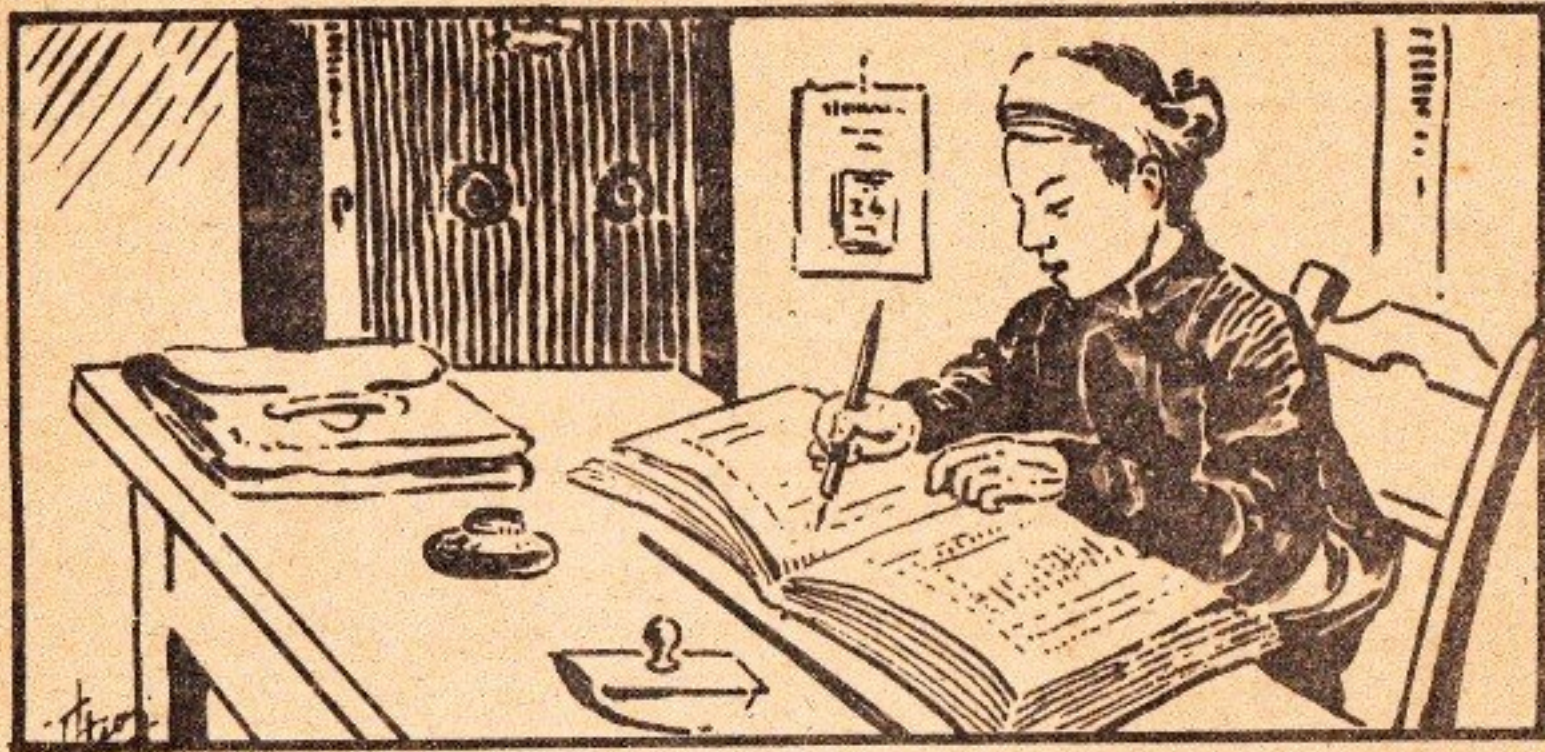
Những khoản chi ra cũng phân ra sổ thường-chi như tiền chi vào những khoản công ích, tiền làm và tu-bồ công quán, tiền chi về khoản tế-tự, v. v... và sổ bất-thường-chi là khi tiền thường-thu hàng xã không đủ hay khi gặp đói kém phải phát chẩn hoặc làm nhà cửa về việc công ích.

Quyền chủ-trương việc chi thu do ở chánh hương-hội. Tiền thu vào, chi ra, do người thủ-quỹ.

Hết năm cộng sổ mà còn dư tiền ra, thì đem vào sổ chi thu năm sau.

(1) bản.

Toát yếu. — Ở Bắc-kỳ, các xã cải-lương thì mỗi xã có một sổ chi thu hương-hội làm, do quan Công-sứ duyệt-y. Sổ chi thu



Thư-ký hương-hội.

ấy dự-định các khoản chi ra thu vào trong một năm. Chánh hương-hội chủ-trương việc chi thu, còn tiền thu vào chi ra thì do người thủ-quỹ.

Câu hỏi. — Sổ chi thu là gì ? — Ai làm sổ chi thu ? — Ai duyệt-y sổ ấy ? — Tiền thu vào thì có những khoản nào ? — Ai chủ-trương việc chi thu ? — Ai giữ tiền ? — Cuối năm cộng sổ còn thừa tiền thì làm gì ?

5. — Chánh phó tổng — Chức-vụ chánh phó tổng.

Mấy xã hợp lại là một tổng. Ở Bắc-kỳ, mỗi tổng có một người đứng đầu coi việc hàng tổng, gọi là chánh-tổng hoặc là cai-tổng. Chánh-tổng có một hay hai người phó-tổng giúp việc.

Chánh phó tổng thường là những người hào-phú đã từng làm lý-dịch mà hàng tổng cử ra. Ai được bầu làm chánh phó tổng thì quan Công-sứ bản ⁽¹⁾ tỉnh theo ý-kiến quan Tổng-đốc hay quan Tuần-phủ mà cấp bằng cho. Những người làm chánh-tổng được ba năm thì được thưởng hàm tòng-cửu-phẩm văn-giai. Ai trước đã làm

(1) bốn.

phó-tổng được ba năm rồi, thì một năm rưỡi đã được thưởng hàm. Còn phó-tổng thì phải làm việc năm năm mới được thưởng hàm. Nhưng khi chánh phó tổng làm việc gì có công trạng, thì quan Công-sứ đồng với quan tỉnh, có thể xin đặc-cách thưởng hàm cho, không phải theo niên-hạn đã định.

Chức-vụ của chánh phó tổng là phải truyền lệnh của quan phủ hay quan huyện sức về các làng, phải coi việc đề-phòng trộm cướp trong tổng, phải đốc-sức việc đề-điều, cầu cống, phải trông nom ⁽¹⁾ việc thu thuế, và khi nào trong hàng tổng có việc tạp-tụng mà làng và họ xử không xong, thì chánh-tổng có quyền được khâu phân khâu xử.

Toát yếu. — Máy xã hợp lại làm một tổng. Mỗi tổng có một chánh-tổng và một hay hai phó-tổng. Chánh phó tổng là người



Chánh-tổng coi đê.

hào phú trong hạt, mà những chức-sắc, lý-trưởng và kỳ-mục các xã cử ra để làm việc hàng tổng.

Chức-vụ chánh phó tổng là phải truyền lệnh quan trên cho các làng, coi việc đề-phòng, việc đề-điều, việc thuế-mã, và có quyền khâu phân khâu xử các việc tạp-tụng.

Giải nghĩa. — Hào phú = hào là người có quyền-thê; phú là giàu. — Khâu phân khâu xử = giảng-giải, xử miêng chớ không có án từ gì.

Câu hỏi. — Thê nào gọi là một tổng ? — Chánh phó tổng là người thế nào ? — Ai được đi bầu chánh-tổng ? — Công việc chánh phó tổng có những gì

(1) coi-sóc.

6. — Tỉnh. — Các quan. — Chức-vụ của các quan.

Tỉnh là một hạt cai-trị, có quan Công-sứ thay mặt quan Thống-sứ đứng đầu. Còn quan ta thì có quan Tổng-đốc hay quan Tuần-phủ coi việc cai-trị dưới quyền quan Công-sứ. Hoặc khi có tỉnh nhiều việc, thì Nhà-nước lại đặt thêm quan Thương-lá để giúp việc quan Tổng-đốc hay quan Tuần-phủ. Ở tỉnh-lỵ lại có tòa án đệ-nhi-cấp xử những việc hộ việc hình, có quan An-sát giữ việc tra hỏi.

Tỉnh chia làm phủ, huyện, có Tri-phủ, Tri-huyện đứng đầu.

Ở mạn Thượng-du, thì có Quản-đạo đứng đầu tỉnh, và các Tri-châu coi các châu.

Chức-vụ các quan Tri-phủ, Tri-huyện và Tri-châu là coi những việc cai-trị trong hạt, xét việc án sơ-cấp, thi-hành những nghị-định của quan trên, đề-phòng trong hạt cho được yên ổn, giữ-gìn nề-điều và trông nom thuế-mã. Ở những hạt có nhiều việc, thì có trợ-tá hay bang-tá giúp việc.

Các Nam quan ở Bắc-kỳ thì do quan Công-sứ thay mặt quan Thống-sứ mà kiểm-soát. Các quan là người Nhà-nước đặt ra để thi-hành pháp-luật đã định, đề phòng bị sự biến-loạn, đề trừng-trị kẻ gian-phi.

Toát yếu. — Tỉnh thì có quan Công-sứ đứng đầu, và có quan



Dinh quan Tổng-đốc.

Tổng-đốc, Tuần-phủ hay Quản-đạo, hoặc khi có quan Thương-tá giúp việc. Lại có quan An-sát tra hỏi việc án-tử. Tỉnh chia làm phủ, huyện, châu, có quan Tri-phủ, Tri-huyện hay Tri-châu đứng đầu. Các Nam quan do quan Công-sứ thay mặt quan Thống-sứ kiểm-soát.

Câu hỏi. — Quan tỉnh thì có những ai? — Chức-vụ quan tỉnh có những gì? — Đứng đầu phủ, huyện hay châu thì có ai? — Các Nam quan thuộc quyền ai?

CHƯƠNG THỨ HAI

TRUNG-KỲ

1. — Xã — Hương-chức.

Ở Trung-kỳ, cách tổ-chức các xã và cách quản-trị công-điền, công-thô cũng như ở Bắc-kỳ.

Việc hương xã thì do hương-hội. Cứ mỗi tháng mấy kỳ họp tại đình để bàn-định. Đứng đầu hương-hội là tiên-chỉ hay thủ-chỉ, thường là bậc có tuổi-tác và có danh-vọng hơn cả.

Những việc hương-hội đã quyết định rồi, thì giao cho các hương-chức thi-hành. Hương-chức thì có: lý-trưởng, một hay hai phó-lý-trưởng, một hương-bộ, một hương-bản, một hay hai hương-mục, một hương-kiểm và hai hay ba hương-dịch.

Những hương-chức thì do dân chọn trong những người lương-thiện và có học-thức. Trong các hương-chức, thì lý-trưởng là hơn cả. Lý-trưởng là người làm môi-giới cho dân và quan trên. Lý-trưởng thì chọn trong những người kỳ-mục lương-thiện không can án bao giờ, có vật-lực và thông hiểu chữ nho và chữ quốc-ngữ. Lúc bầu lý-trưởng thì có quan phủ hay quan huyện về tận nơi làm chủ-tọa, họp tất cả chánh phó tổng, kỳ-mục và các viên hào dân hộ xã ở để bỏ phiếu công cử. Công cử xong thì phải làm tờ bẩm lên tỉnh và tòa duyệt-y, rồi cấp bằng cho đi phục sự. Việc xong rồi, phải tư vào Bộ để bị-chiều.

Toát yếu. — Ở Trung-kỳ thì các xã có hương-hội coi mọi việc. Đứng đầu hương-hội là tiên-chỉ hay thủ-chỉ. Những hương-chức là lý-trưởng, phó-lý-trưởng, hương-bản, hương-mục, hương-kiêm, hương-dịch. Lý-trưởng là người đứng đầu hương-chức làm mối-giới cho dân và quan trên.

Câu hỏi. — Ở Trung-kỳ, ai coi việc hàng xã? — Ai đứng đầu hương-hội? — Hương-chức có những ai? — Lý-trưởng làm gì? — Phải như thế nào mới được bầu làm lý-trưởng?

2. — Hương-chức (tiếp theo). — Sở chi thu. — Cai phó tổng.

Trách-nhiệm của lý-trưởng là đề đốc sức các người hương-chức ứng hành việc công. — Phó-lý giúp lý-trưởng và thay lý-trưởng khi vắng mặt. — Hương-bộ thì giữ sổ điền thổ, nhân đinh, hôn-thú, sinh, tử. — Hương-bản giữ công tiền, công bản và chi thu các khoản. — Hương-kiêm trông nom địa-giới, đốc bắt phu tráng, phòng giữ kẻ gian-phi. — Hương-mục đốc xuất dân phu, sửa-sang đường-sá, cầu cống. — Hương-dịch thì mỗi khi trong làng có hội họp phải đi bá cáo cho mọi người đều biết.

Ngoài các hương-chức lại có một hạng danh-dự dịch-mục, thường là những quan lại hưu-trí dự vào việc làng làm chân cố vấn mà thôi, chứ không ứng-hành việc làng.

Sổ chi thu của hàng xã thì do hương-hội quyết-định rồi phải đem trình quan trên đề duyệt-y. Khi thi-hành sổ chi thu ấy thì phải có cai-tổng và quan sở-tại kiểm-soát.

Cai phó tổng thì do công cử mà tuyển ra. Những người ra ứng-cử cai phó tổng là những người có vật-lực và thông hiểu chữ hán và chữ quốc-ngữ. Việc bầu cử xong, thì phải đem bàm quan trên đề quyết-định. Chức-vụ của cai phó tổng ở Trung-kỳ cũng như chức-vụ của cai phó tổng ở Bắc-kỳ và ở Nam-kỳ, nghĩa là phải truyền các lệnh của phủ huyện sức về các làng và phải đề phòng trong hạt cho được yên ổn.

Toát yếu. — Lý-trưởng thì có phó-lý giúp việc. Hương-bộ giữ sổ điền thổ và sinh tử giá thú. Hương-bản giữ chức thủ-quý. Hương-kiêm giữ việc tuần-phòng và hương-mục coi việc đường sá, cầu cống. Hương-dịch làm các việc vặt. — Sổ chi thu hương-hội quyết định rồi quan trên duyệt-y và kiểm-soát. — Cai phó tổng do công cử tuyển ra, phải có vật-lực và biết chữ hán với chữ quốc-ngữ. Bầu cử cai phó tổng, phải có quan trên kiểm duyệt. Chức-vụ cai phó tổng là phải truyền lệnh của phủ huyện sức về các xã và phải đề-phòng trong hạt cho được yên ổn.

Câu hỏi. — Có những ai giúp việc lý-trưởng? — Chức-vụ các viên ấy có những gì? — Sổ chi thu quyết định và thi-hành thế nào? — Những người ứng cử cai phó tổng phải có những tư-cách gì? — Chức-vụ cai phó tổng có những gì?

3. — Tỉnh. — Các quan. — Chức-vụ các quan.

Ở Trung-kỳ cũng như ở Bắc-kỳ, tỉnh nào cũng có quan ta coi việc cai-trị. Tỉnh to thì có quan Tổng-đốc đứng đầu, rồi đến quan Bố-chính coi việc hộ và việc thuế-má, quan Án-sát coi việc án tử và việc trạm dịch. Tỉnh nhỏ thì có quan Tuần-phủ (Tuần-vụ) đứng đầu, và quan Án-sát. Quan võ ở các tỉnh thì thường có quan Lãnh-binh. Ở phủ Thừa-thiên là nơi đế-đô, thì có quan Phủ-doãn và Phủ-thừa coi việc cai-trị.

Tỉnh thì chia ra làm phủ và huyện. Chức-vụ của Tri-phủ và Tri-huyện là phải cai-trị và giữ việc án tử trong hạt mình, phải thi-hành những lệnh của quan trên, đề-phòng trong hạt cho được yên ổn, giữ-gìn việc đề-điều và trông nom việc thuế-má, v. v.

Các quan lại An-nam ở Trung-kỳ thì do quan Khâm-sứ kiểm-soát. Các quan là người Nhà-nước đặt ra để thi-hành pháp luật đã định, đề phòng bị sự biến-loạn, đề trừng trị kẻ gian-phi, nói tóm lại, quan là để giúp Nhà-nước mà trị dân cho yên ổn.

Toát yếu. — Ở Trung-kỳ thì mỗi tỉnh có quan Tổng-độc hoặc quan Tuần-phủ (Tuần-vụ) coi việc cai-trị, quan An-sát coi việc án-tử, quan Bố-chính coi việc thuế-má và quan Lãnh-binh coi lính-cơ.

Tỉnh chia ra làm phủ và huyện, có Tri-phủ, Tri-huyện đứng đầu. Quan Khâm-sứ và các quí quan thì kiểm-soát các quan ta.

Câu hỏi. — Ở Trung-kỳ thì quan tỉnh có những ai ? — Chức-vụ của quan tỉnh có những gì ? — Tỉnh chia ra thế nào ? — Chức-vụ của Tri-phủ và Tri-huyện có những gì ? — Ai kiểm-soát các quan An-nam ?

4. — Triều-đình.

Ở Trung-kỳ, hiện nay hãy còn Triều-đình, trên có vua, dưới có các quan đề cùng với các quan Bảo-hộ mà lo việc cai-trị trong nước.

Vua thì ở trong hoàng-thành, có cung, có điện. Cung là chỗ vua ở, điện là chỗ vua ngự ra đề xét việc nước. Ở trong Triều có phủ, có bộ và viện, như là Tôn-nhân phủ, Lục-bộ, Cơ-mật viện và Nội-các để giúp vua coi mọi việc.

Tôn-nhân phủ thì chuyên coi việc lăng miếu và những việc quan-hệ đến những người trong họ nhà vua.

Lục-bộ thì có : bộ Lại coi việc quan lại, bộ Hộ coi việc tiền tài, bộ Binh coi việc quân lính, bộ Hình coi việc hình án, bộ Công coi việc làm cung làm điện, bộ Lễ và bộ Học coi việc tế-tự và học-hành.

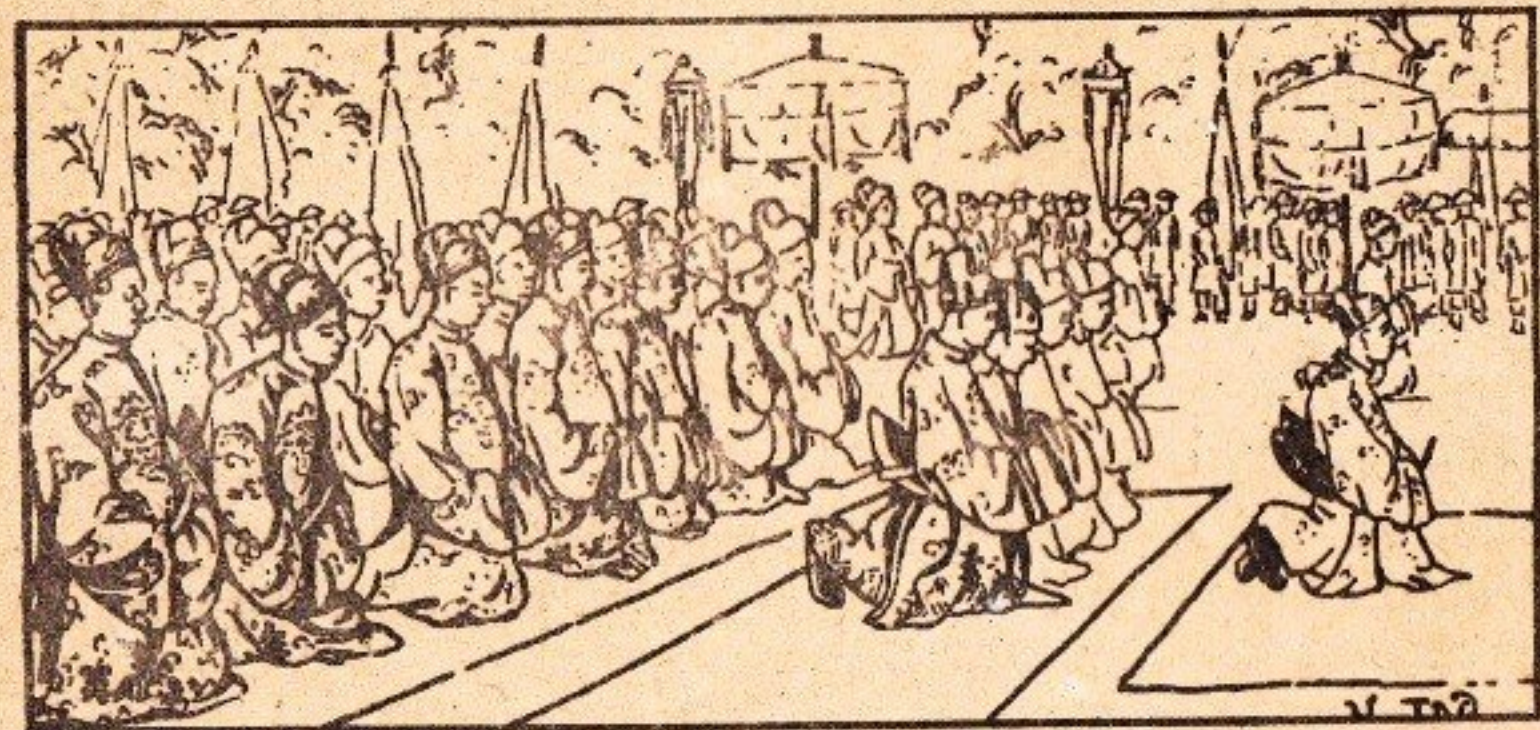
Mỗi một bộ có quan Thượng-thư đứng đầu và các quan Tham-tri, Thị-lang cùng các thuộc-viên để làm mọi việc. Trong các bộ lại có quan Hội-lý người Pháp thay mặt quan Khâm-sứ để bàn định mọi việc cùng các quan Thượng.

Cơ-mật viện thì có quan Khâm-sứ làm chủ-tọa và các quan Thượng-thư các bộ đến hội-đồng để xét việc chính-trị trong nước.

Nội-các đặt riêng ở trong điện, chọn lấy những người ở các bộ để giữ ấn tín và các việc dâng lên vua xét. Phàm khi nào vua xét việc gì đã châu-phê rồi, thì giao cho Nội-các, để sao ra đóng ấn vào và đệ ra các bộ mà thi-hành.

Đại lược ở trong Triều có những cơ-quan ấy là quan-hệ hơn cả để lo việc trị nước yên dân.

Toát yếu. — Triều-đình thì trên có vua, dưới có các quan đề cùng với các quan Bảo-hộ mà lo việc cai-trị. Vua thì ở trong hoàng-thành, có cung, có điện.



Buổi chầu.

Triều-đình thì có phủ, bộ, viện, v. v. như Tôn-nhân phủ, Lục-bộ, Cơ-mật viện và Nội-các.

Tôn-nhân phủ coi giữ các việc trong họ nhà vua.

Lục-bộ thì mỗi bộ coi riêng một việc, như bộ Lại, bộ Hộ, bộ Binh, bộ Hình, bộ Công, bộ Lễ và bộ Học.

Cơ-mật viện thì có quan Khâm-sứ cùng với các quan Thượng-thư lục-bộ hội-đồng lại để xét mọi việc

Nội-các đặt riêng trong điện nhà vua để giữ ấn tín và các việc dâng lên vua xét.

Giải nghĩa. — Châu-phê = vua phê chữ son vào.

Câu hỏi. — Triều-đình là thế nào ? — Cung để làm gì ? — Điện để làm gì ? — Lục-bộ có những bộ nào ? — Cơ-mật viện là gì ? — Công việc Nội-các có những gì ?

CHƯƠNG THỨ BA

NAM-KỶ

1. — Xã — Hương-chức — Chức-vụ của hương-chức.

Ở Nam-kỳ thì công việc hàng xã do hương-hội làm. Chánh hương-hội thì gọi ⁽¹⁾ là hương-cả, phó hương-hội gọi là hương-chủ. Còn những viên khác trong hương-hội là hương-sur, hương-trưởng, hương-chánh, hương-giáo, hương-quản, thủ-bộ, hương-thân, xã-trưởng hay thôn-trưởng và hương-hào.

Bốn người trên, thì có quyền sai bảo những người kia và coi sóc cho các người ấy làm việc. Công việc do hương-hội làm là việc quản-trị công-điền, công-thờ, việc dựng sổ chi thu, việc chi tiêu trong xã và việc giữ tiền-nong.

Hương-chánh thì có quyền sai bảo xã-trưởng, hương-thân và hương-hào. Lại có quyền xử-đoán các việc tạp-tụng về điền-thờ.

Hương-giáo thì dạy những viên hương-hội mới, chưa thuộc việc.

Hương-quản thì coi về việc tuần-phòng.

Thủ-bộ thì giữ công-văn, địa-bộ, các sổ sách và sổ chi thu cùng các đồ vật của chung trong hàng xã nữa.

(Còn nữa)

Toát-yếu. — Ở Nam-kỳ thì công việc hàng xã do hương-hội làm. Đứng đầu hương-hội là hương-cả. Dưới quyền hương-cả thì có hương-chủ, hương-sur, hương-trưởng, hương-chánh, hương-giáo, hương-quản, thủ-bộ, hương-thân, xã-trưởng và hương-hào.

Giải nghĩa. — *Tạp-tụng* = việc kiện vật.

Câu hỏi. — Ở Nam-kỳ thì công việc hàng xã do ai làm ? — Ai là người đứng đầu hương-hội ? — Hương-hội thì có những người nào ? — Những người ấy, mỗi người làm những việc gì ?

(1) kêu.

2. — Chức-vụ của hương-chức (tiếp-theo).

Ở Nam-kỳ thì hương-thân, xã-trưởng hay thôn-trưởng và hương-hào quản-trị mọi việc ở trong làng. Xã-trưởng là người làm môi-giới cho xã và quan trên. Xã-trưởng phải giữ triện, giữ các công-văn và việc thu thuế và nộp thuế. Hương-hào thì coi việc tuần-phòng, việc đường-sá và kiêm việc thi-hành các án từ của tòa án sức về.

Ba viên hương-hội ấy đều có trách-nhiệm chung về việc trị-an, việc canh-phòng và việc vệ-sinh trong xã. Các viên ấy giúp hương-quản đề coi việc tuần-phòng và khi nào tòa án có lệnh phát mại các điền sản đã tịch-ký, thì các viên ấy phải tuân-theo mà thi-hành. Các viên ấy lại nhận-thực các giấy-má và sai bảo những viên phó-xã, phó-lý, biện-lại, cai-thôn, trùm và trưởng.

Nhận-thực giấy-má thì có ba người hương-hội. Trong ba người ấy thì trừ người xã-trưởng là người giữ triện, còn hai người thì có thể nhờ người hương-hội khác thay mặt cũng được.

Sổ sinh-tử-gia-thú thì do chánh lục-bộ giữ và có phó lục-bộ giúp việc.

Toát yếu. — Ở Nam-kỳ thì người làm môi-giới cho xã và quan trên là xã-trưởng. Hương-hào thì coi việc tuần-phòng.

Ba người hương-hội là hương-thân, xã-trưởng và hương-hào có trách-nhiệm chung về việc trị an, việc tuần-phòng và việc vệ-sinh trong xã và có quyền sai bảo phó-xã, phó-lý, v.v...

Câu hỏi. — Ở các xã Nam-kỳ thì những người nào có quyền thi-hành mọi việc ? — Xã-trưởng và hương-hào làm những công việc gì ? — Nhận-thực các giấy-má phải thế nào ?

3 — Sổ chi thu.

Ở Nam-kỳ, cứ mỗi năm, trước ngày mồng một tháng hai tây, thì hương-hội họp để bàn định sổ chi thu, rồi đem trình quan cai-trị đầu tỉnh để duyệt-y. Những dịch-mục trong làng thì được quyền chi thu mọi khoản tiền, mà cai phó tổng, huyện, phủ và đốc-phủ thì có quyền kiểm-soát.

Tiền thu vào ⁽¹⁾ thì chia ra làm sáu khoản: tiền sưu-thuế, tiền hoa-lợi, tiền mua tuần, tiền linh-tinh, tiền dự-bị và tiền còn thừa lại. Các món tiền ấy là do xã-trưởng, hương-thân và hương-hào thu nhận.

Tiền chi tiêu thì chia làm năm khoản: tiền tiêu về việc cai-trị, tiền tiêu về việc công-ích, tiền tiêu về việc lý-tài, tiền tiêu về việc công-dân, tiền tiêu về việc linh-tinh và bất-thường. Các món tiền chi tiêu của làng là do hương-cả, hương-chủ và hương-sur chủ-trương. Những giấy-má về việc chi tiêu, thì trong ba người ấy, ít là phải hai người ký vào ⁽²⁾ thì mới được.

Việc tính-toán thì do xã-trưởng, hương-thân và hương-hào giữ.

Quan cai-trị đầu tỉnh, cứ mấy tháng một kỳ kiểm-soát các việc chi thu ấy, rồi cứ sáu tháng một lần làm tờ trình quan Thống-đốc kể rõ tình trạng việc tài-chính của các xã.

Toát yếu. — Ở Nam-kỳ, sổ chi thu do hương-hội quản-trị và do cai phó tổng, huyện, phủ và đốc-phủ kiểm-soát.

Các món tiền thu vào ⁽¹⁾ thì có sáu khoản, do xã-trưởng, hương-thân và hương-hào thu nhận. Các món chi tiêu thì có năm khoản, do hương-cả, hương-chủ và hương-sur chủ-trương. Việc tính-toán thì do xã-trưởng, hương-thân và hương-hào giữ.

Quan cai-trị đầu tỉnh thường phải kiểm-soát các việc chi thu và cứ sáu tháng một lần làm tờ trình quan Thống-đốc, kể rõ việc tài-chính của các xã.

Câu hỏi. — Ở Nam-kỳ, ai quản-trị sổ chi thu của các xã? — Ai kiểm-soát? — Tiền thu vào có mấy khoản? — Tiền chi ra có mấy khoản? — Ai chủ-trương việc thu vào và việc chi ra? — Ai giữ việc tính-toán? — Ai kiểm-soát?

(1) thôn vó — (2) vó.

4. — Cai phó tổng.

Mấy xã họp lại làm một tổng. Mỗi tổng có một người đứng đầu coi việc hàng tổng gọi ⁽¹⁾ là cai-tổng hay chánh-tổng. Cai-tổng có một hay hai phó-tổng giúp việc.

Những phó-tổng là do hương-chức các xã trong tổng cử ra một số ba người đệ lên quan đầu tỉnh xét, ai thích đáng thì bầm lên để quan Thống-đốc cấp bằng cho.

Khi nào có khuyết cai-tổng thì cứ theo lệ thường là lấy phó-tổng lên thay. Nhưng phải khi phó-tổng cũng khuyết, hoặc quan trên xét không xứng đáng, thì phải sức về các xã bầu cử người thay cũng như bầu cử phó-tổng.

Ở về những xứ Mọi trong Nam-kỳ, thì cai phó tổng do quan cai-trị hỏi ý-kiến hương-chức các làng, rồi làm tờ trình quan Thống-đốc để phát bằng cho.

Chức-vụ của cai phó tổng là phải truyền lệnh của quan đốc-phủ-sứ, phủ hay huyện sức về các làng, phải coi việc đề-phòng trộm cướp trong tổng, phải đốc sức việc đường-sá, cầu cống, v. v. .

Toát yếu. — Cai phó tổng là do dịch-mục các xã trong tổng cử ra một số ba người đệ lên quan đầu tỉnh chọn, rồi tư lên quan Thống-đốc cấp bằng. Ở những xứ Mọi, thì không có công cử, chỉ hỏi ý-kiến hương-chức các làng rồi trình lên quan Thống-đốc cấp bằng. Chức-vụ cai phó tổng là phải truyền lệnh quan trên cho các làng và đề-phòng trong hạt cho yên ổn.

Câu hỏi. — Tổng là gì? — Ai đứng đầu một tổng? — Cách tuyển cử cai phó tổng thế nào? — Ở xứ Mọi thì cách tuyển cử ấy thế nào? — Chức-vụ cai phó tổng có những gì?

(1) kều.

5. — Tỉnh. — Các quan. — Chức-vụ của các quan.

Tỉnh là một hạt cai-trị có nhiều tổng. Tỉnh chia ra từng quận, mỗi quận có hai hay nhiều tổng, có quan đốc-phủ-sứ, phủ hay huyện đứng đầu, và các viên thư-ký giúp việc. Những quan chức ấy cũng có khi làm việc ở các tòa tham-biện. Như vậy thì các quan đốc-phủ-sứ, phủ, huyện và các viên thư-ký cũng như các quan đại-lý Pháp và các quý quan khác trong ngạch cai-trị, làm môi-giới cho quan đầu tỉnh và cai phó tổng cùng hương-chức, lại có quyền kiểm-soát cai phó tổng và hương-chức và trực-tiếp luôn với dân-gian.

Các quan chức ấy cùng với cai phó tổng và hương-chức phải đề-phòng trong quận cho được yên ổn, kiểm-soát những công việc của các hương-hội, việc chi thu của các xã, việc thu thuế và việc phu-phen tạp-dịch. Cứ mỗi năm mấy kỳ lại khám các sổ đinh, sổ điền và sổ địa-bộ, và kiểm-soát sổ sinh-tử-giá-thủ, lại trông nom⁽¹⁾ việc phạt ở các làng cho khỏi nhùng-lạm, khám xét các trường học hàng tổng, hàng xã, đi tra xét về những việc chính-trị hay việc tư-pháp. Về việc tư-pháp thì các quan chức ấy thuộc quyền và tuân lệnh các quan tòa án. Khi có xảy ra việc án-mạng hay các việc gian-phi đạo-tặc, thì phải cùng với hương-chức mà tróc-nã kẻ có tội, rồi phải báo cho quan đầu tỉnh và quan tòa án biết.

Khi sở thương-chính có phái người đi khám xét việc gì ở trong hạt, thì phải giúp đỡ người ta làm cho được việc.

Toát yếu. — Các tỉnh ở trong Nam-kỳ, thì chia ra từng quận, mỗi quận có mấy tổng và có quan đốc-phủ-sứ hoặc phủ hay huyện đứng đầu. Những quan chức ấy cũng có quyền cai-trị như các quan đại-lý Pháp và các quý quan trong ngạch cai-trị. Những quan chức ấy làm môi-giới cho các quan đầu tỉnh và cai phó tổng cùng hương-chức, đề-phòng cho trong quận được yên ổn, kiểm-soát các hương-hội cùng các sổ chi thu và làm việc tư-pháp cảnh-sát.

Câu hỏi. — Ở Nam-kỳ thì có những quan chức nào làm việc? — Chức-vụ những quan chức ấy có những gì?

(1) coi-sóc.

CHƯƠNG THỨ TƯ

CAO-MÊN

1. — Xã. — Hương-hội. — Hương-dịch.

Ở Cao-mên, làng gọi là khum có mékhum (lý-trưởng) đứng đầu. Mékhum có chumtup (phó-lý) và hương-hội giúp việc. Những viên-chức hương-hội gọi là krum-chum-num là do dân các phum (xóm) ở trong khum bỏ phiếu bầu ra. Người đi bầu ít ra là phải 21 tuổi, bất cứ là người Cao-mên hay là người xứ khác đến ngụ cư. Hương-hội ấy cứ ba tháng họp một kỳ để coi-sóc việc hàng xã, việc tuần phòng, việc giữ trộm cướp, việc cắt dân trắng đi tuần ban ngày hay ban đêm, tuyền lính khổ xanh và khổ đỏ. Hương-hội bầu một người làm mékhum. Mékhum cai quản cả các krum-chum-num và chọn bốn người trong bốn krum-chum-num ra làm chumtup để giúp việc. Những khum có hơn hai mươi phum thì phải có năm hay sáu người chumtup. Chỉ có người Cao-mên là có thể sung chức mékhum và chumtup mà thôi.

Các viên-chức ấy quản-trị và thi hành mọi việc trong khum, giữ sổ sinh-tử-giá-thủ, và chỉ làm việc trong một hạn là bốn năm. Người nào không can án bao giờ thì mới được ra ứng bầu.

Khi mékhum vắng mặt, thì chumtup thứ nhất đứng thay; nếu chumtup thứ nhất cũng vắng mặt thì một người chumtup khác đứng thay. Trong khi mékhum vắng mặt thì người đứng thay phải chịu trách-nhiệm cả mọi việc. Thường nhật thì mékhum có thể ủy một phần công việc cho một người chumtup, nhưng vẫn phải giữ trách-nhiệm. Chức vụ chumtup thứ nhất là mékhum thì không có lương bổng, nhưng đến mùa thu thuế thì được trích ra một phần cho mình và chia cho chumtup. Theo chỉ-dụ ngày 24 septembre 1919 thì mỗi khum phải có sổ chi thu hàng năm do hương-hội quyết định và giao cho mékhum quản-trị.

Toát yếu. — Ở Cao-mên thì xã hay khum có mékhum đứng đầu, có chumtup và hương-hội giúp việc. Viên-chức hương-hội thì công cử tuyền ra. Mékhum và chumtup quản-trị và thi hành mọi việc trong khum, trông nom việc tuần-phòng, thuế-má và giữ

sở sinh-tử-giá-thú, tuyền lĩnh khố xanh và lĩnh khố đỏ. Mékhum được phép trích tiền thuế ra một phần để chia cho mình và cho chumtup. Khum thì có sổ chi thu hàng năm do hội-đồng hương-hội quyết định và mékhum thi-hành.

Câu hỏi. — Ở Cao-mên xã gọi là gì ? — Ai quản-trị việc trong xã ? — Chức-vụ của mékhum và chumtup có những gì ? — Cách công cử các viên-chức hương-hội như thế nào ?

2. — Tổng. — Srok.

Nhiều xã hay khum hợp lại thành ra tổng hay khand. Tổng thì có chaufai-khand đứng đầu, mà chaufai-khand là Nhà-nước cử ra chứ không phải là dân công cử. Chức-vụ của chaufai-khand là phải tuyên-bố các chỉ-dụ, các nghị-định, các lệ-luật về các xã và thông sức lệnh quan trên đi các xã để thi-hành. Chaufai-khand lại phải đề-phòng trong hạt cho được yên-ôn, giữ việc tư-pháp-cảnh-sát, kiểm-soát sổ thuế, trông nom và kiểm-soát các khum cùng sổ chi thu các khum. Chaufai-khand thường có balat-khand giúp việc.

Mấy khand hợp lại thành một hạt cai-trị to gọi là srok, có quan cai-trị chaufai-srok đứng đầu. Chức-vụ của quan chaufai-srok trong một srok cũng như chức-vụ của chaufai-khand trong một khand. Chaufai-srok thì có một hay nhiều viên-chức giúp việc mà viên-chức đứng đầu gọi là balat-srok.

Toát yếu. — Máy khum hay xã hợp lại thành một tổng hay khand, có chaufai-khand đứng đầu. Chức-vụ của chaufai-khand là phải thi-hành các lệnh truyền của quan trên, đề-phòng trong hạt cho được yên-ôn, trông nom việc thuế-má, kiểm-soát các khum và các sổ chi thu. Chaufai-khand thì có balat-khand giúp việc. Máy khand hợp lại thành một srok, có chaufai-srok đứng đầu và balat-srok giúp việc. Chức-vụ của chaufai-srok trong một srok cũng như chức-vụ của chaufai-khand trong một khand.

Câu hỏi. — Khand là gì ? — Ai cai-trị một khand ? — Chức-vụ chaufai-khand có những gì ? — Srok là gì ? — Ai cai-trị một srok ? — Chức-vụ chaufai-srok có những gì ? — Ai giúp việc chaufai-srok ?

3. — Khet (tỉnh).

Nhiều srok hợp lại thành một khet. Kể từ năm 1921 thì địa-giới một khet tức là địa-giới một hạt có quan cai-trị pháp và một quan-chức bản xứ đứng đầu, gọi là chaufai-khet.

Về đường chính-trị bản xứ và chính-trị bảo-hộ thì xứ Cao-mên chia làm mười-bốn khet. Các quan chaufai-khet thì thuộc quyền các quan Thượng-thư Cao-mên. Dưới quyền quan chaufai-khet thì có mấy viên-chức giúp việc ; người đứng đầu các viên-chức ấy gọi là pchouchhuoy hay là balat-khet. Dưới quyền những viên-chức ấy thì có những người làm việc gọi là smiens.

Vậy mỗi khet có một quan cai-trị người Pháp đứng đầu kiểm-soát việc cai-trị bản xứ cũng như ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ.

Toát yếu. — Nhiều srok hợp lại thành ra một khet, có quan chaufai-khet cai-trị. Quan chaufai-khet thuộc quyền các quan thượng-thư và có balat-khet hay pchouchhuoy giúp việc. Đứng đầu một tỉnh, thì là một quan cai-trị người pháp kiểm-soát các quan bản xứ.

Câu hỏi. — Khet là gì ? — Ai đứng đầu một khet ? — Ai thuộc quyền quan chaufai-khet ? — Quan pháp đứng đầu tỉnh là ai và có những chức-vụ gì ?

4. — Triều-đình.

Cao-mên là một xứ trong cõi Đông-pháp và thuộc quyền nước Pháp bảo-hộ, có vua, có quan lo việc nước. Có quan Khâm-sứ và các quan cai-trị thay mặt chính-phủ Đại-pháp kiểm-soát mọi việc. Có một hội-đồng các quan thượng-thư : 1° bộ Lại kiêm bộ Lễ, 2° bộ Cung-điện, 3° bộ Hình, 4° bộ Binh kiêm bộ Học, 5° bộ Thủy-quân kiêm bộ Canh-nông, do quan Khâm-sứ chủ-tọa. Các quan thượng-thư lại có năm quan dự-khuyết và một quan giữ giấy-má.

Chức-vụ của các quan thượng-thư là để kiểm-soát việc thi-hành các luật-lệ và tru-tính việc sửa đổi luật-lệ cho hợp thời. Và khi

trong việc chính-trị có xảy ra điều gì lỗi-thời, thì hội-đồng thượng-thư có quyền xử đoán.

Một quan đại-thần thuộc bộ Cung-điện sung chức nội-phủ quản-lãnh việc tài-chính nhà vua. Lại có một quan người pháp gọi ⁽¹⁾ là tài-chính kiểm-sát giúp việc nội-phủ.

Toát yếu. — Ở Cao-mên có vua có quan trị nước và có quan Khâm-sứ với các quan cai-trị kiểm-soát. Có một hội-đồng năm quan thượng-thư, do quan Khâm-sứ chủ-tọa giúp việc trị nước. Hội-đồng này coi việc thi-hành các luật-lệ, sửa đổi luật-lệ cho hợp thời và xử đoán các điều lỗi-thời xảy ra trong việc chính-trị.

Câu hỏi. — Vua Cao-mên trị nước thế nào ? — Ai chủ-tọa hội-đồng thượng-thư Cao-mên ? — Chức-vụ của hội-đồng ấy thế nào ? — Ai trông nom việc tài-chính của nhà vua ?

CHƯƠNG THỨ NĂM

AI-LAO

1. — Xã. — Tổng. — Tỉnh.

Ở Ai-lao, xã gọi ⁽¹⁾ là ban, có Nai-ban hay Pho-ban đứng đầu và có hai người giúp việc. Những kỳ-cửu trong xã dự chân tư-vấn.

Mấy xã hợp lại thành một tổng, có Tasseng đứng đầu và có hai viên giúp việc.

Mấy tổng hợp lại thành một kong, có Nai-kong đứng đầu và có Phouxouei và hai viên thư-ký giúp việc. Về việc tư-pháp thì những hạt ấy sáp-nhập với Mường.

Mường là một hạt lớn hơn kong, có Chao-mường đứng đầu, và có một viên phó Chao-mường là Oupahat, và từ một cho đến ba viên Phouxouei, từ một cho đến năm viên Samien giúp việc. Ở những hạt lớn thì Nhà-nước đặt thêm ba viên Phouxouei và một viên Samien, coi về việc án sơ-cấp.

(1) kêu.

Chức-vụ Chao-mường là phải giữ trách-nhiệm về mọi việc cai-trị và việc tư-pháp trong hạt. Chỉ có Chao-mường là được trực-tiếp với quan cai-trị Pháp đầu tỉnh. Khi có lệnh truyền xuống, hay có điều gì bầm lên, cũng do ở Chao-mường cả.

Về việc tư-pháp trong hạt, thì Chao-mường làm chủ-tọa. Còn những viên chức làm bồi-thăm, lục-sự, thăm-phán, đều ở dưới quyền Chao-mường và do quan cai-trị Pháp tuyển cử.

Chức-vụ của Oupahat và Phouxouei là thuộc quyền Chao-mường thì phải quyết định, kiểm-soát và giữ-gìn sổ thuế, phải thu thuế. Về việc tạp-dịch thì phải theo lệnh quan trên mà thi-hành.

Những quan tỉnh, thì do quan Khâm-sứ Ai-lao tuyển cử. Các quan chức nào ở hạt Luang-Prabang thì do Quốc-vương tuyển cử và quan Khâm-sứ chuẩn-y.

Toát yếu. — Ở Ai-lao, làng gọi là Ban, có Nai-ban hay Pho-ban đứng đầu. Mấy Ban hợp lại thành một tổng, có Tasseng đứng đầu. Mấy tổng hợp lại thành một Kong, có Nai-kong đứng đầu. Những hạt cai-trị to hơn Kong, thì gọi là Mường, có Chao-mường cai-trị. Về việc tư-pháp thì Chao-mường làm chủ-tọa. Oupahat là phó Chao-mường và Phouxouei thì trông nom việc thuế-má và thi-hành các lệnh của quan trên.

Câu hỏi. — Ban là gì ? — Ai cai-trị một Ban ? — Chức-vụ Tasseng có những gì ? — Kong là gì ? — Mường là gì ? — Ai cai-trị một Kong, một Mường ?

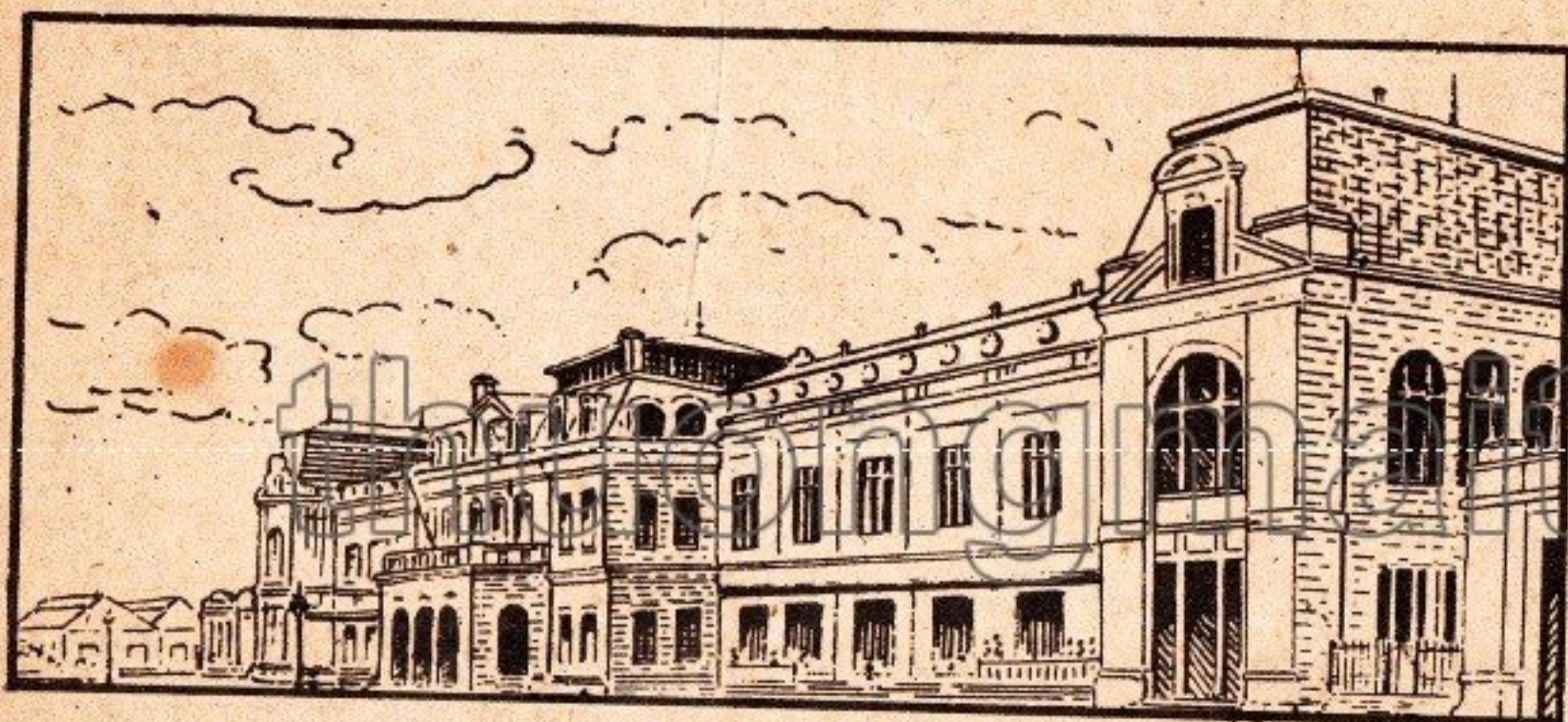
2. — Triều-đình.

Xứ Ai-lao xưa là gồm mấy quận, như Vientiane, Luang-Prabang, Bassac thì ngày nay sáp-nhập vào Đông-pháp và thuộc quyền nước Pháp bảo-hộ. Ở nước Luang-Prabang thì cách cai-trị vẫn theo như cũ. Nhà-nước Pháp có đặt quan Khâm-sứ ở Vientiane và một quan cai-trị ở Luang-Prabang để kiểm-soát mọi việc. Vua Luang-Prabang giữ quyền cai-trị trong nước, có một hội-đồng giúp việc.

Toát yếu. — Ở Ai-lao thì việc cai-trị trong xứ có quan Khâm-sứ ở Vientiane, và một quan cai-trị ở Luang-Prabang kiểm-soát. Xứ Luang-Prabang là một quận trong xứ Ai-lao thì có vua. Vua cai-trị nước, có một hội-đồng giúp việc.

Câu hỏi. — Ai-lao trước là gì ? — Nay là gì ? — Quận Luang-Prabang là gì ? — Ai giúp việc vua Luang-Prabang ?

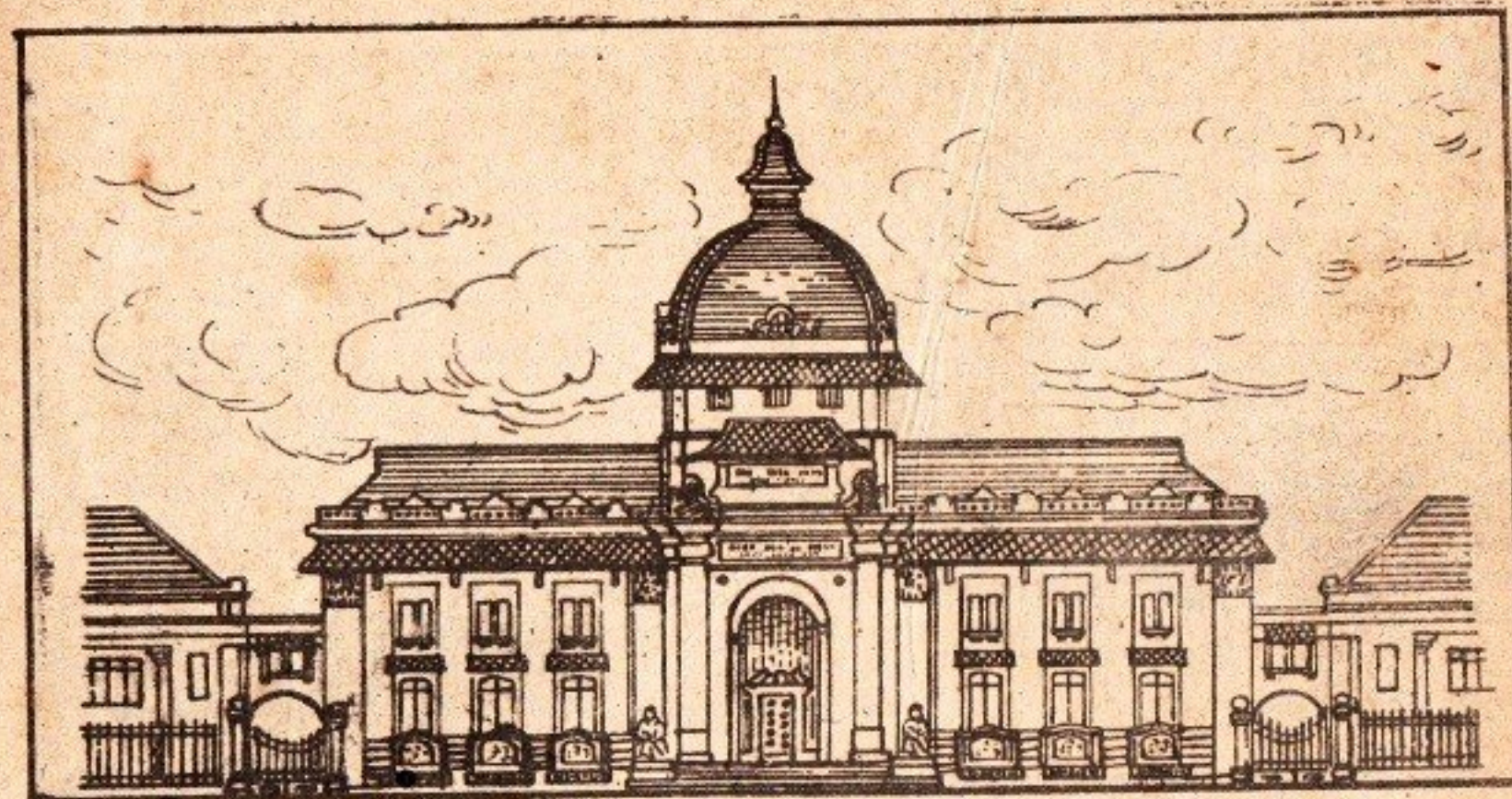
BẮC-KỲ



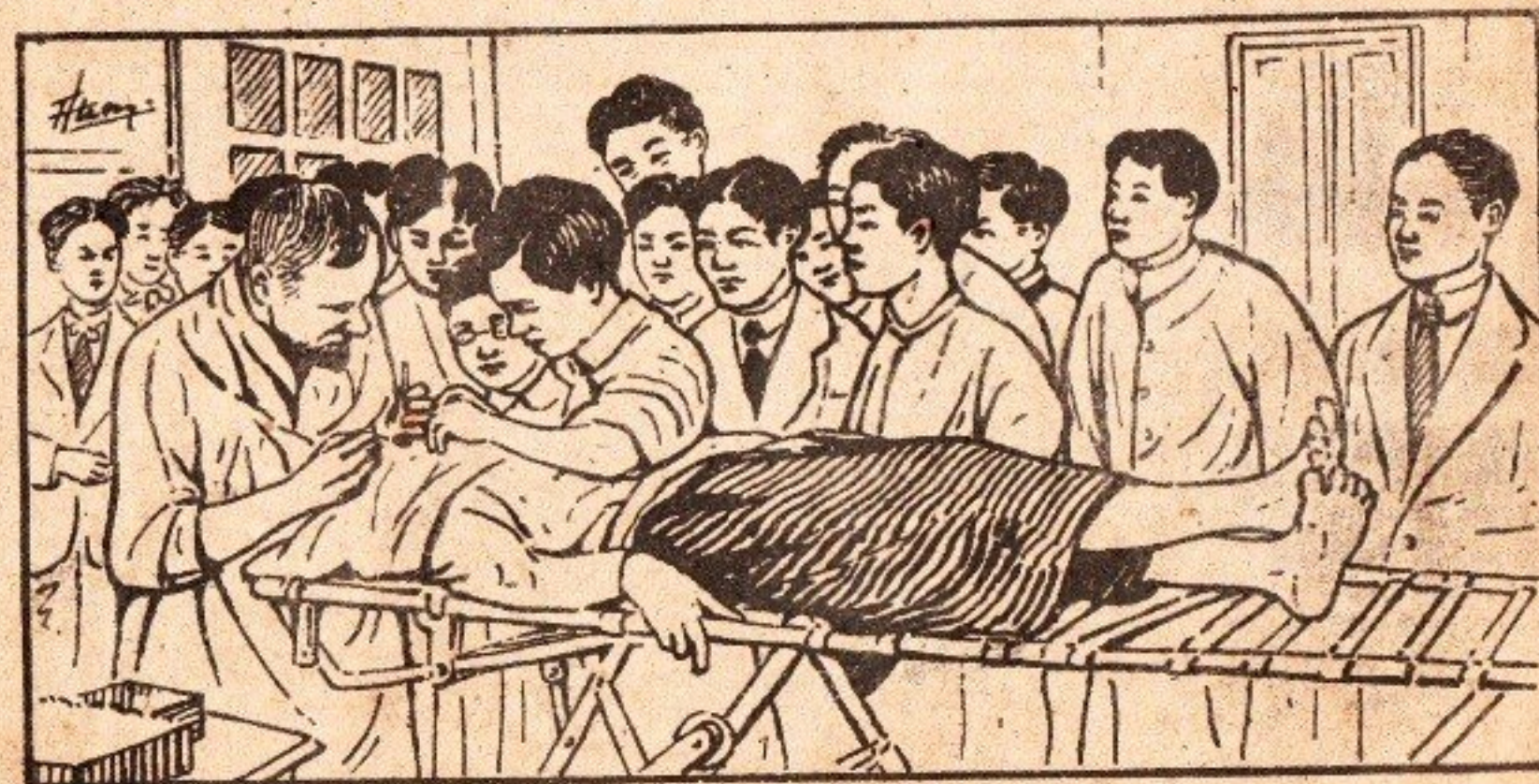
Nhà Ga Hà-nội.



Cầu sông Hồng-hà (Hà-nội).

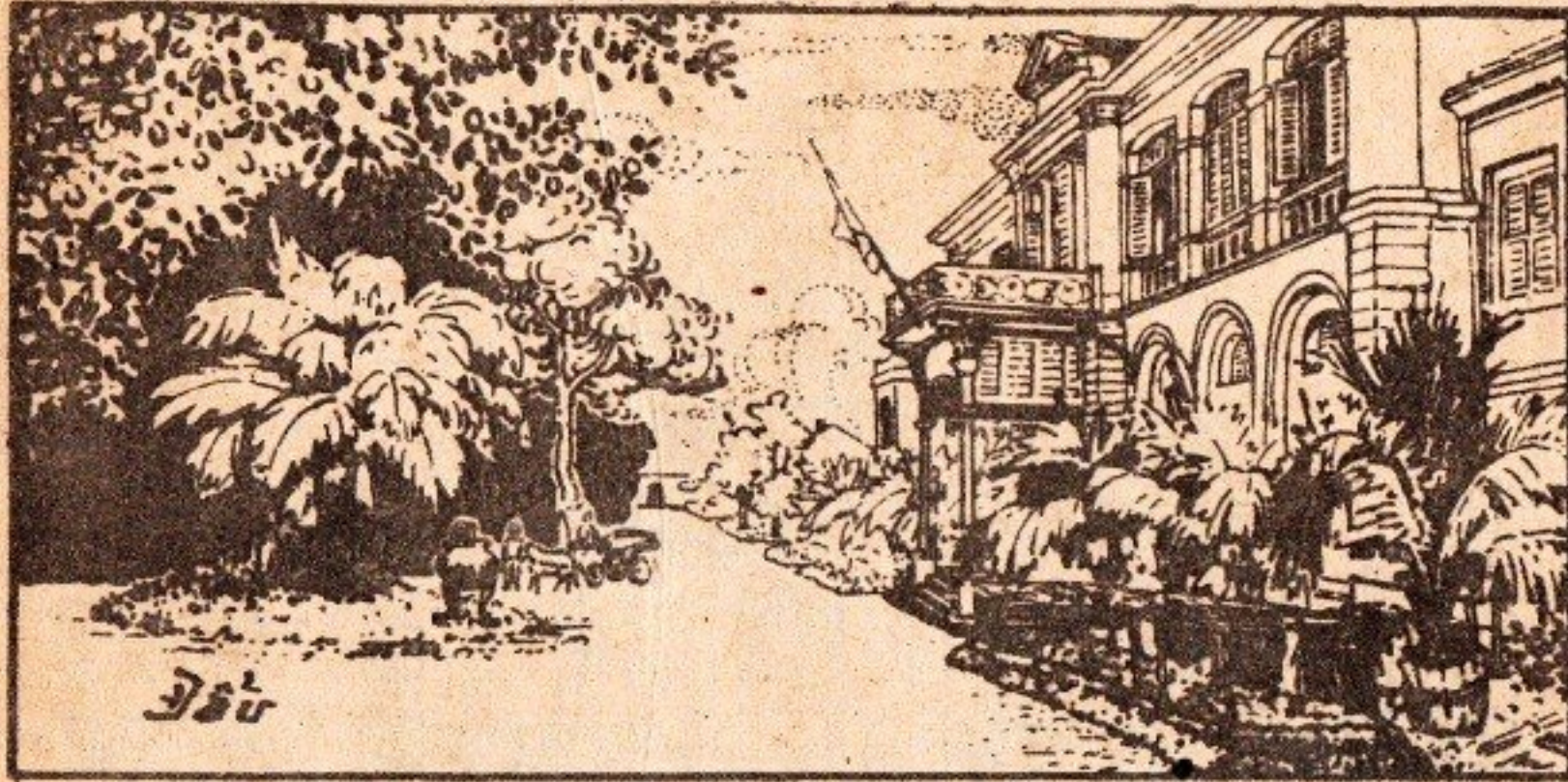


Trường Cao-dẳng (Hà-nội).

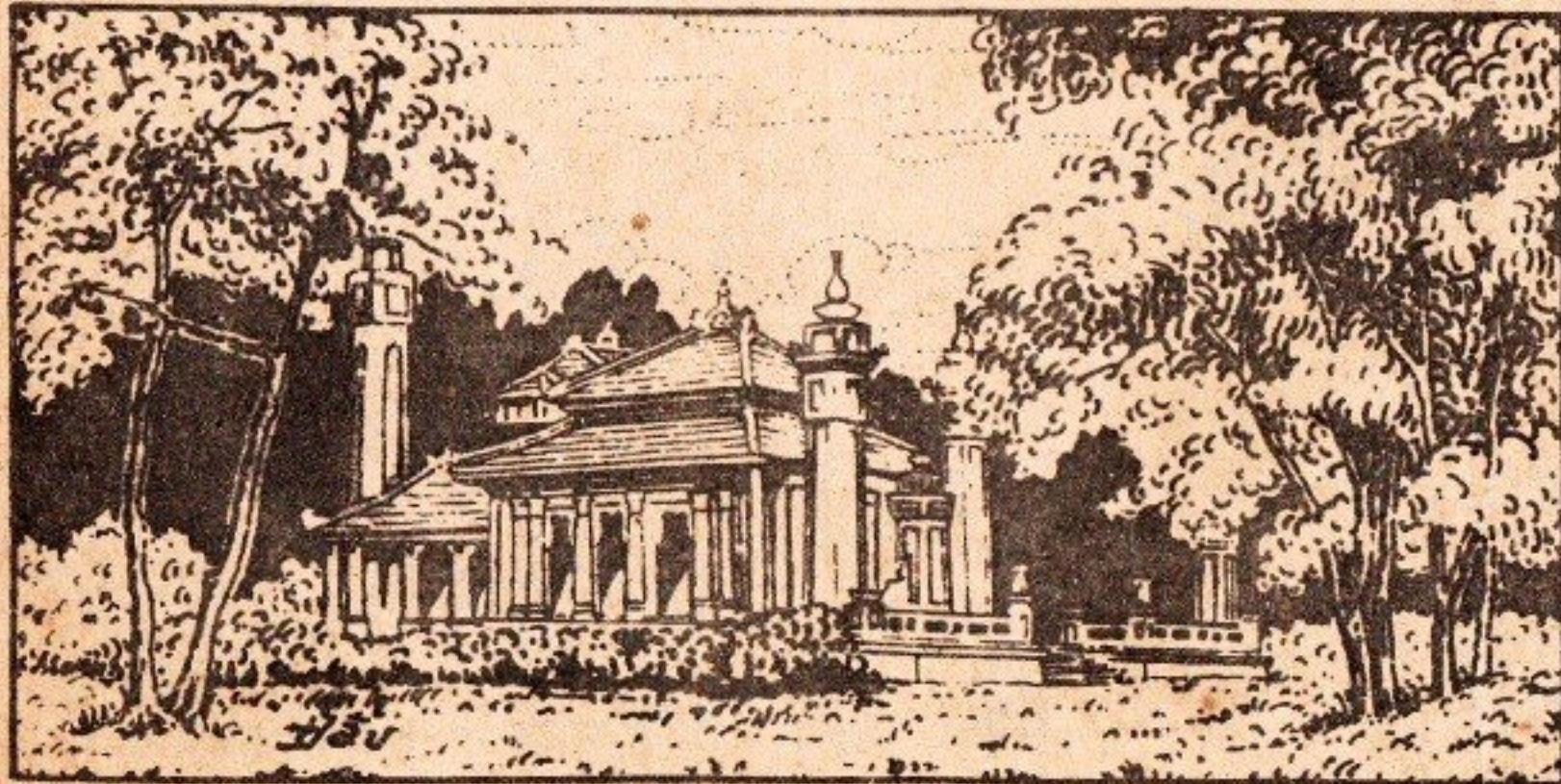


Tại Nhà thương chữa mắt (Hà-nội).

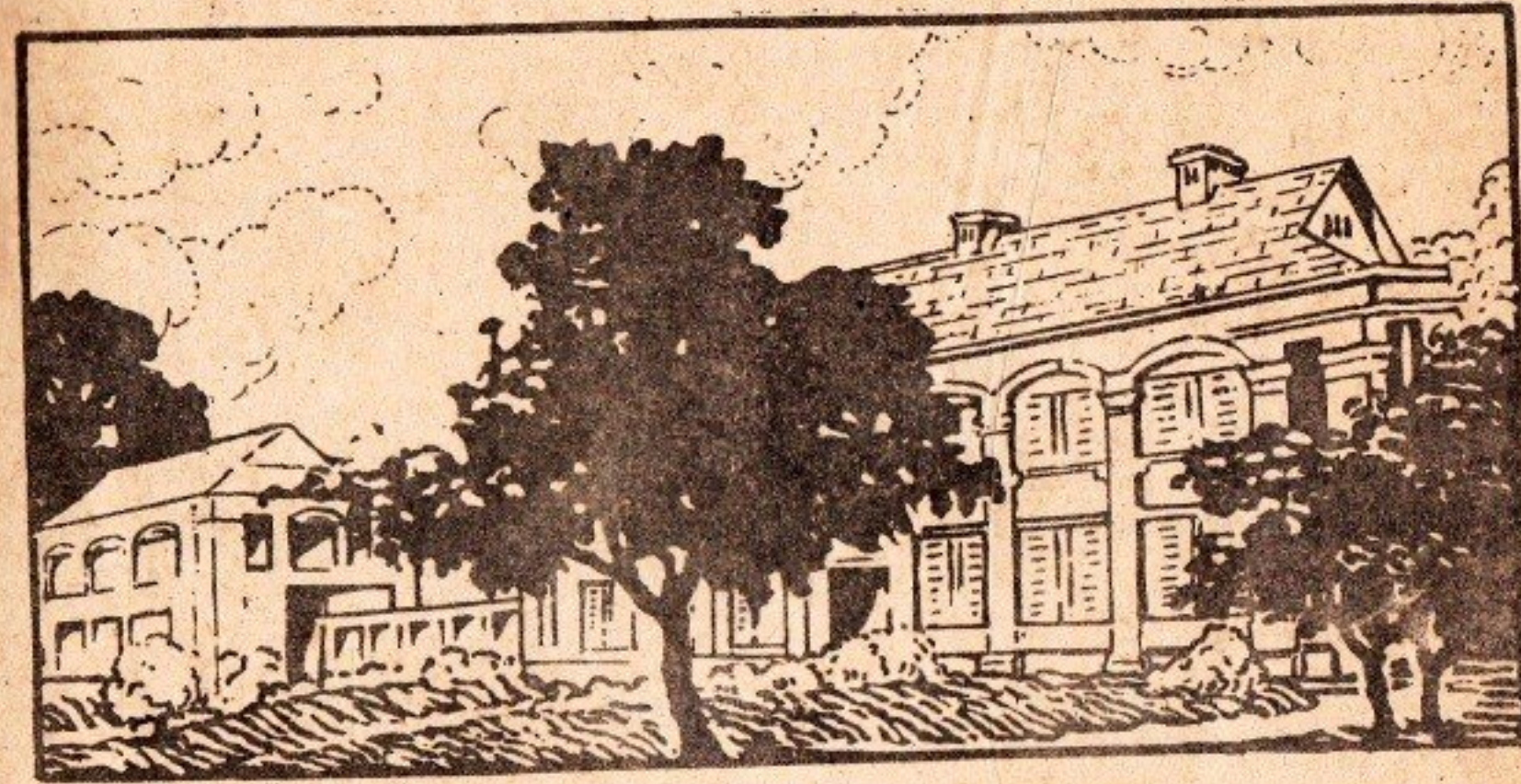
TRUNG-KỲ



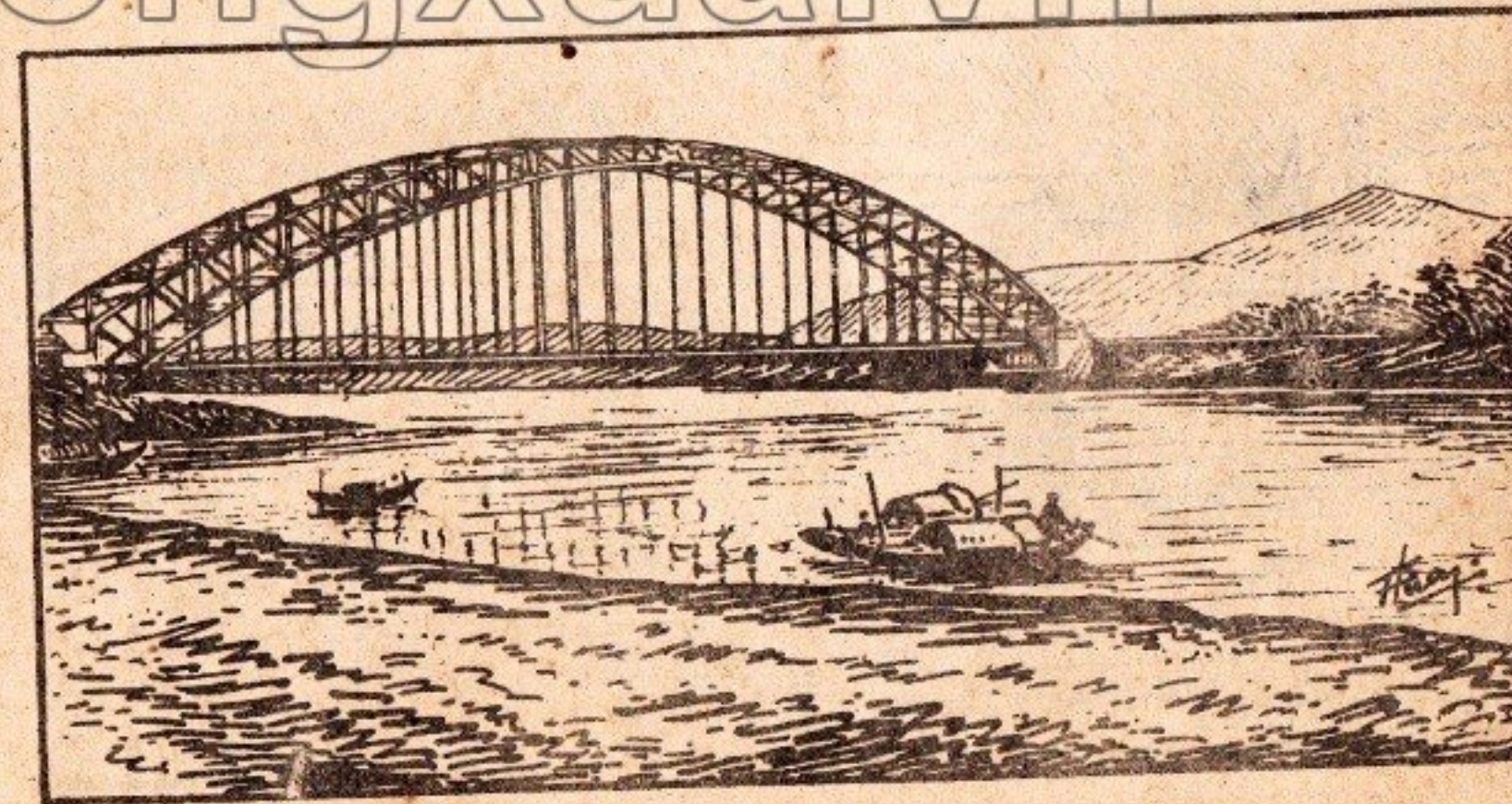
Tòa Khâm-sứ (Huế)



Nhà máy-nước (Huế)

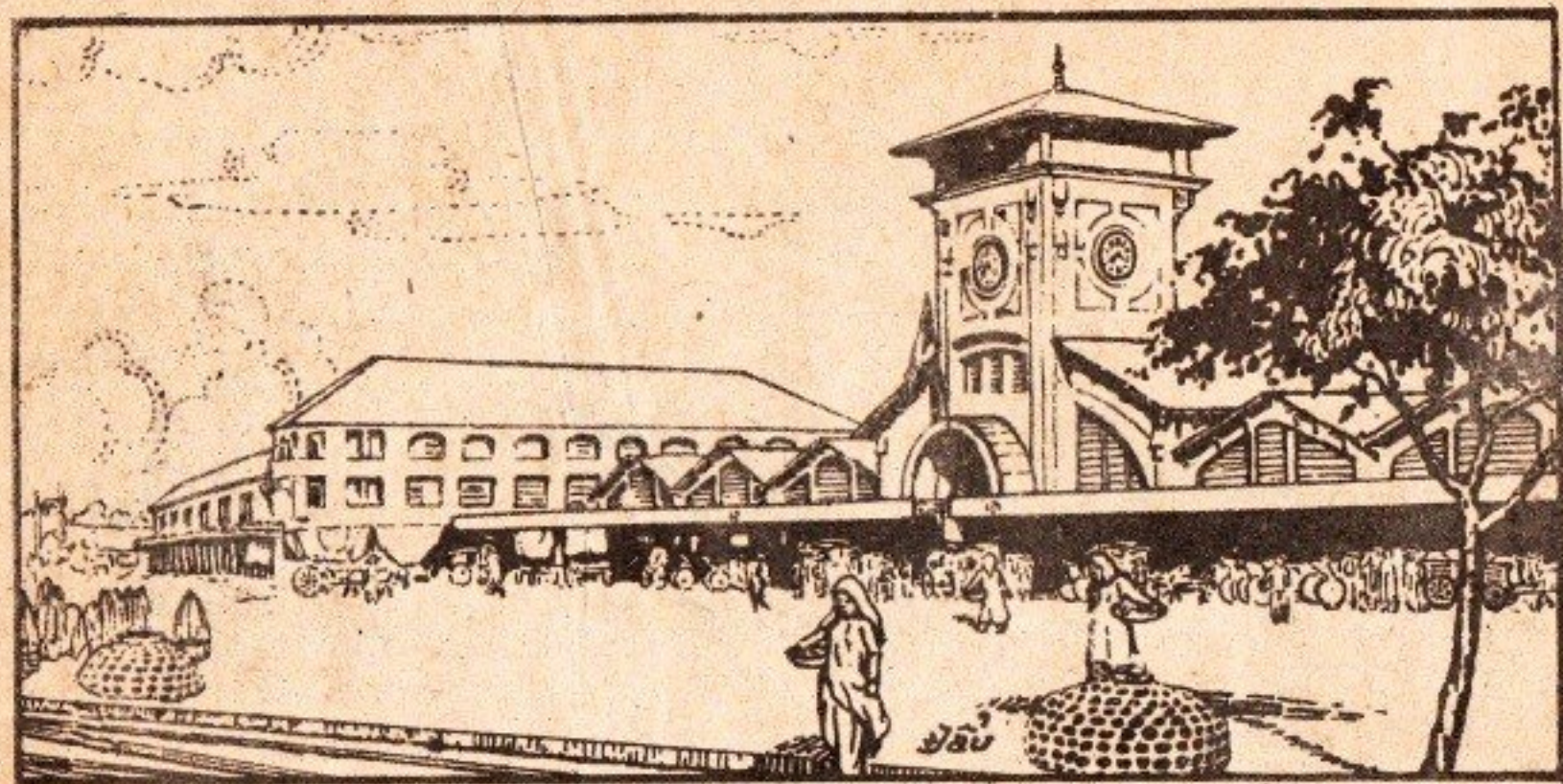


Nhà thương (Huế).

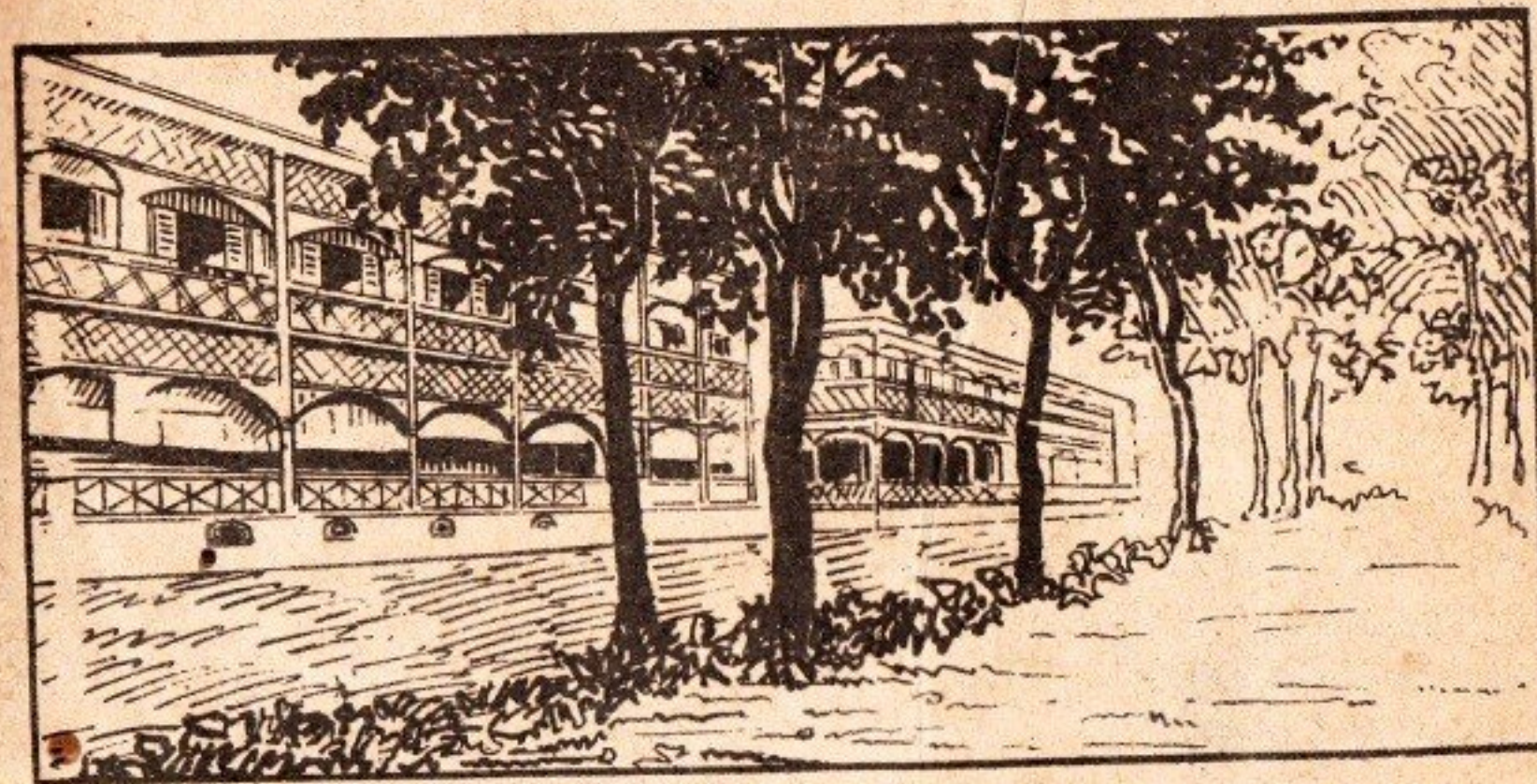


Cầu Hàm-Rồng (Thanh-hóa).

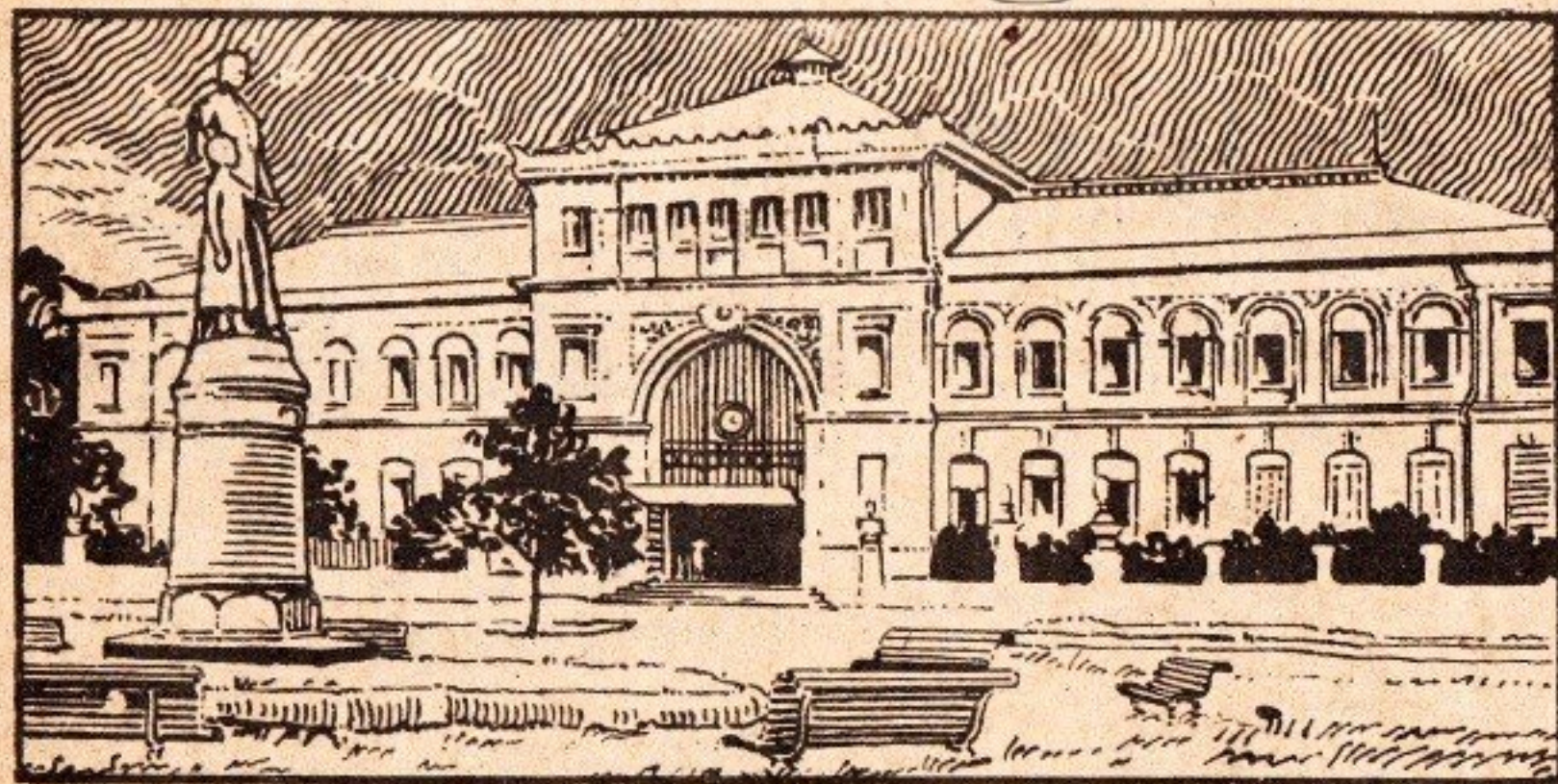
NAM-KỲ



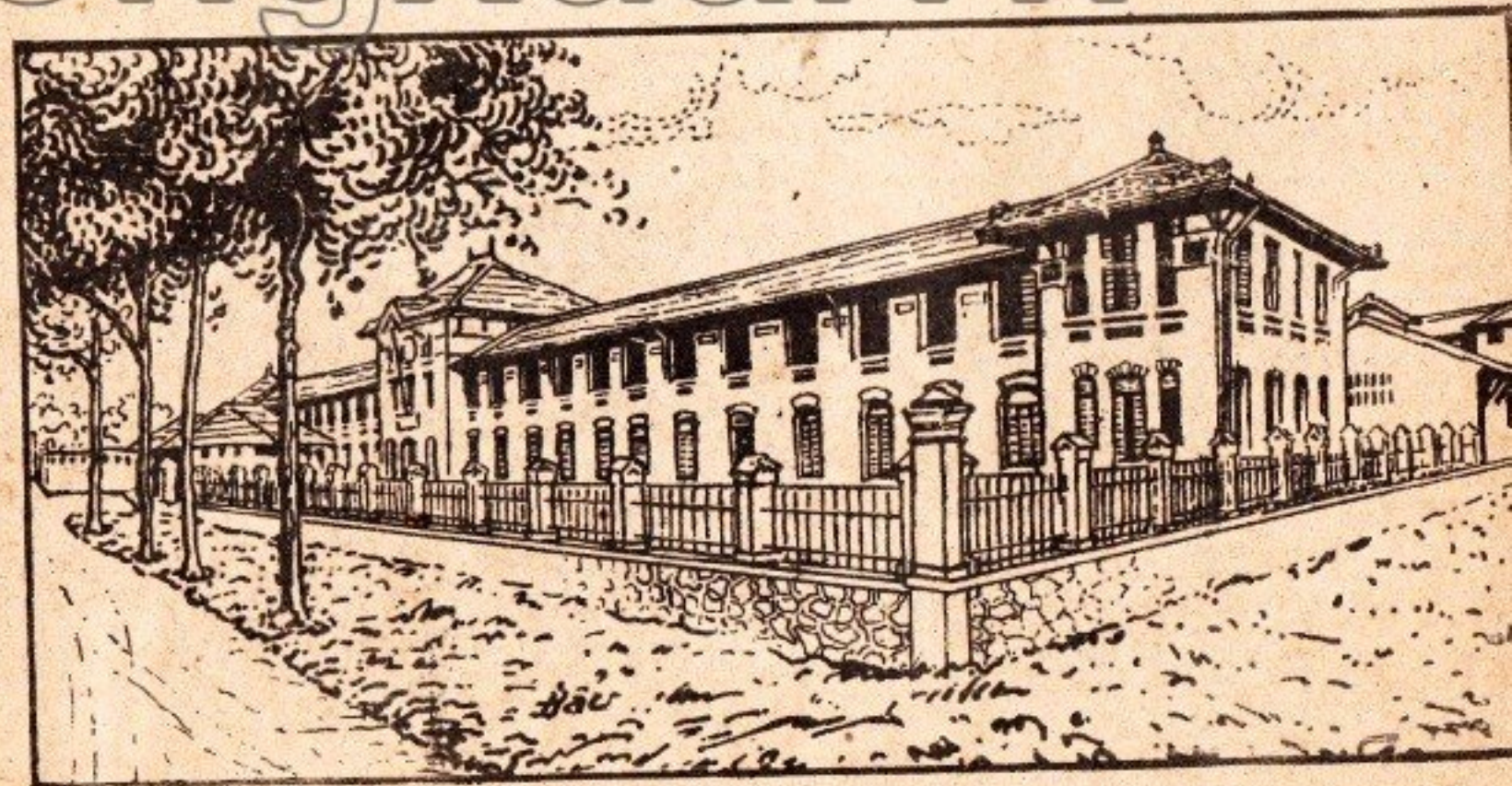
Chợ Saigon.



Nhà thương (Saigon).



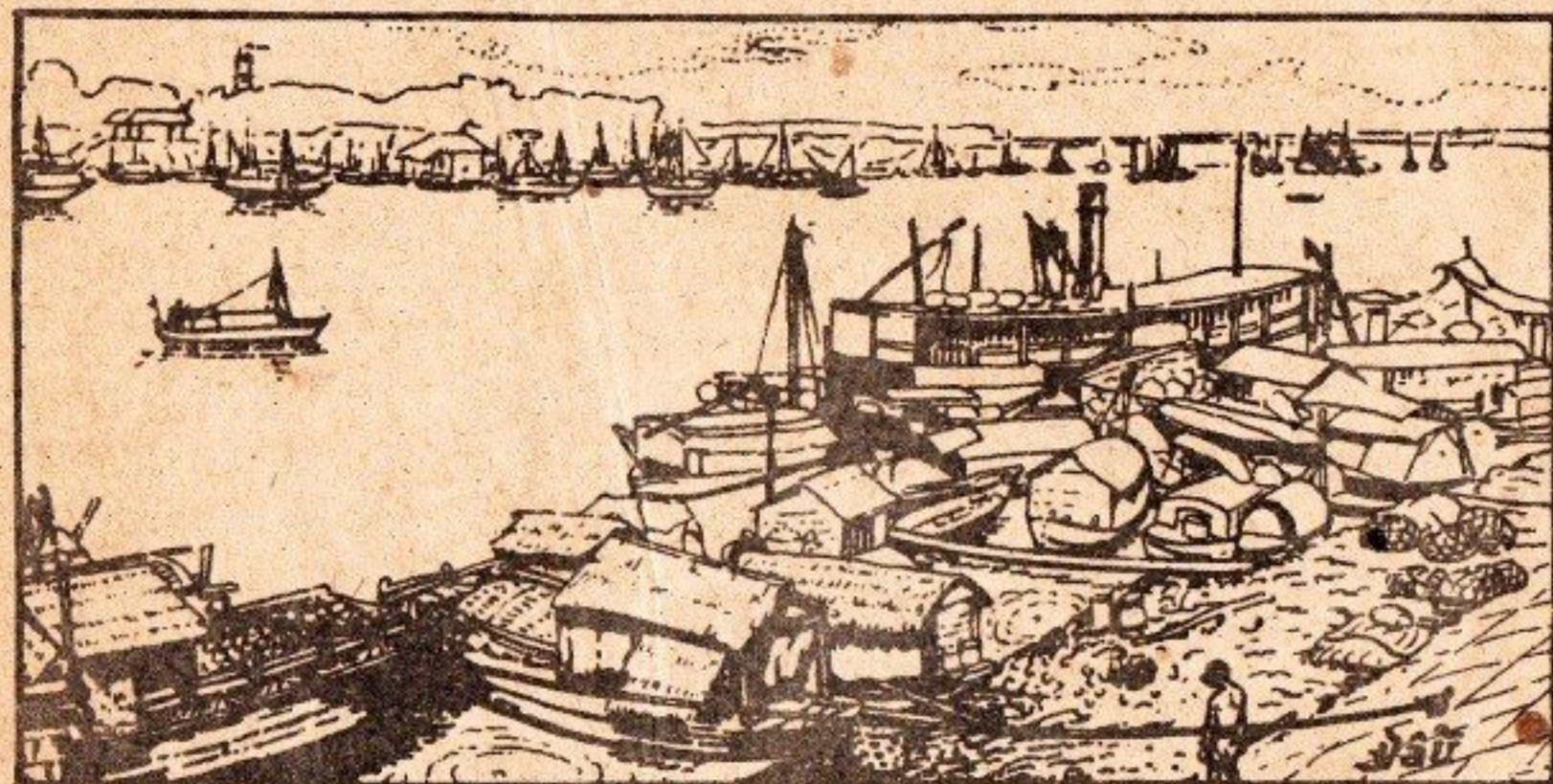
Nhà Bưu-chính (Saigon).



Trường Nữ-học (Saigon).

Nhà Bưu-chính (Nam-vang)

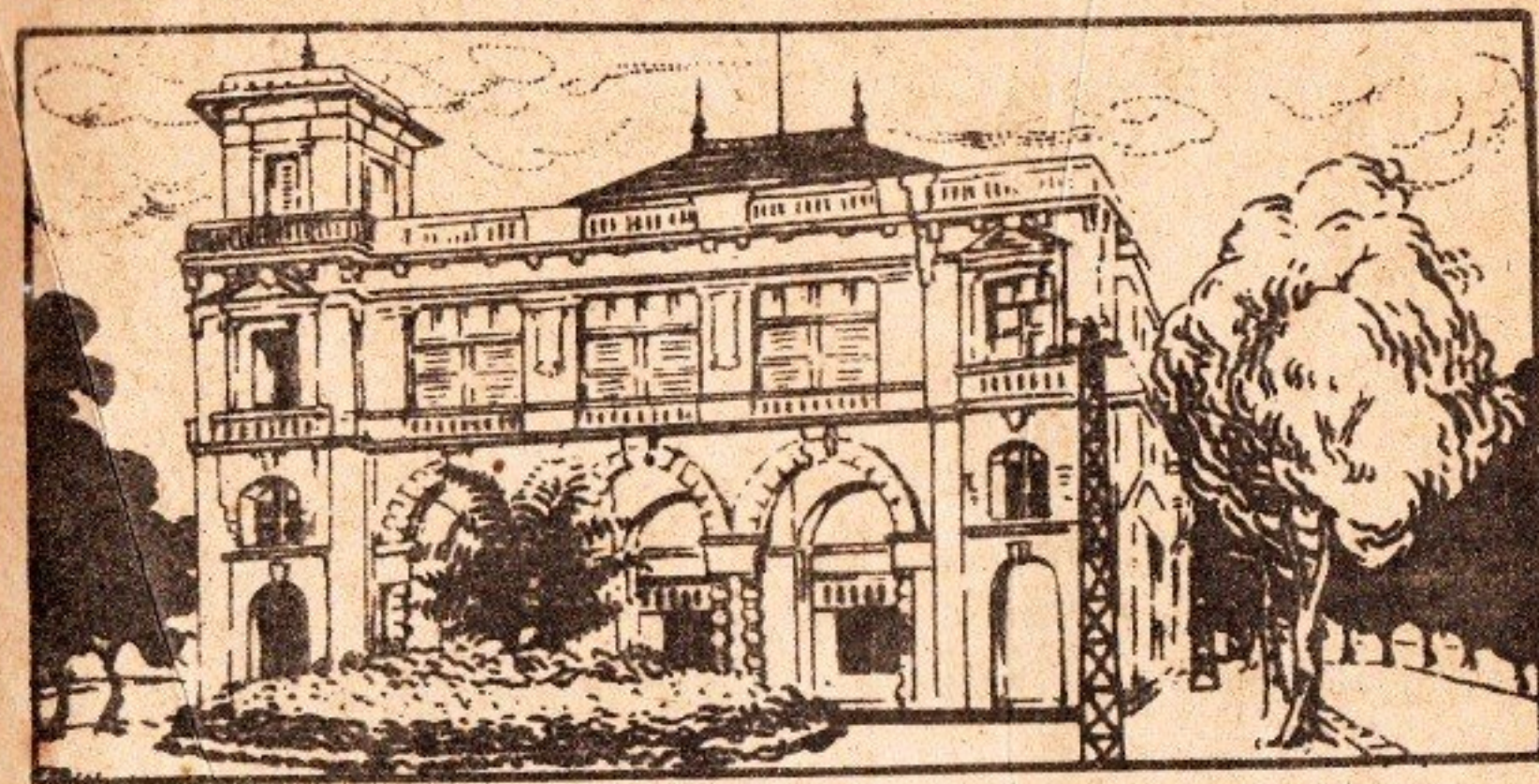
CAO-MÊN



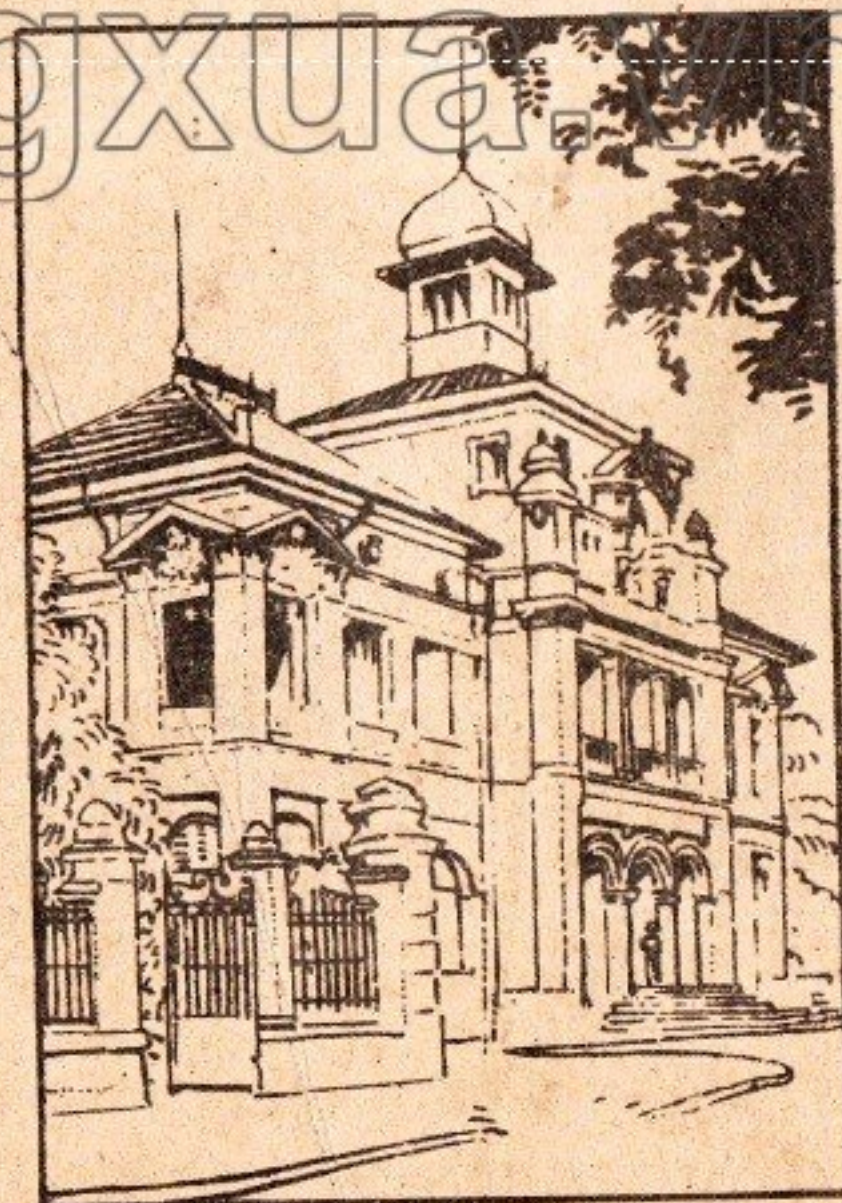
Ngã-tư sông Mêkong (Nam-vang).



Một phố ở Nam-vang.



Nhà Thương-chính (Nam-vang).



Nhà Bưu-chính (Nam-vang)

CHƯƠNG THỨ SÁU

CHÍNH-THỂ ĐÔNG-PHÁP

Xứ Đông-pháp là gồm cả Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, Cao-mên và Ai-lao.

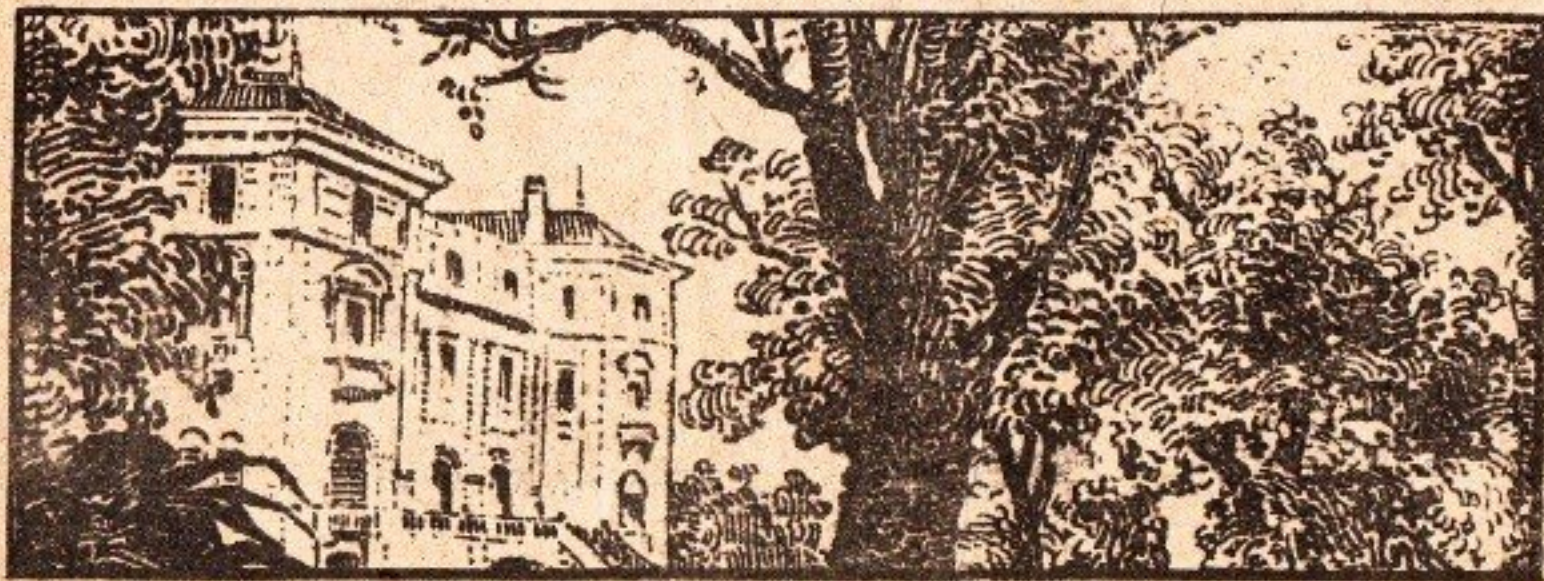
Đông-pháp thuộc quyền quan Toàn-quyền cai-trị.

Quan Toàn-quyền thì có hội-đồng Chính-phủ giúp việc. Những viên-chức hội-đồng ấy vừa là người Pháp, vừa là người bản xứ.

Ở Nam-kỳ thì có quan Thống-đốc đứng đầu. Ở Bắc-kỳ thì có quan Thống-sứ, ở Trung-kỳ, Cao-mên và Ai-lao thì có quan Khâm-sứ.

Mỗi xứ ở Đông-pháp lại chia ra từng tỉnh. Mỗi tỉnh có đặt một quan người Pháp đứng đầu. Ở Nam-kỳ thì gọi ⁽¹⁾ là quan Tham-biện, ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Cao-mên thì gọi là Công-sứ và ở Ai-lao thì gọi là Commissaire.

Toát yếu. — Cõi Đông-pháp thuộc quyền quan Toàn-quyền, có Hội-đồng Chính-phủ giúp việc. Nam-kỳ thì có quan Thống-đốc đứng đầu. Bắc-kỳ thì có quan Thống-sứ, còn Trung-kỳ,



Phủ Toàn-quyền ở Hà-nội.

Cao-mên và Ai-lao thì có quan Khâm-sứ. Đứng đầu một tỉnh thì có quan Tham-biện, quan Công-sứ hoặc quan Commissaire.

(1) kêu.

Câu hỏi. — Đông-pháp có những xứ nào ? — Ai cai-trị cõi Đông-pháp ? — Hội-đồng Chính-phủ là gì ? — Ai đứng đầu các xứ trong Đông-pháp ? — Ai đứng đầu một tỉnh ?

CHƯƠNG THỨ BẢY

CÚNG-LỄ, HỘI-HÈ

1. — Thờ Thành-hoàng.

Đất có Thổ-công, sông có Hà-bá, cảnh-thổ nào có Thành-hoàng ấy, nhân dân thành kính phụng-sự để mong người ủng-hộ cho mọi việc. Nền hiện nay làng nào cũng có thờ một vị Thành-hoàng.

Cũng có nơi thờ những vị thần núi, thần sông, những vị có sự-tích linh-dị, như Đông-Thiên-Vương, Liễu-Hạnh, những bậc trước có công to ⁽¹⁾ với dân, với nước như Trưng-Nữ-Vương, Trần-Hưng-Đạo, hoặc những bậc đã gây nên một nghề nghiệp gì, như nghề sơn, nghề khảm, nghề đúc đồng, nghề thợ mộc, mà tục gọi ⁽²⁾ là Thánh-sư, Tồ-sư hay là Tiên-sư.

Các vị thần ấy thờ ở đền, miếu (miếu) hay nghề. Còn Thành-hoàng thì thờ ở đình. Đình lại là nơi công-sở để dân làng hội-hợp.

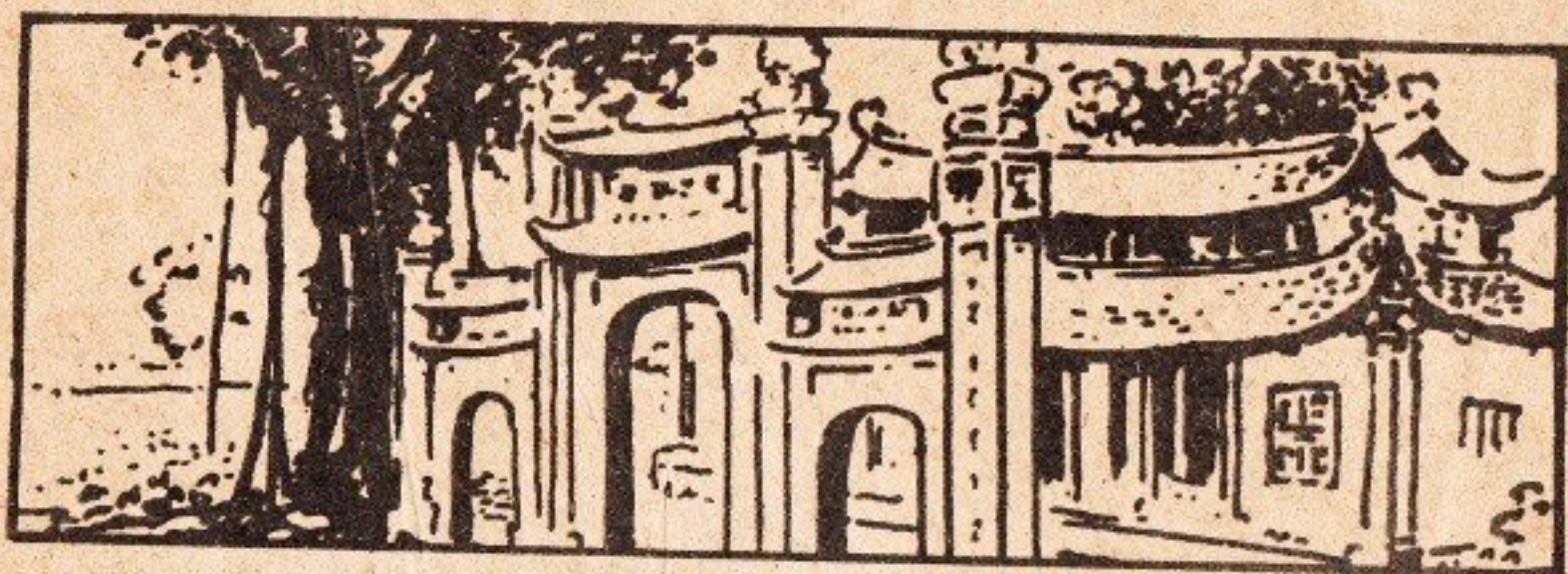
Đình, miếu cũng làm theo một kiểu, chỉ khác nhau to ⁽¹⁾ nhỏ mà thôi. Đại-đền đình, miếu nào cũng có nội-điện là nơi thờ thánh, nhà đại-bái chia làm trung-đình (chánh-gian), tả-gian, hữu-gian và nơi giải-tọa.

Mỗi đình có một người, gọi ⁽²⁾ là thủ-từ, dân cắt ra ở đấy để coi việc đèn hương, giữ đồ phụng-sự và lau chùi quét-tước cho sạch-sẽ.

Mỗi làng lại phải có tự-điền, tự-trạch, là ruộng-nương hay là hồ ao để lấy hoa lợi cung vào việc tế-tự. Nếu không có tự-điền, tự-trạch, thì dân phải đóng góp với nhau cho đủ khoản công-nhu.

(1) lớn. — (2) kêu

Toát yếu. — Nước Nam ta, làng nào cũng có thờ Thành-



Đình thờ Thành-hoàng.

hoàng, cũng có làng thờ thần núi, thần sông, những vị có sự-tích linh-dị, hay những bậc có công với nước, có ơn với dân, gây dựng nên nghề nghiệp gì.

Người ta thờ các vị thần ấy tại miếu, tại nghề hay tại đình. Đình, miếu nào đại-đề cũng có nội-diện, nhà đại-bái chia làm trung-đình (chánh-gian), tả-gian, hữu-gian, nơi giải-tọa.

Đình, miếu có người thủ-từ đèn hương quét-tước, có tự-diện, tự-trạch, hoặc tiền đóng, gạo góp để cúng-cấp, tế-tự.

Giải nghĩa. — *Thổ-công* = thần đất. — *Hà-bá* = thần sông. — *Ứng hộ* = giữ-gìn, che-chờ. — *Nơi giải-tọa* = chỗ quan viên trong làng ngồi. — *Công-nhu* = dùng về các việc công.

Câu hỏi. — Thành-hoàng là gì? — Người ta thờ thành-hoàng ở đâu? — Đình hay miếu thường làm thế nào? — Người thủ-từ làm gì? — Tự-trạch, tự-diện là gì?

2. — Tề-lễ.

Ở các đình, các miếu, những ngày tuần-tiết đều có lễ cả. Đồ lễ hoặc trâu, rượu, hoặc xôi, chuối, gà hay bò, lợn⁽¹⁾, là tùy nơi, tùy tục.

Nhưng trong một năm, trọng nhất là những ngày thần-bái, thần-đàn, và hai kỳ về mùa xuân, mùa thu, dân làng thường đặt

(1) heo

ra những tuần đại-tế gọi là tế kỳ-phúc⁽¹⁾.

Tế thì đại-đề phải cắt đủ những người như sau này :

Trước hết phải có người đứng chủ việc tế, gọi là tế-chủ, hoặc có nơi gọi là mạnh-bái, hai hay bốn người phụ vào người tế-chủ gọi là bồi-tế, hoặc là bồi-bái.

Sau đến hai bên đông-xương, tây-xương đề xướng lễ cho các người đi tế y theo mà làm. Lắm nơi còn cắt hai người nội-tán đứng đôi bên người tế-chủ để dẫn đường đi lại cho hợp cách.

Sau có mười, mười-hai người đứng hai bên, vào việc chấp-sự như thượng-hương, hiến-tửu, chuyễn-chức, hiến-tế, v. v. .

Đọc chúc cũng phải có một người riêng.

Người đi tế phải có thứ mũ áo riêng, và đi hia. Mũ thì có hai cái giải rủ xuống sau lưng. Áo thì rộng và dài.

Trong khi tế, lúc đánh trống, đánh chuông, bát-âm, nhã-nhạc, đốt pháo, đốt hương, nhất nhất cái gì cũng có phép-tắc chỉnh-tề, không được sai lầm.

Toát yếu. — Ở các đình, miếu, những ngày tuần-tiết đều có lễ cả.



Các quan-viên tề.

Còn những ngày đàn, ngày hũy, và một năm hai kỳ về mùa xuân và mùa thu thì thường có tế.

(1) kỳ-yên.

Khi tế, đại-đề phải có người chủ-tế, hai người bồi-bái, hai người đông-xương tây-xương, một người đọc chúc, và mười mười hai người chấp-sự.

Người đi tế có mũ áo riêng, và đi hia. Lúc tế có chuông, trống, bát-âm.

Giải nghĩa. — *Tuần-tiết* = ngày sóc-vọng và tết-nhất. — *Thần-húy* = ngày thần hóa. — *Thần-đản* = ngày thần giáng sinh.

Câu hỏi. — Ở đình, miếu, các ngày tuần-tiết người ta làm gì? — Các ngày húy, ngày đản, và xuân thu nhị kỳ người ta làm gì? — Tế phải có những ai? — Kể công việc của mỗi người.

3. — Các ngày tế-lễ trong làng.

Tế văn-chỉ hay văn-từ. — Làng nào cũng có thờ Thành-hoàng mà ở Bắc-kỳ và vùng Thanh Nghệ lại còn thờ đức Không-phu-tử là người sáng-lập ra đạo Nho, cùng những người có khoa-hoạn trong làng. Người ta thờ tại văn-chỉ hay văn-từ. Đản lộ-thiên thì gọi⁽¹⁾ là văn-chỉ, đản có lập mái thì gọi⁽¹⁾ là văn-từ.

Lễ cứ mỗi năm tế hai kỳ, về tháng hai, tháng tám, nên gọi là xuân thu nhị kỳ. Có nơi cả làng tế, có nơi chỉ những người có chân hội tư-vấn mới được tế mà thôi.

Lễ Phật. — Trong làng, lại có chùa thờ Phật. Trong chùa có các sư nam, gọi⁽¹⁾ là tăng, hay các sư nữ, gọi là ni. Những ngày sóc vọng, thượng-nguyên, trung-nguyên, hạ-nguyên, ngày đản Phật, ngày giỗ Tổ cùng những ngày tết nhất ở chùa, đều có cúng bái cả.

Lễ Thượng-diên, Hạ-diên. — Những làng làm ruộng nương, thường làm lễ Thượng-diên và Hạ-diên. Lễ này có làng chỉ lễ thần, có làng chỉ lễ Thần-nông. Tục thường kén một ông bố lão⁽²⁾, vợ chồng song toàn, trai gái đề-huê, xuống cấy vài khóm (bút) mạ trước, rồi sau cả xã mới cấy theo.

(1) kén — (2) ông già có danh vọng.

Lễ kỳ-yên. — Mỗi năm, vào khoảng cuối xuân đầu hạ, có nhiều làng làm lễ kỳ-yên đề cầu cho nhân dân được yên lành, vì mùa ấy hay có dịch-lệ. Lễ này thường cúng toàn bằng đồ vàng mã, trên thờ Ngọc-hoàng Thượng-đế, Nam-tào, Bắc-đầu, dưới thờ Minh-vương cùng các vị Ôn-chúa.

Kỳ hậu. — Cúng chúng-sinh. — Nhiều làng thường lại còn làm giỗ những người mua hậu, nghĩa là những người đã nộp tiền hay ruộng để làng nhớ ngày giỗ mà cúng bái. Nhiều làng lại còn cúng cả những người chết vô thừa nhận, hoặc tại sân đình, hoặc tại chỗ Hàn-lâm-sở, tức là Am-chúng-sinh hay âm-hồn, thường làm ở những nơi gần tha-ma, mộ-địa.

Toát yếu. — Các làng thờ đức Không-phu-tử ở văn-chỉ hay



Lễ Văn-chỉ.

văn-từ, thờ Phật ở chùa. Nhiều làng làm am-chúng-sinh để thờ cô-hồn-chúng-sinh.

Mỗi năm lại còn làm lễ Thượng-diên, Hạ-diên đề cầu làm ruộng được mùa, lễ Kỳ-yên đề cầu cho được bình yên.

Giải nghĩa. — *Sáng-lập* = gây dựng. — *Khoa-hoạn* = người có chân đỗ hay làm quan. — *Lộ-thiên* = ở giữa trời, không có mái. — *Minh-vương* = vua dưới Âm-phủ. — *Ôn-chúa* = thần dịch-lệ.

Câu hỏi. — Người ta thờ đức Không-phu-tử ở đâu? — Thờ Phật ở đâu? — Thờ Phật và thờ đức Thánh Không có những tế lễ gì? — Am-chúng-sinh là gì? — Lễ Thượng-diên, Hạ-diên là gì? — Lễ kỳ-yên là gì?

4. — Ngày đại-hội.

Nhiều làng có lệ cứ năm bảy năm, khi gặp được năm nào hòa cốc phong đăng thì mở hội to, gọi là đại-hội.

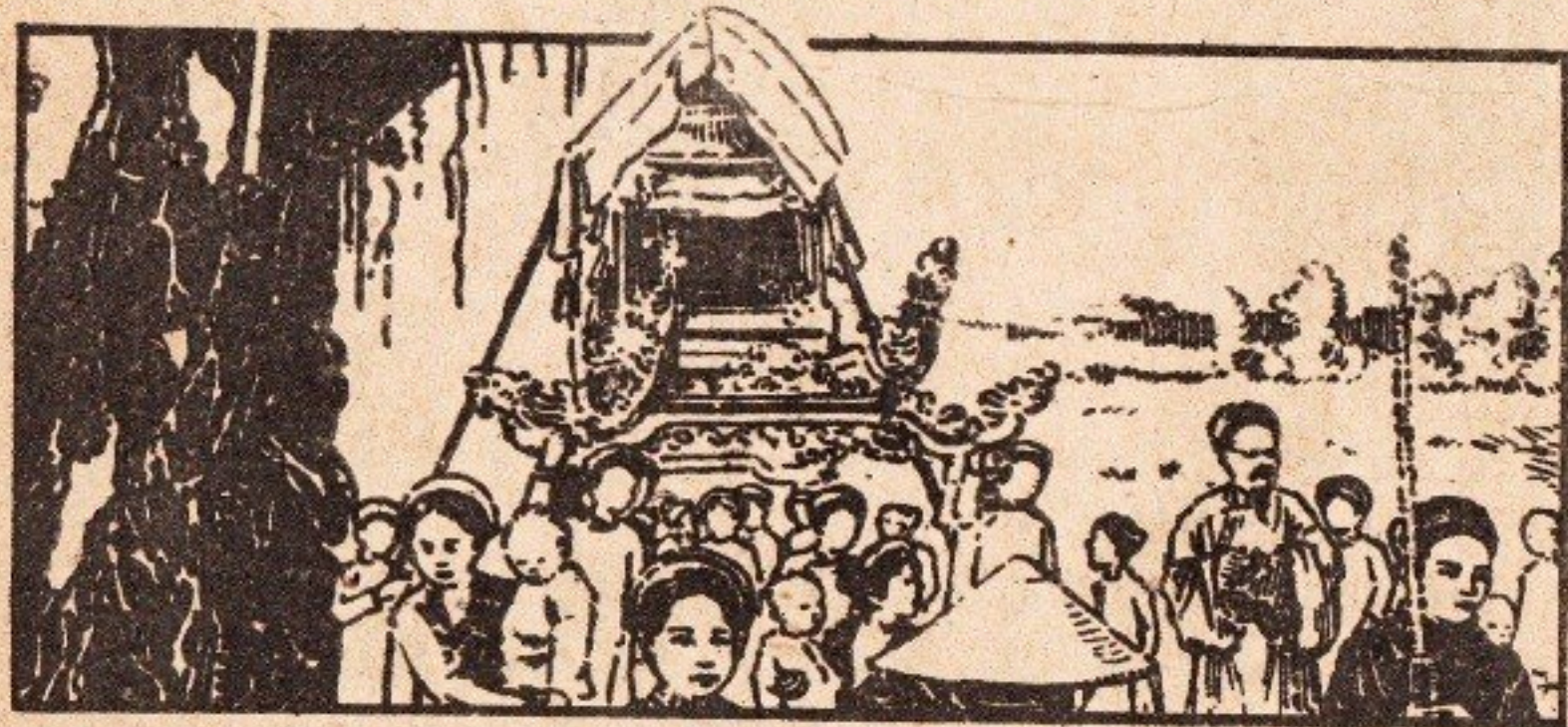
Hội thường mở vào tháng giêng hay tháng hai.

Đại-hội thì có lễ rước nước là đi lấy nước trong sạch ngoài giếng, ngoài sông đem về; lễ mộc-dục là lễ tắm rửa và đội mũ mặc áo cho thần-vị và lễ đại-tế.

Trong các ngày hội, thường trọng nhất là đám rước thần, từ miếu về đình. Đám rước nào đại-đề cũng có cờ, quạt, trống, chiêng, bát-âm, tàn, tán, voi, ngựa, bát-bửu, lộ-bộ, long-đình, long-kiệu.

Suốt từ ngày vào đám cho đến ngày giã đám, người ta bày ra những cuộc vui chơi thật là nhiều. Nào hát bội, hát chèo, hát nhà-trò, leo dây, múa rối, cờ người, cờ bỏi, bơi chải (thuyền), đánh vật, v. v. Ngày đại-hội thật là vui-vẻ, người ta kéo nhau đi xem rất đông.

Toát yếu. — Nhiều làng có lệ mở hội rất linh-đình. Hội



Đám rước.

thường có những lễ như rước nước, mộc-dục, rước thần, tế-lễ, có những trò vui chơi như leo dây, múa rối, cờ người, đánh vật, v. v.

Giải nghĩa. — Hòa cốc phong đăng = được mùa.

Câu hỏi. — Đại-hội là gì? — Đại-hội hay mở về dịp nào? — Đại-hội có những lễ gì? — Có những trò vui chơi gì?

5. — Ngôi thứ trong làng.

Nhân dân trong làng phải phân ra ngôi thứ, có trên, có dưới, thì những khi hội-hợp mới có trật-tự.

Ngôi thứ trong làng thường chia làm nhiều hạng. Ở Bắc-kỳ và ở Trung-kỳ đại-đề có những hạng này:

1° Lão-hạng là những người năm-mười-năm (lăm) hay sáu-mười tuổi trở lên, được miễn trừ hết sưu-dịch, gọi (1) là lão-nhiều. Hạng này trọng hơn cả là vì ở chỗ hương-đảng người ta hay trọng xỉ.

2° Chức-sắc là hạng khoa-mục chức-tước, nghĩa là những người thi đậu tú-tài, cử-nhân, tiến-sĩ, những người có phẩm-hàn cùng những ấm-tử, viên-tử.

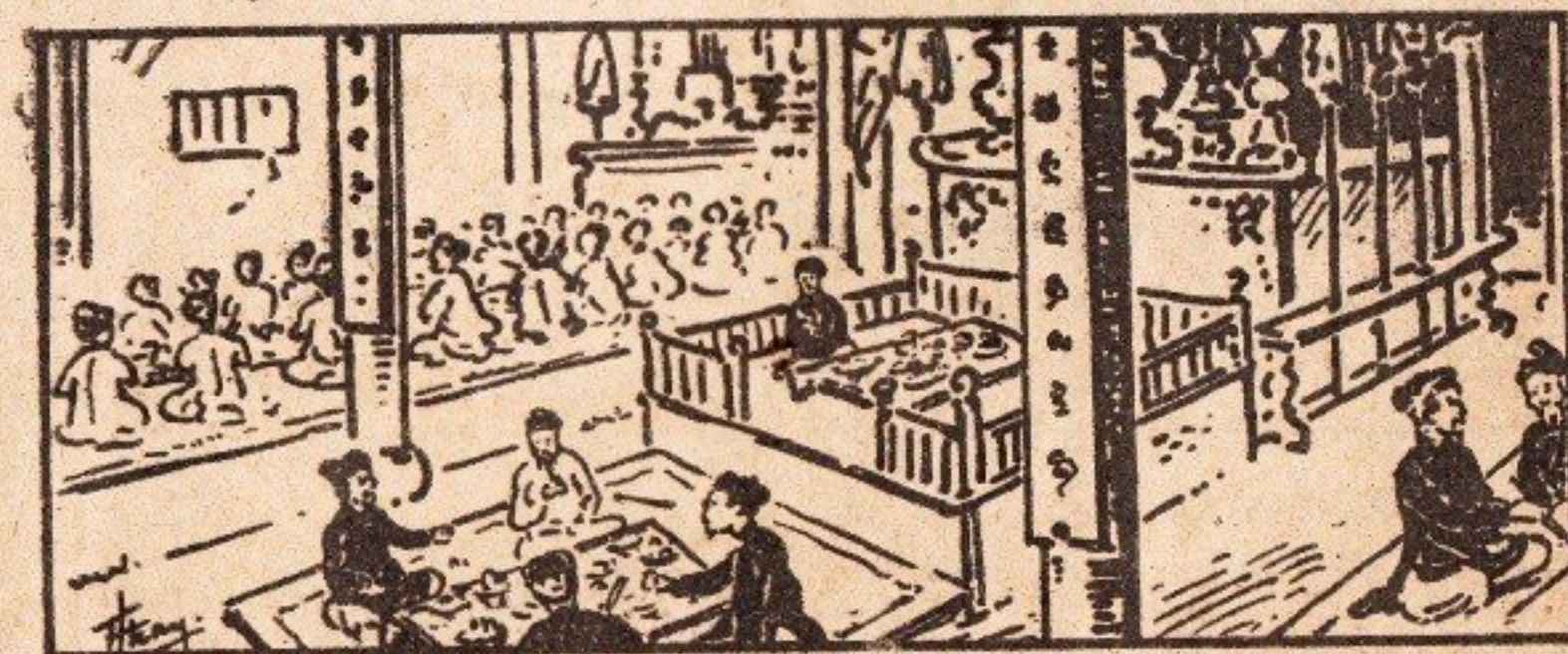
3° Chức-dịch (2) là những người coi các việc trong làng như chánh phó tổng, chánh phó lý, hương-trưởng, khoán-thủ, trưởng tuần....

4° Thi-sinh, khóa-sinh là những người có chữ nghĩa, thi đậu hạch hay đậu khoa.

5° Dân-đình là những người từ mười-tám đến năm-mười-tuổi, không thuộc về mấy hạng trên và phải gánh vác mọi việc phu phen tạp-dịch.

6° Ti-ấu là những trẻ từ mười-bảy tuổi trở xuống, thường cũng phải đóng góp vào việc tế-tự, được dự vào hàng phe, hàng giáp.

Toát yếu. — Dân một làng thường chia ra nhiều hạng. Đại



Dân làng ăn uống tại đình.

(1) kêu — (2) hương-chức.

đề có sáu hạng là : lão-hạng, chức-sắc, chức-dịch, thí-sinh và khóa-sinh, dân-đình và ti-ấu.

Giải nghĩa. — *Hương đẳng trọng xỉ* = làng xã trọng người hơn tuổi.

Câu hỏi. — Dân một làng thường chia ra làm mấy hạng ? — Kể ra và nói các hạng khác nhau thế nào ?

6. — Các ngày tết lớn.

Kể trong một năm, thật là có lắm ngày tết.

1° Tết Nguyên-đán. — Tết lớn nhất là tết Nguyên-đán, còn gọi ⁽¹⁾ là tết cả. Tết này bắt đầu từ hôm ba-mươi tháng chạp, người ta làm lễ trừ-tịch để tổng năm cũ. Chính tết thường ăn ba hôm, thì ngày nào cũng lễ gia-tiên (ông bà). Ngày mồng bốn thì người ta lễ tiên gia-tiên. Ngày mồng bảy thì lễ khai-hạ để hạ nêu.

2° Tết Hàn-thực. — Tết này ở Bắc-kỳ, ăn vào ngày mồng ba tháng ba. Người ta thường làm bánh chay, bánh trôi-nước để cúng.

3° Tết Đoan-ngọ. — Tết này ăn vào ngày mồng năm tháng năm. Người ta có tục nhuộm móng chân, móng tay, và đeo chỉ-bùa cho trẻ. Sáng dậy, thường ăn các thứ hoa quả, gọi là giết sâu bọ. Đến giờ ngọ, lại đi hái các thứ lá để nấu nước uống, cho là hay lắm.

4° Tết Trung-nguyên. — Tết này ăn vào ngày rằm tháng bảy. Cứ theo sách Nhà-phật, thì ngày ấy, các vong-nhân ở dưới Âm-phủ được xá tội, nên các nhà làm cơm cúng và mua vàng mã đốt cho ông bà ông vải.

5° Tết Trung-thu. — Tết này ở Bắc-kỳ gọi thế là vì ăn vào hôm rằm tháng tám, là giữa mùa thu. Người ta làm cỗ cúng gia-tiên (ông bà), và tối đến bày bánh-trái ra sân cúng mặt Trăng. Nhân dịp tết này, người lớn thì uống rượu, chơi trăng, hát trống-quân, trẻ con thì chơi cỗ, hồ-khoan.

Các ngày lễ khác. — Trong một năm, ngoài những ngày tết vừa kể trên, lại còn những ngày lễ khác. Như ngày rằm tháng

(1) kều.

giêng, người ta đi lễ các chùa-chiền, theo câu tục-ngữ : « Lễ Phật cả năm chẳng bằng ngày rằm tháng giêng ». Tháng ba có tết Thanh-minh, người ta đi tảo-mộ. Tháng tư mồng tám là ngày Bụt giáng-sinh, người ta lễ bái ở các chùa.

Toát yếu. — Tết Nguyên-đán là tết trọng nhất trong một năm. Tết ấy bắt đầu từ hôm ba-mươi tháng chạp đến hôm mồng bốn tiên ông-vải, hôm mồng bảy lễ hạ nêu.

Tết Hàn-thực ăn vào hôm mồng ba tháng ba.

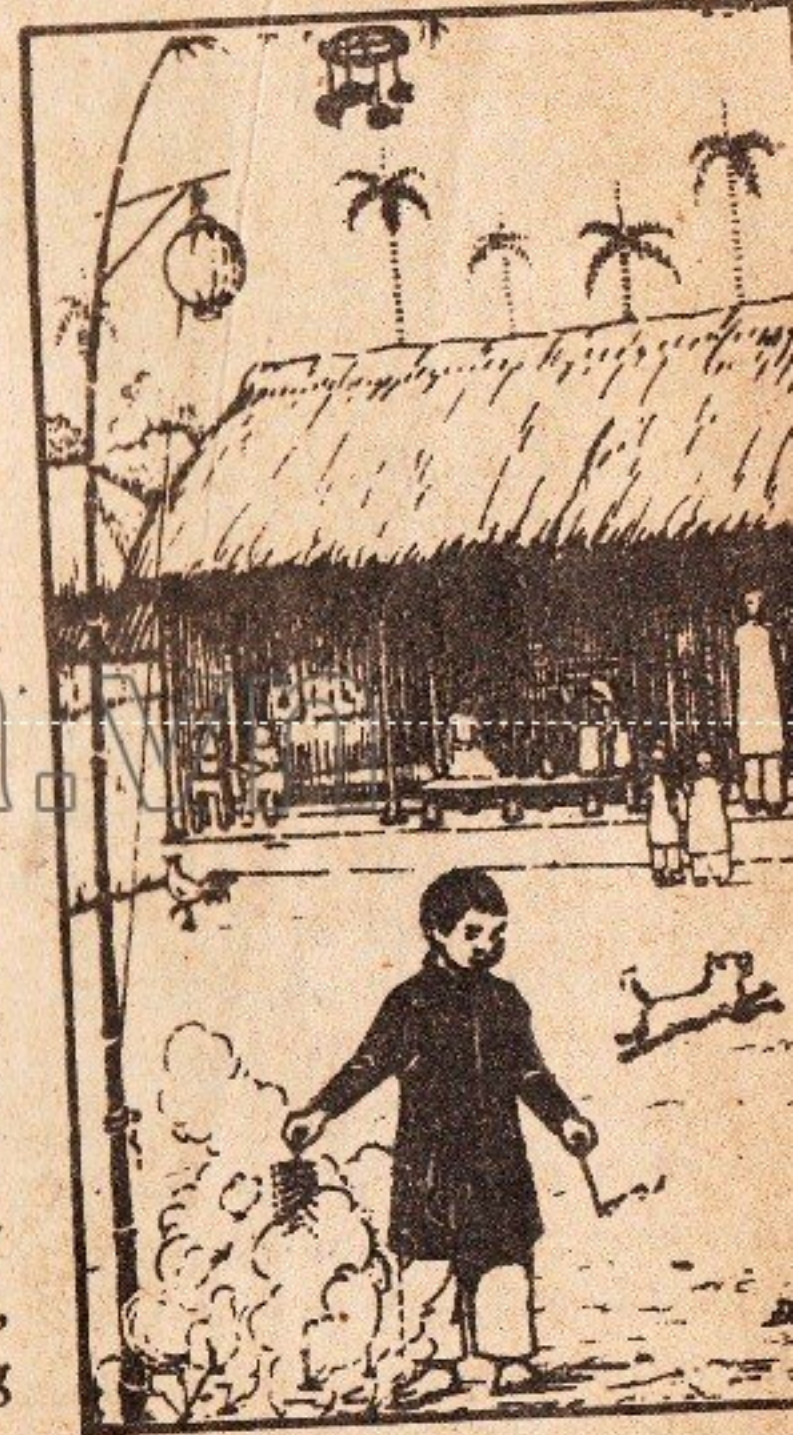
Tết Đoan-ngọ ăn vào hôm mồng năm tháng năm. Người ta có tục giết sâu bọ, nhuộm móng tay và đeo chỉ-bùa cho trẻ.

Tết Trung-nguyên là tết rằm tháng bảy là ngày vong-nhân xá tội.

Tết Trung-thu là tết rằm tháng tám. Người ta cúng lễ mặt Trăng và bày những trò vui chơi cho trẻ.

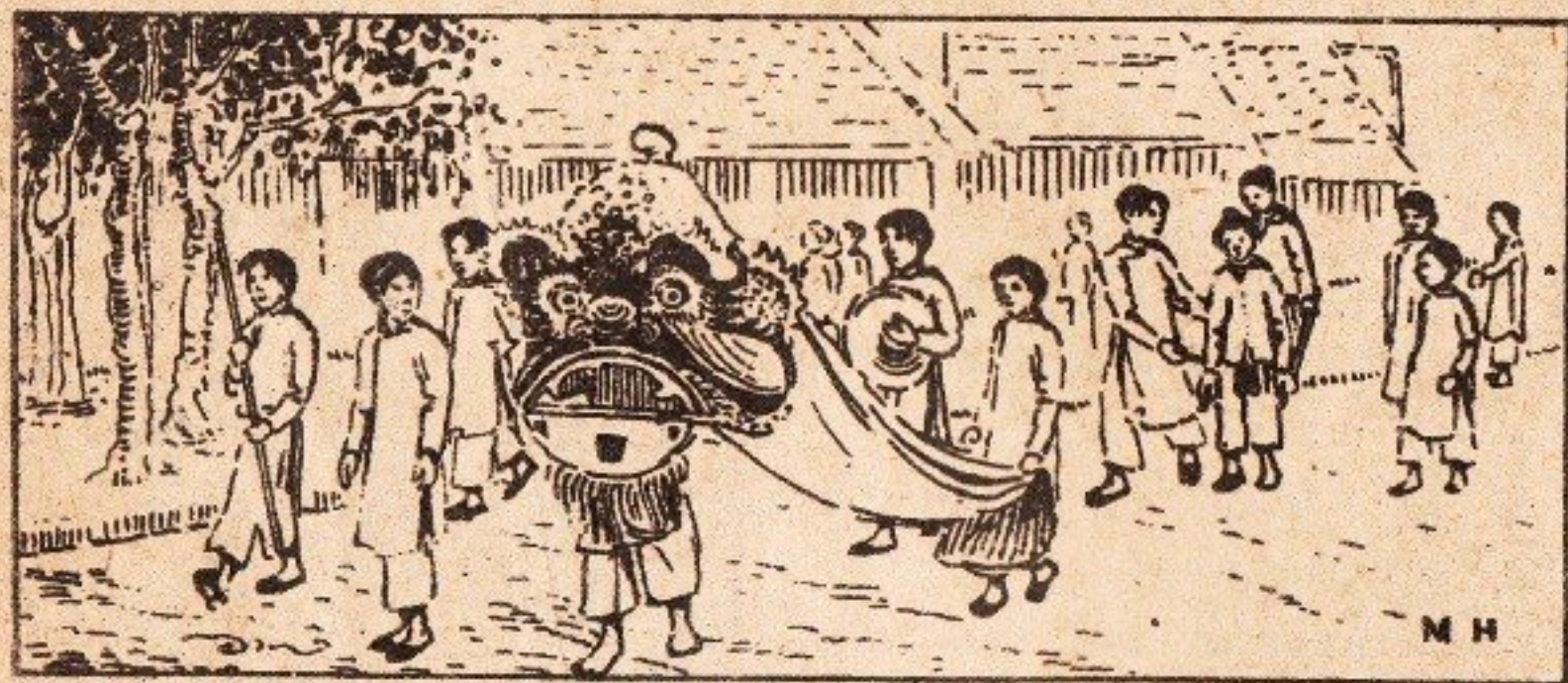
Trong một năm lại còn ngày lễ Phật, vào rằm tháng giêng, ngày Phật giáng-sinh vào mồng tám tháng tư, ngày đi Thanh-minh vào độ tháng ba.

Giải nghĩa. — *Giờ ngọ* = lúc tròn bóng, vào khoảng từ mười-một đến một giờ. — *Chỉ-bùa* = bùa làm bằng chỉ ngũ-sắc. — *Vong nhân xá tội* những vong-hồn dưới Âm-phủ được tha. — *Giáng-sinh* = sinh ra đời. — *mộ* = thăm mộ-mả.



Ngày tết đốt pháo.

Câu hỏi. — Tết Nguyên-đán là gì? — Tết ấy có những lễ gì? — Tết Hàn-thực là tết gì? — Tết Đoan-ngọ là tết gì? — Tết ấy người ta hay làm những gì? — Tết Trung-thu là tết gì? — Tết Trung-thu sao gọi thế? — Tết Trung-thu có những gì? — Không kể những ngày tết trong một năm, còn những ngày lễ nào nữa?



Đám rước sư-tử.

7. Hội Nước ở Cao-mên.

Người Cao-mên gọi ⁽¹⁾ sông Mékong là sông Lớn; người Lào gọi sông Mékong là Mè-nam-không. Nhân dân hai xứ ấy tin rằng ở dưới sông có một vị thủy-thần gọi là Prah-Konkêa.

Cứ hàng năm, sông Mékong dâng nước lên, đem đất phù-sa bồi vào các đồng-điền, làm cho hoa mầu được thêm tốt.

Cho nên năm nào, cứ vào độ tháng một ⁽²⁾ tây, hết mùa mưa, nước sông rút ra, nhân dân sắp được trồng-trọt cây cấy, thì tại Nam-vang, người ta mở hội làm lễ thủy-thần và lễ Trăng rằm tháng chạp rất là trịnh-trọng.

Vua cùng với đình-thần ngự thuyền rồng đến chỗ ngã tư sông, đóng ở đấy ba ngày. Quan, dân lũ xức-tấp-nập kéo đến bờ sông để xem thi bơi-chải, đốt cây bông và các trò múa hát rất vui-vẻ.

Hết ngày thứ ba thì làm lễ cắt-dây. Một thầy-tu cầm thanh gươm chém đứt cái dây chằng ở trên mặt sông ra làm đôi, tựa hồ

(1) kêu — (2) mười-một.

như cho nước sông được phép chảy ra bề. Hội Nước và hội Trăng ở Cao-mên thật là có ý-nghĩa sâu-xa và có vẻ long-trọng.

Ở Ai-lao, tại mấy tỉnh như Bassac, Vạn-tượng và Luang-Prabang, người ta cũng có mở hội như hội này.

Toát yếu. — Người Cao-mên và người Lào kính thờ thủy-thần sông Mékong là Prah-Konkêa.

Ở Cao-mên, tại kinh-đô Nam-vang, năm nào, vào độ nước xuống, người ta cũng mở hội lễ thủy-thần và lễ Trăng rằm. Trong ba ngày hội, có các trò chơi như bơi-chải, đốt cây bông, múa hát. Nhưng trọng nhất là cái lễ cắt dây chằng qua sông.

Ở Lào người ta cũng mở hội Nước ở tỉnh Bassac, Vạn-tượng và Luang-Prabang.

Giải nghĩa. — Thủy-thần = thần nước. — Đình-thần = các quan trong Triều.

Câu hỏi. — Người Cao-mên gọi sông Mékong là gì? — Người Lào gọi là gì? — Người Cao-mên và người Lào gọi thần Mékong là gì? — Tại Nam-vang, người ta mở hội Nước về độ nào và làm những gì? — Hội ấy có ý-nghĩa làm sao? — Ở Lào hội ấy mở tại những tỉnh nào?

8. — Hội đánh cá.

Tại Ai-lao, về vùng thượng-lưu sông Mékong, ở các vực sâu, có một thứ cá lớn gọi ⁽¹⁾ là Pabeuk, nhân dân cho là cá thần, nên có lòng kính-sợ.

Ai đánh những cá ấy thì phải tội, vì cho là phạm đến các thủy-thần và Long-vương Nguek.

Tuy vậy, trong một năm, cũng có mấy kỳ được đánh cá ấy. Người đánh cá, kẻ đi xem, hội-hop trên bờ sông rất đông, không những để đánh cá mà thôi, lại còn được phép bày ra bao nhiêu cuộc cờ-bạc chơi-bời.

(1) kêu.

Người ta thả lưới xuống vực, để ít lâu rồi kéo lên, có khi được những con cá Pabeuk nặng kể hàng mấy trăm cân tây.

Lúc bấy giờ nhân dân tha-hồ chơi-bời thỏa-thích, càng đánh được nhiều cá bao nhiêu, lại càng vui chơi bấy nhiêu, vì cho thế là một cái niềm hay vậy.

Toát yếu. — Ở Ai-lao, hàng năm, cứ vào độ nước xuống, thì người ta đánh cá Pabeuk ở thượng-lưu sông Mekong. Thù cá ấy cho là cá thần, nên khi nào đánh thì người Ai-lao mở hội chơi-bời rất thỏa-thích.

Giải nghĩa. — *Thượng-lưu* = khúc sông trên.

Câu hỏi. — Ở đâu có thú cá Pabeuk ? — Tại làm sao người ta kính sợ giống cá ấy ? — Độ nào người ta được phép đánh cá ấy ? — Những ngày đánh cá ấy nhân dân chơi-bời thế nào ?

thuongmaitr

CHƯƠNG THỨ TÁM

LỄ HÔN. — LỄ TANG.

1. — Lễ hôn.

Lễ hôn là lễ dựng vợ gả chồng. Cứ theo như luân-lý và văn-hóa riêng ở Á-đông ta, thì sự hôn-nhân là gốc rễ cho gia-đình, xã-hội, vì có vợ chồng mới có cha con, có cha con mới có vua tôi, có anh em, có bè-bạn. Vì lễ cưới có cái ý sâu-xa như vậy, cho nên cổ-nhân cho là một cái lễ rất trọng trong đời người.

Lễ hôn kể ra thì phải có sáu lễ như sau này: lễ Nạp-thái tức là lễ dạm; lễ Vấn-danh tức là ăn-hỏi; lễ Nạp-cát tức là trao lời ưng thuận; lễ Nạp-trung hay Nạp-tệ là lễ đưa phàm-vật để làm chứng về sự kết hôn; lễ Thỉnh-ký là lễ xin cho định giờ làm lễ hôn; lễ Thân-nghinh tức là rước dâu.

Khi con trai đã lớn, độ mười-tám, hai-mươi tuổi thì cha mẹ dạm nom (nhằm xem) ⁽¹⁾ nhà ai có con gái xứng đáng để hỏi cho con và xem đôi tuổi không xung-khắc nhau mới mượn người mối-lài. Mối lại nói với cha mẹ người con gái bằng lòng gả, rồi mới đem trầu cau đến dạm.

(Còn nữa).

Toát yếu. — Lễ hôn là lễ dựng vợ gả chồng cho con. Lễ hôn



Đám cưới.

là gốc của phong-hóa xã-hội ở Á-đông ta. Lễ hôn thì ngày trước có đủ sáu lễ, nhưng bây giờ thì giảm đi còn có ba, là lễ dạm, lễ ăn-hỏi và lễ cưới.

Câu hỏi. — Lễ hôn là gì ? — Lễ hôn trước có mấy lễ ? — Hiện bây giờ còn mấy lễ ?

2. — Lễ hôn (tiếp theo).

Lễ dạm (lễ bỏ trầu cau) thì bên nhà trai phải đem trầu cau đến nhà gái để đôi bên làm quen với nhau. Từ đó trở đi, cứ mừng năm ngày tết thì nhà trai phải đem lễ vật đến nhà gái, gọi là đi sêu tết. Được ít lâu, hai bên định ngày làm lễ ăn-hỏi, thì nhà trai đem lễ

(1) coi.

vật như là trầu cau, rượu, trè, lợn ⁽¹⁾ đến nhà gái. Nhà gái nhận lễ, đặt lên bàn-thờ cúng-cáo gia-tiên rồi đem chia cho họ-hàng, bè-bạn để mọi người đều biết rằng mình đã nhận lời gả chồng cho con gái.

Khi đến ngày cưới, những bà con cùng chú-rề đều ăn-mặc quần áo đẹp đi đến nhà gái làm lễ cưới. Trong đám cưới, người ta thường kén một ông già, vợ chồng song toàn, lắm con nhiều cháu, cầm một bó hương đi trước. Khi đến nhà gái, chú-rề vào ⁽²⁾ lễ nhà-thờ cùng ông bà cha mẹ vợ. Đoạn, cô-dâu cũng vào lễ nhà-thờ và lễ ông bà cha mẹ. Rồi rước dâu về, thì họ-hàng thân-thích nhà gái cũng đưa người con gái về nhà chồng, gọi ⁽³⁾ là đưa dâu. Lúc bấy giờ, đám cưới lại có những đồ hồi-môn của nhà gái dẫn về nữa. Khi về đến nhà trai, thì cô-dâu chú-rề đều lễ nhà-thờ và lễ ông bà cha mẹ, rồi mới lễ Tơ-hồng. Đủ các lễ rồi, hai vợ chồng làm lễ hợp-cần.

Được hai hay hôn ngày thì hai vợ chồng đưa nhau về nhà gái để đi lễ tổ-tiên và thăm cha mẹ, họ-hàng, gọi ⁽³⁾ là nhị hi hay tứ hi.

Toát yếu. — Lễ dạm (bỏ trầu) là để bên nhà trai, bên nhà gái làm quen với nhau. Lễ dạm rồi, thì nhà trai phải đi sáu tết. Được ít lâu thì làm lễ hỏi. Bên nhà trai đem lễ vật đến nhà gái cúng-cáo gia-tiên rồi đem chia cho họ-hàng, bà-con. Đến ngày cưới thì họ nhà trai và chú-rề đến nhà gái làm lễ cưới và đón dâu. Cách hai hôm hay bốn hôm lại có lễ nhị hi hay tứ hi.

Giải nghĩa. — *Hồi-môn* = của người con gái đem theo về nhà chồng.

Câu hỏi. — Lễ dạm là gì? — Sáu là gì? — Lễ hỏi là gì. — Đến ngày cưới thì họ nhà trai làm gì? — Đến nhà gái chú-rề làm gì? — Nhà gái làm gì? — Về nhà trai thì cô-dâu làm gì? — Cưới xong, còn lễ gì nữa?

(1) heo — (2) vô — (3) kêu.

3. — Lễ cưới ở Cao-mên.

Ở Cao-mên, khi người con gái đến tuổi lấy chồng thì cha mẹ mời họ-hàng, bà-con cùng các thầy-tu đến để làm lễ gọi ⁽¹⁾ là lễ « Cấm cung ».

Cái tục này lấy nghĩa rằng từ đó trở đi, người con gái đã đứng tuổi, phải ở nhà, luôn bên cạnh mẹ, để mẹ dạy cách ăn, cách ở, cách làm người nội-trợ, nội-tướng về sau này.

Người con trai nào muốn dạm hỏi, thì mượn mối-lái đến nói. Nhà mẹ người con gái bằng lòng gả rồi, thì người con trai phải đến cho nhà gái xem mặt và đem đồ làm tin đến đưa cho người con gái.

Khi đôi bên đã chọn được ngày lành tháng tốt và nhà trai đã lo liệu đủ các lễ vật rồi, thì mới định ước ngày cưới.

Lễ cưới làm tại nhà gái, có đông đủ cả làng nước. Khi nhà trai đã đến nhà gái rồi, thì chú-rề quì xuống, dâng buồng hoa ⁽²⁾ cau lên, đưa hầu cha mẹ vợ, gọi là tỏ cái tình ơn nghĩa của con rể.

Đoạn, theo tục lệ Cao-mên, người ta ăn uống, hát-xướng rất là vui-vẻ.

Toát yếu. — Ở Cao-mên, khi người con gái đã đến tuổi lấy chồng thì cha mẹ làm lễ « Cấm cung », lấy ý rằng tự đó người con gái phải ở nhà học mẹ cho biết cách làm nội-trợ, nội-tướng về sau.

Cái tục cưới-xin thì cũng có mối-lái, dạm hỏi, kén ngày như bên ta. Lễ cưới làm tại nhà gái, chú-rề phải quì trước cha mẹ vợ mà dâng buồng hoa ⁽²⁾ cau. Ngày cưới, cũng ăn uống, hát-xướng theo như thường lệ nước Cao-mên.

Giải nghĩa. — *Cấm cung* = ở trong nhà, không ra ngoài. — *Nội-trợ, nội-tướng* = người giúp việc trong nhà, làm chủ-trương trong nhà.

Câu hỏi. — Ở Cao-mên, khi người con gái đến tuổi lấy chồng thì người ta làm lễ gì? — Lễ làm như thế là có ý thế nào? — Tục cưới-xin bên Cao-mên thế nào?

(1) kêu — (2) bông.

4. — Lễ tang (các lễ).

Cứ theo cái lý « sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn », nghĩa là thờ người chết như thờ người sống, thì lễ tang là một lễ rất trọng.

Khi nhà nào có ông già bà cả mất, thì người ta lấy chiếc đũa đề ngang hàm, bỏ gạo, tiền vào, gọi là phạn-hàm, rồi để xuống đất một lát, gọi là hoàn-thờ. Đoạn, người ta chiêu hồn thất hồn-bạch, rồi mới khâm liệm và nhập quan.

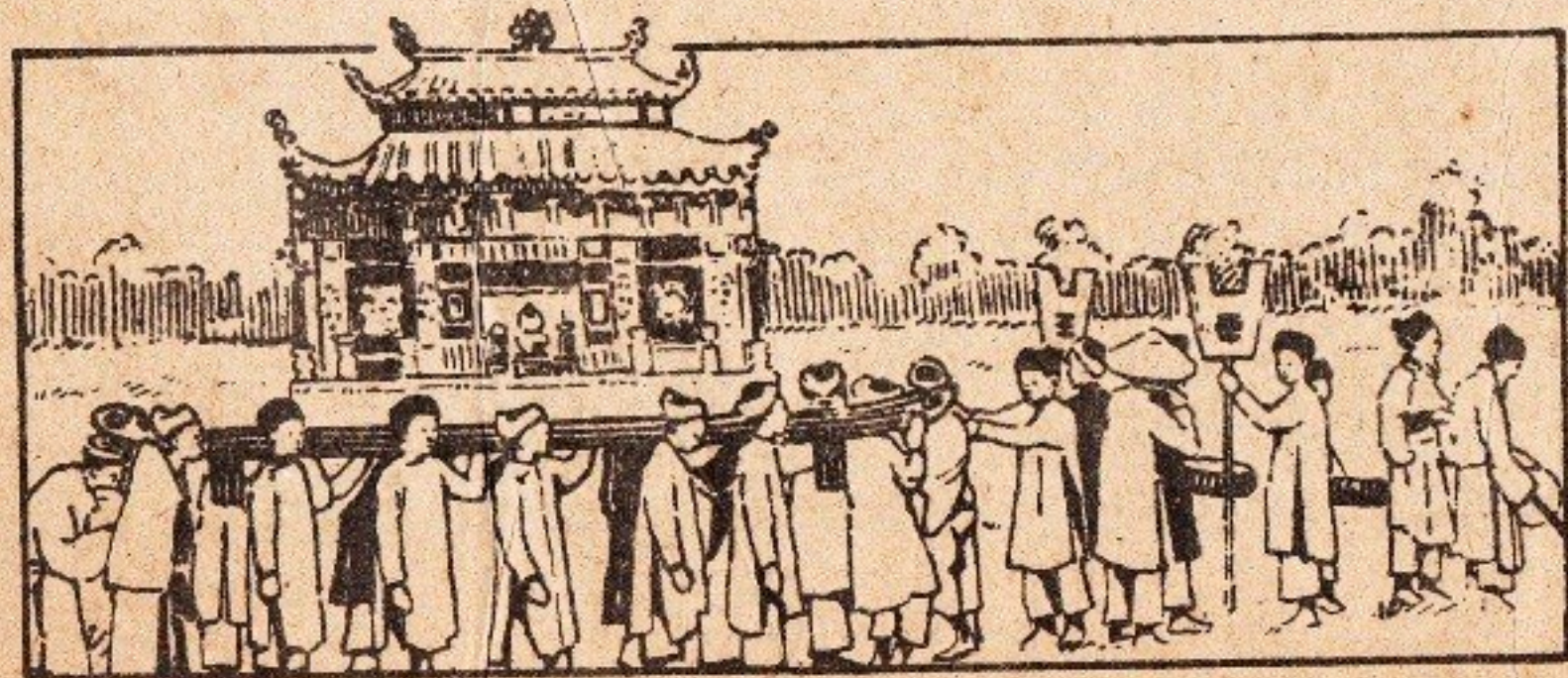
Bàn thờ bày xong rồi, con cháu bận đồ tang phục, xõa tóc ra, rồi vừa lễ vừa khóc, gọi là lễ thành-phục và phát-khốc.

Hôm đưa đám, thì nghi-trượng có minh-tinh, nhà-tàng, vông-chủ, thê-kỳ, câu-đối, hương-án, bàn-độc và nhiều thứ khác nữa, tùy nhà giàu-sang hay nghèo-hèn.

Khi hạ huyệt an táng rồi, con cái về nhà làm lễ luôn ba hôm, gọi là sơ ngũ, tái ngũ, tam ngũ. Từ đó, hôm nào cũng cúng cơm hai buổi cho hết tuần ngày mới thôi.

Được bốn-mươi-chín ngày, người ta làm lễ chung-thất tại chùa. Được một trăm ngày, làm lễ tốt-khốc, là thôi khóc. Được một năm, giỗ đầu, gọi là tiểu-tương. Hai năm, giỗ hết, gọi là đại-tương. Sau đại-tương hai tháng, chọn ngày làm lễ trừ-phục, gọi là đám-tất.

Toát yếu. — Sự tang lễ ở nước ta rất trọng. Khi trong nhà



Đám ma.

có một người mất, người ta khâm liệm nhập quan, rồi thì làm các lễ. Đại-đề có những lễ: thành-phục, phát-khốc, tống-táng, tề ngu, chung-thất, tốt-khốc, tiểu-tương, đại-tương, cho đến lễ đám-tất mới hết.

Giải nghĩa. — Thành-phục = mặc đồ tang. — Phát-khốc = bắt đầu khóc. — Chung-thất = hết bảy tuần bảy ngày. — Trừ-phục = bỏ đồ tang.

Câu hỏi. — Câu « sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn », nghĩa là gì? Khi trong nhà có người mất, thì người ta làm những lễ gì?

5. — Tang phục.

Ở nước ta, đồ tang phục dùng sắc trắng.

Khi cha mẹ mất, thì con trai, con gái, con dâu bận đồ sơ gai. Lúc quan-tài còn để trong nhà, lúc đưa ma và lúc tế-lễ thì con trai đầu đội mũ chuối (mũ rơm), con gái đội mũ gai, lưng thắt dây chuối. Con trai chống gậy, cha thì gậy tre, mẹ thì gậy vông. Người trong họ thì đều chít khăn trắng và mặc áo trắng cả.

Hạn đề tang ở nước ta chia làm năm bậc, gọi là ngũ phục:

1^o Tang ba năm gọi là đại-tang, như tang con để cho cha mẹ, nàng-dâu để cho cha mẹ chồng, vợ để cho chồng, cháu đích-lời thừa-trọng để cho ông bà, chất thừa-trọng để cho cụ ông cụ bà, con để cho đích-mẫu, kế-mẫu, cha mẹ nuôi, con vợ cả để cho từ-mẫu, con vợ lẽ để cho mẹ đẻ....

2^o Tang một năm gọi là cơ-niên như tang cháu trai cháu gái (chưa đi lấy chồng) để cho ông bà nội, cháu để cho chú bác ruột cho cô ruột (chưa đi lấy chồng), anh em chị em (chưa đi lấy chồng hoặc đã lấy chồng mà lại trở về) để cho nhau, chồng để cho vợ (phải chống gậy; nếu cha mẹ hầy còn thì không chống gậy), cháu dâu để cho ông bà chồng, rể để cho cha mẹ vợ, cha mẹ đẻ cho con

(1) bñ.

cho con dâu trưởng và con gái (chưa đi lấy chồng), em đề cho chị dâu trưởng, con đề cho dượng-ghê (đã có công nuôi từ lúc nhỏ)....

3o Tang chín tháng gọi là đại-công như cháu đề cho cô (đã đi lấy chồng), anh em con chú con bác ruột, chị em con chú con bác ruột (chưa đi lấy chồng) đề cho cháu, chị em ruột (đã đi lấy chồng) đề cho nhau, cha mẹ đề cho nàng-dâu thứ, và cho con gái (đã đi lấy chồng)...

4o Tang năm tháng gọi là tiểu-công như cháu đề cho cụ ông cụ bà nội, cháu đề cho ông chú bà bác, bà thím bà bác, bà cô (chưa đi lấy chồng), con đề cho dì-ghê, cháu đề cho chú, bác, thím họ và cô họ (chưa đi lấy chồng), cháu đề cho ông bà (mẹ) ngoại, cậu hay dì ruột. Chị em con chú con bác ruột (đã đi lấy chồng), anh em chị em cùng mẹ khác cha....

5o Tang ba tháng gọi là ti-ma như cháu đề cho cụ ông cụ bà nội, cháu đề cho cụ chú cụ bác, cháu đề cho cụ cô (chưa đi lấy chồng), cháu đề cho bà cô (đã đi lấy chồng), cháu đề cho ông chú ông bác họ và bà cô họ (chưa đi lấy chồng), con đề cho vợ lẽ cha cha mẹ đề cho con rể, con cô con cậu, đôi con dì đề cho nhau....

Toát yếu. — Tục đề tang ở nước ta thì khi quan-tài còn đề trong nhà, con-cái phải mặc đồ sô gai. Lúc đưa đám hay lúc tế lễ thì con trai phải chống gậy.

Lễ tang ở nước ta có năm bậc, gọi là ngũ-phục: đại-tang = ba năm; cơ-niên = một năm; đại-công = chín tháng; tiểu-công = năm tháng; ti-ma = ba tháng.

Giải nghĩa. — *Mũ chuỗi* = mũ kết bằng bẹ chuối khô. — *Tang ba năm* = nói năm thứ nhất đến năm thứ nhì, năm thứ nhì đến năm thứ ba. Tuy là nói ba năm, nhưng theo thói thường thì người ta đề đại-tang có 27 tháng. — *Thừa-trọng* = cháu hay là cháu đích-tôn thay cha hay ông khi cha và ông đã mất rồi. — *Đích-mẫu* = con vợ lẽ gọi người chính-thật của cha. — *Kê-mẫu* = người của cha mình lấy vào thay mẹ mình là chính-thật mà đã mất rồi. — *Tìe-mẫu* = vợ lẽ của cha mà cha giao quyền cho nuôi mình khi mẹ mình đã mất đi.

Câu hỏi. — Đồ đề tang của con trai, con gái thế nào? — Hạn đề tang nước ta chia ra làm mấy bậc? — Là những bậc nào?

CHƯƠNG THỨ CHÍN

ĐƠN-TỪ, THƯ-KHÊ

I. — Đơn xin khản điền.

Bẩm lay quan Tổng-đốc, Ngày.....tháng.....năm....

Tên tôi là Đặng-đình-Mai, ở làng Phượng-vũ, tổng Phượng-vũ, huyện Thượng-phúc, phủ Thường-tín, tỉnh Hà-đông, v nghề làm ruộng. Nay tôi thấy trong tổng tôi, về làng Đồi quan có thửa ruộng công-điền ước chừng năm mẫu, bên Đồi giáp đường cái quan, bên Tây giáp ruộng của Nguyễn-văn-Sắc bên Nam giáp một cái gò; bên Bắc giáp một cái ao của làng Đồi. Dân làng Đông-quan phải xiêu tán, ruộng không cấy cấy, thế tôi xin quan lớn cho phép tôi khai khẩn làm thành ruộng trong ba năm tôi xin đem vào sớ nạp thuế để cho ruộng khỏi phải bỏ hoang.

Phượng-vũ tổng, Chánh-tổng
Cung-hứ-Tài nhận thực.

Nay bảm.
ĐẶNG-ĐÌNH-MAI tự ký.

2. — Đơn xin giảm thuế

Bẩm lay quan Đốc-ly, Ngày.....tháng.....năm....

Tên tôi là Lê-văn-An, làm thợ rèn ở phố hàng Đồng, hộ hai, thành-phố Hà-nội, có đơn vào kêu Quan lớn như sau này. Nguyên tôi làm nghề thợ rèn, mấy năm trước phải đóng thuế môn-bài mỗi năm có ba đồng bạc. Đến năm nay thì thuế tăng lên mười-hai đồng. Tôi đã nộp đủ rồi, nhưng n nặng lắm, sức tôi chịu không nổi, sợ từ đây về sau đóng không đủ thuế, phải tội với Quan lớn. Vậy tôi làm đơn này xin Quan lớn bớt cho tôi chịu thuế mỗi năm là sáu đồng, vì lò tôi ít v lắm, làm mỗi ngày được vài ba đồ vật, bán được độ một v đồng mà thôi, tính lời ra không đủ ăn, còn biết lấy gì mà đóng thuế cho đủ được.

Xin Quan lớn xét lại thương cho tôi được nhờ ơn Quan lớn

Phổ-trưởng:
HOÀNG-VĂN-THỌ nhận ký.

Nay bảm.
Chủ lò: LÊ-VĂN-AN điểm chỉ.

3. — **Đơn xin lĩnh sổ thuyền** ⁽¹⁾.

Bẩm lạy quan Công-sứ,

Tên tôi là Bùi-văn-Nhân, ở làng Cơ-xá, có đóng được một chiếc thuyền, đo thước tây thì bề dọc chín thước, bề ngang hai thước một tấc, bề sâu một thước; chèo ba cái, chở nặng được bốn mươi tạ.

Vì mới đóng xong, chưa có sổ thuyền, chưa có số hiệu, nay tôi làm đơn xin lĩnh sổ thuyền đem vào bộ đóng thuế cho được đi thông hành buôn bán.

Nay bắm.

Ngày.....tháng.....năm.....

Chủ thuyền: BUI-VĂN-NHÂN ký.

4. — **Đơn xin cải táng.**

Bẩm lạy quan Công-sứ,

Tên tôi là Nguyễn-hữu-Úc, ở làng An-ninh, huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên, đến kính xin Quan lớn việc sau này:

Cha tôi làm lái thuyền, lên buôn bán trên Cam-lộ, chẳng may bị nạn chết, chôn ở trên ấy đã được ba năm nay. Nay tôi muốn đem di-hải ⁽²⁾ cha tôi về an-táng tại quê-hương chúng tôi. Vậy xin Quan lớn rủ lòng thương tư cho quan Công-sứ Quảng-trị cho tôi được phép bốc mả cha tôi đem về an-táng tại làng An-ninh.

Cha tôi không phải chết về bệnh thời-khí, nên tôi dám mong rằng Quan lớn sẵn lòng tốt mả cho tôi phép ấy, xin đội ơn Quan lớn vạn bội.

Tôi cam đoan xin theo đúng các cách vệ-sinh về việc cải-táng.

Nay kính xin,

Ngày.....tháng.....năm.....

NGUYỄN-HỮU-ÚC ký.

Lý-trưởng Mỗ nhận thực,
áp triện.

(1) ghe — (2) hài cốt.

5. — **Văn-tự vay nợ.**

Tên tôi là Nguyễn-văn-Tài, vợ tôi là Trần-thị-Tính, ở làng Đỗ-xá, tổng Đỗ-xá, huyện Võ-giang, tỉnh Bắc-ninh; nhân vì nay trong nhà thiếu tiền, nhờ có vợ chồng ông lý-trưởng ở làng Niêm-xá tên là Đinh-xuân-Phong và Lê-thị-Thu cho vay một trăm đồng bạc, lĩnh đem về nhà tiêu dùng; tự xin chịu lãi (lời) y như lệ Nhà-nước, hẹn đến tháng mười năm nay, xin đem trả gốc lãi (vốn lời) đủ số, không dám thiếu-thốn. Nếu quá hạn mà không trả, thì xin cam chịu trả bội lên.

Nhà-nước có phép thường, cho nên làm văn-tự này để làm tin.

Ngày.....tháng.....năm.....

NGUYỄN-VĂN-TÀI tự ký.

Vợ là TRẦN-THỊ-TÍNH điểm chỉ.

6. — **Văn-tự thuê** ⁽¹⁾ **trâu.**

Tên tôi là Nguyễn-văn-Phước, và vợ tôi, ở làng Mi-trà, tổng Phong-thanh, huyện Kiến-phong, phủ Kiến-tương, tỉnh..... làm văn-tự này để thuê hai con trâu cây của ông hương-chủ Phan-văn-Lợi, ở làng Bình-đức: một con đực vừa đúng sáu tuổi, sắc đen, có đủ sừng và đuôi, sừng mọc quặp xuống, hai chân trước có khoáy (xoáy); một con cái, đúng năm tuổi, sắc trắng toàn, có đủ sừng và đuôi, ở sườn bên tả có một cái khoáy (xoáy).

Chúng tôi nhận thuê hai con trâu ấy để đem về cày bừa, hạn trong một năm, thì lại đem trâu trả người chủ. Giá thuê định là tám-mười thùng thóc.

Hoặc khi có xảy ra việc bất thường, hay là chứng bệnh gì mà trâu chết, thì chúng tôi phải báo tin ngay cho chủ biết để chủ đến xét xem, nếu vì chúng tôi tham lợi bắt trâu làm quá sức đến nỗi trâu chết, thì chúng tôi phải chịu bồi thường.

Chúng tôi làm văn-tự này để làm tin.

Ngày.....tháng.....năm.....

NGUYỄN-VĂN-PHƯỚC ký.

Vợ điểm chỉ.

Tá-tả: TRẦN-VĂN-MỖ ký.

(1) mượn.

7. — Văn-tự bán ngựa.

Tên tôi là Đoàn-huy-Cương, ở phố hàng Vọng, hộ thứ hai, thành-phố Hà-nội; nguyên trước tôi có mua một con ngựa sắc trắng, hiện được bốn tuổi, nay cần đến tiền tiêu, tôi bán con ngựa này cho quan phủ Thường-tín là Đỗ-đình-Hằng, giá bốn mươi đồng bạc, giao nhận với nhau xong rồi, hai bên không có phản nản gì nữa. Con ngựa của tôi bán này thật là của tôi; hoặc có ngăn-trở điều gì, thì tôi xin chịu, không can gì đến người mua.

Nhà-nước có phép thưởng, cho nên lập văn-tự để làm tin.

Ngày.....tháng.....năm.....

Chứng kiến :

Đoàn-huy-Cương tự ký.

hộ-trưởng Phú-Ngô-Trần.

8. — Văn-tự bán thuyền.

Tên tôi là Đỗ-như-Lan, ở làng Hạ-nông, tổng Thượng-nông, huyện Tam-nông, tỉnh Phú-thọ, tôi có một chiếc thuyền⁽¹⁾ mới đóng bằng gỗ đinh; bề dài ba mươi thước an-nam, bề rộng tám thước, lòng sâu bốn thước; có mũi, phên, chèo, sào, bánh lái, cọc chèo, cột buồm, cánh buồm và các đồ trong thuyền⁽¹⁾ đủ cả. Nay tôi đem bán chiếc thuyền⁽¹⁾ ấy cho người bán tỉnh ở làng Lâu-hạ, tổng Lâu-thượng, huyện Phù-ninh, phủ Lâm-thảo, tên là Lưu-huy-Chú; giá bây giờ là ba trăm năm-mười đồng bạc; dẫn tiền ngay làm văn-khế, giao nhận với nhau xong đủ rồi. Vì bằng thuyền của tôi là Đỗ-như-Lan này có gian-dối thì tôi xin chịu, không can gì đến người mua.

Nhà-nước có phép thưởng, cho nên làm văn-khế để làm tin.

Ngày.....tháng.....năm.....

Chứng kiến :

Đỗ-như-Lan tự ký.

lý-trưởng Hàn-duy-Khiên áp triện.

(1) ghe.

9. — Văn-khế bán đứt (đoạn).

Tên tôi là Lê-lao-Luận, vợ là Lê-thị-Đào, và các con tôi là Chân, Đình, Châu, ở làng Tân-triều, tổng Bình-an, phủ Đình-viên, tỉnh..... vốn có một thửa⁽¹⁾ ruộng và một khu⁽²⁾ đất có cây ăn quả⁽³⁾, đóng thuế vào hạng ba, ở địa-phận làng ấy. Đổng giáp một cái ngòi⁽⁴⁾ nhỏ, tây giáp ruộng của Trương-Khuông, nam giáp ruộng của Trần-thị-Từ, bắc giáp cây gạo, đông tây tứ chỉ y như trong văn-khế. Nay vì thiếu tiền tiêu, tôi đem ruộng và đất ấy bán đứt (đoạn) cho tên La-Mão, giá tiền là một ngàn đồng bạc, nhận tiền xong rồi, giao văn-khế cho chủ mua nhận lấy ruộng đất ấy mà cây cấy trồng-trọt⁽⁵⁾, truyền cho con cháu đời đời.

Ruộng và đất ấy thật là của vợ chồng tôi, hễ có đối trá thì chúng tôi xin cam chịu lỗi, chẳng can thiệp gì đến chủ mua.

Nhà-nước có phép thưởng, nên viết tờ văn-khế này làm tin.

Niên-hiệu Thành-Thái năm thứ.....ngày.....tháng.....

Tá-tả văn-khế là

Lê-lao-Luận ký.

Lý-văn-Năng ký.

Vợ là Lê-thị-Đào điểm chỉ.

Thừa nhận thực : lý-trưởng là

PHAN-DUY-Cơ áp triện và ký.

10. — Văn-khế bán lai-thục.

Tên tôi là Lê-văn-Bán và vợ là Trần-thị-Đào, ở làng Hương-ngọc, tổng An-tường, phủ Nguyên-hưng, tỉnh Nghệ-an.

Nguyên chúng tôi có một thửa⁽¹⁾ ruộng một mẫu năm sào, ở tại xứ Ngũ-châu, thuộc địa-phận làng Hậu-thôn. Thửa ruộng ấy, đông giáp ruộng của Nguyễn-văn-Quyên, tây giáp con đường cái, bắc giáp con sông con, nam giáp chùa, đông tây tứ chỉ y như trong văn-khế.

(1) sớ — (2) khoảng — (3) trái — (4) rạch — (5) trồng-trọt.

Nay vì thiếu tiền tiêu dùng, chúng tôi đem bán lại-thực thửa ruộng ấy cho vợ chồng Nguyễn-văn-Cả và Hoàng-thị-Lộc, người làng Hàn-thôn, giá là một ngàn quan tiền, giao nhận đủ số rồi. Ruộng ấy thật là của vợ chồng tôi, hễ có điều gì man-trá, thì chúng tôi xin cam chịu tội, chẳng can thiệp gì đến chủ mua.

Kể từ ngày lập văn-khế này, thì chủ mua nhận lấy ruộng ấy mà cấy cấy, hễ khi nào chúng tôi có tiền, xin chuộc lại, thì chủ mua phải cho chuộc, không được cố chấp.

Nhà-ước có phép thường, nên lập văn-khế này giao cho người mua để làm tin.

Tá-tả ĐINH-VĂN-Mỗ ký.

LÊ-VĂN-BÂN ký.
TRẦN-THỊ-ĐÀO điểm chỉ.

11. — Văn-tự cổ ruộng và nhà.

Tên tôi là Lê-văn-Sĩ, và vợ tôi, ở làng Tân-tào, tổng Mỹ-hòa, huyện Phong-nhiều, phủ Ba-xuyên, tỉnh.....

Nguyên chúng tôi có mười-sáu mẫu ruộng và mười mẫu đất ở, vừa của tổ-tiên để lại cho, vừa là của chúng tôi mua được. Ruộng đất ấy đông giáp ruộng tên Cư, tây giáp rừng, nam giáp sông, bắc giáp ruộng tên Đỗ-Phấn, ruộng thì vào sổ địa-bộ là của cha tôi tên là Lê-văn-Hồ.

Nay vì thiếu tiền tiêu dùng, chúng tôi đem cầm cả ruộng đất ấy, cộng là hai-mươi-sáu mẫu, cho người bán (1) xã là vợ chồng tên Vũ-đình-Đức, giá là một ngàn năm trăm đồng bạc, nhận tiền xong rồi, giao văn-khế cho vợ chồng tên Vũ-đình-Đức nhận lấy mà ở cùng cấy cấy. Hạn trong một hai năm, nếu chúng tôi có tiền muốn chuộc lại, thì phải trả đủ tiền gốc và trả thêm tiền lãi (2) ba phân. NƯỚC BẮNG ĐỀ NGOÀI HẠN BA NĂM MỚI CHUỘC THÌ CHÚNG TÔI CHỈ PHẢI TRẢ TIỀN GỐC MÀ THÔI.

(1) bốn — (2) lời.

Hiện chúng tôi có mời hương-chức bản xã đến chứng kiến việc lập văn-khế này; hoặc khi có xảy ra sự gì lời-thời, thì chúng tôi xin chịu lỗi, chứ không can thiệp gì đến chủ mua.

Ngày.....tháng.....năm..... lập văn-khế.

Người bán: LÊ-VĂN-SỸ điểm-chỉ,

Vợ điểm-chỉ,

Em: LÊ-VĂN-BÔN điểm chỉ,

Người làm chứng: ba người hương-chức ký.

Người tá-tả là Tâm ký.

Theo lệ thường, văn-khế này làm thành hai bản, một bản giao cho chủ mua, một bản lưu tại bản xã.

12. — Tờ chúc-thứ cha mẹ chia gia-tài cho con.

Trần-văn-Lợi và vợ là Lưu-thị-Đức, ở làng Vĩnh-phước, tổng An-trung, huyện Vĩnh-an, phủ Tân-thành, tỉnh..... làm tờ chúc-thứ để chia gia-tài như sau này:

Vợ chồng chúng tôi lấy nhau, sinh được ba đứa con: hai trai và một gái. Chúng tôi nghĩ rằng tuổi đã già yếu, không biết sống chết lúc nào, nay có nhà cửa, ruộng vườn, của-cải, đồ vật để lại, mà không chia phần trước cho các con, thì e rằng bất nhật chết đi, chúng nó tất sinh ra tranh-giành, kiện-cáo.

Của chìm, của nổi, tất cả (1) là:

Ba thửa (2) ruộng và đất vườn, cộng là bảy-mươi mẫu. Hai đôi vòng vàng, bảy đôi hoa tai vàng, mười đôi vòng vàng pha, bốn cổ đồ thờ (đỉnh, đèn, nến (3), ván ván), mười cái kiềng bằng bạc vừa lớn vừa nhỏ, năm-mươi đỉnh bạc, một vạn (4) bạc hoa-viên và các đồ vật-vĩnh. Gia-tài này chia ra làm bốn phần:

(1) hết thảy — (2) sở — (3) chân đèn — (4) muôn.

Phần thứ nhất là phần hương-hỏa thì cho con trưởng là Nguyễn-văn-Thâm được giữ đề ngày sau cúng giỗ; còn ba phần thì chia cho mỗi đứa một phần đề ngày sau làm ăn sinh nghiệp.

Giấy này hiện làm trước mặt đông đủ họ-hàng, người thôn-trưởng và các hương-hào. Hoặc về sau có điều gì lời-thôi, thì đã có những người ấy làm chứng.

Các khoản chia ra, định như sau này:

1^o Phần hương-hỏa (những ruộng đất, của-cải gì thì kê ra minh bạch);

2^o Phần của Nguyễn-văn-Thâm (cũng kê ra minh bạch).

NGUYỄN-VĂN-THÂM đã ký nhận;

3^o Phần của Nguyễn-văn-Ngôn, con thứ (cũng kê ra minh bạch).

NGUYỄN-VĂN-NGÔN đã ký nhận;

4^o Phần của Nguyễn-thị-Long (cũng kê ra minh bạch).

NGUYỄN-THỊ-LONG đã ký nhận

Ngoại giả còn một tòa nhà ngói ba lớp, có đủ nhà bếp, nhà xí, thì chúng tôi giữ lại đề ở. Chúng tôi lại giữ năm ngàn đồng bạc để dưỡng lão và chi tiêu về việc tổng táng cho chúng tôi về sau. Nếu số tiền ấy chi tiêu không đủ, thiếu-thốn bao nhiêu thì Ngôn phải chịu. Nhưng nếu chi tiêu còn thừa thì lại là phần của Ngôn. Chúng tôi lại đề cả cái nhà ngói cho Ngôn, các con khác không được tranh-giành gì vào đấy.

Tờ chúc-thư làm ngày.....tháng.....năm.....

Người trong họ, người hào-trưởng,
người tá-tả ký tên.

TRẦN-VĂN-LỢI và vợ
là LƯU-THỊ-ĐÀO ký.

Thôn-trưởng áp triện và ký tên.

Giấy này làm bốn bản, mỗi con giữ một bản. Bản thứ tư lưu tại bản xã để làm tin.

MỤC-LỤC

PHẦN THỨ NHẤT

Luân-lý.

CHƯƠNG I

Bổn-phận đối với gia-tộc.

	Số trang
1. Gia-tộc	3
2. Bổn-phận làm con	4
3. Yêu mến cha mẹ	5
4. Phải tôn-kính và vâng-lời cha mẹ.	6
5. Biết ơn cha mẹ.	8
6. Phụng dưỡng cha mẹ khi già-yếu	9
7. Cháu đối với ông bà	10
8. Thờ-phụng tổ-tiên	11
9. Tình anh em, chị em trong nhà	13
10. Quyển anh trưởng.	14
11. Bổn-phận anh trưởng phải trông nom em.	15
12. Anh phải làm gương cho em.	16
13. Bổn-phận người trong họ ăn-ở với nhau	18
14. Nghĩa gia-tộc.	19
15. Tội-tử	20
16. Bổn-phận đối với tội-tử.	21

CHƯƠNG II

Bổn-phận đối với học-đường.

17. Bổn-phận ta phải đi học	23
18. Sự học-văn và sự giáo-dục	24
19. Đi học phải chuyên cần	25
20. Bổn-phận ở với thầy (lúc đang học)	26
21. Bổn-phận ở với thầy (lúc thôi học rồi).	28
22. Bổn-phận ở với bạn học (lúc đang học)	29
23. Bổn-phận ở với bạn (lúc thôi học rồi)	30

CHƯƠNG III

Bổn-phận đối với bổn-thân.

	Số trang
24. Biết trọng linh-hiến, phải quý thân-thể	32
25. Sự sạch-sẽ	33
26. Tiết-độ.	35
27. Sự ăn uống có điều-độ.	36
28. Nghiện rượu.	37
29. Nghiện thuốc-phiện	39
30. Cờ-bạc.	40
31. Vệ-sinh	41
32. Sự sạch-sẽ	42
33. Cần phải vận-động.	44
34. Thể-thao và du-hí	45

CHƯƠNG IV

Bổn-phận đối với xã-hội.

35. Xã-hội.	46
36. Đoàn-thể trong xã-hội.	48
37. Bổn-phận đối với xã-hội	49
38. Công-bình và nhân-ái.	50
39. Công-bình.	52
40. Trọng cái tinh-mệnh của người ta	53
41. Trọng của người	54
42. Trọng danh-giá người.	55
43. Sự nói xấu	57
44. Sự nói vu.	58
45. Lễ-phép	59
46. Lòng nhân-ái.	60
47. Sự bỗ-thí.	61
48. Cách bỗ-thí phải thế nào?	63
49. Việc thiện.	64
50. Nghĩa đồng-bào.	65
51. Nghĩa hữu-ái.	67
52. Lòng thí-xả	68
53. Đối với các loài cầm thú	69
54. Ta nên thương loài vật	71
55. Kính mến và biết ơn Nhà-nước	72

PHẦN THỨ HAI

Chính-trị. — Phong-tục. — Đơn-từ, thư-khế.

CHƯƠNG I

Bắc-kỳ.

	Số trang
1. Xã — Công-diễn, công-thổ .	74
2. Lý-dịch — Chức-vụ của lý-dịch	75
3. Hương-hội	77
4. Sổ chi thu	79
5. Chánh phó tổng. — Chức-vụ chánh phó tổng.	80
6. Tỉnh. — Các quan. — Chức-vụ của các quan	82

CHƯƠNG II

Trung-kỳ.

1. Xã. — Hương-chức	83
2. Hương-chức (tiếp theo) — Sổ chi thu. — Cai phó tổng.	84
3. Tỉnh. — Các quan. — Chức-vụ các quan.	85
4. Triều-đình	86

CHƯƠNG III

Nam-kỳ.

1. Xã. — Lý-dịch. — Chức-vụ của lý-dịch	88
2. Chức-vụ của lý-dịch (tiếp theo)	89
3. Sổ chi thu	90
4. Cai phó tổng.	91
5. Tỉnh. — Các quan. — Chức-vụ của các quan	92

CHƯƠNG IV

Cao-mên.

1. Xã. — Hương-hội. — Hương-dịch	93
2. Tổng. — Srok	94
3. Tỉnh (khet)	95
4. Triều-đình	95

CHƯƠNG V

Ai-lao.

	Số trang
1. Xã. — Tổng. — Tỉnh.	96
2. Triều-đình	97

CHƯƠNG VI

Chính-thể Đông-pháp 106

CHƯƠNG VII

Cảng-tề. — Hội-hè.

1. Thờ Thành-hoàng	107
2. Tề lễ	108
3. Các ngày tề lễ trong làng.	110
4. Ngày đại-hội	112
5. Ngôi thứ trong làng	113
6. Các ngày tết lớn.	114
7. Hội Nước ở Cao-mên	116
8. Hội đánh cá	117

CHƯƠNG VIII

Lễ hôn. — Lễ tang.

1. Lễ hôn.	118
2. Lễ hôn (tiếp theo)	119
3. Lễ cưới ở Cao-mên.	121
4. Lễ tang (các lễ)	122
5. Tang phục	123

CHƯƠNG IX

Đơn-từ, thư-khế.

1. Đơn xin khẩn điền	125
2. Đơn xin giảm thuế.	125
3. Đơn xin lĩnh sổ thuyền	126
4. Đơn xin cải táng	126
5. Văn-tự vay nợ	127
6. Văn-tự thuê trâu	127
7. Văn-tự bán ngựa	128
8. Văn-tự bán thuyền	128
9. Văn-khê bán đứt	129
10. Văn-khê bán lai-thực	129
11. Văn-tự cõ ruộng và nhà	130
12. Tờ chúc-thư cha mẹ chia gia-tài cho con	131